

TẠP CHÍ MẶT TRẬN

CƠ QUAN CỦA ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

TẠP CHÍ XUẤT BẢN
THÁNG MỘT KỲ
SỐ 148 (2-2016)
Năm thứ 15

MỤ O LỤC

Phó Tổng Biên tập
TÔ VĂN VỸ

Thư ký Tòa soạn
ThS. NGUYỄN THU THẢO

*

Tòa soạn: 59 Tràng Thi, Hà Nội

ĐT: 04.62701754

04.62701755

04.62701757

04.62701758

Fax: 04.62701755

04.62701758

E-mail: tapchi@mattran.org.vn

tcmattran@yahoo.com.vn

Địa chỉ Tạp chí điện tử:

www.mattran.org.vn/home/
tapchi/tcmt.htm

Tài khoản: 0011001262860

SỞ Giao dịch Ngân hàng TMCP
Ngoại thương Việt Nam

*

Giấy phép xuất bản
số 154/GP-BVHTT
ngày 17-4-2001

*

In tại
xưởng in Tổng cục Kỹ thuật

Giá: 15.000 đồng

* Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về Đảng 3

VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

Vũ Văn Hiến vẫn còn đó cuộc đấu tranh giai cấp 4

Đỗ Thị Thạch Tư tưởng của Ph.Ăngghen về con đường “phát triển rút ngắn” - ý nghĩa đối với Việt Nam 8

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TAM GIỚI ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Mạnh Tường Tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh về 13 sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

DIỄN ĐÀN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

Bùi Thị Thanh Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam mãi trong tâm trí những người làm công tác Mặt trận 20

Ngô Vương Anh Người lấp đầy ngăn cách giữa các tôn giáo Ở Việt Nam 23

Nguyễn Mạnh Quang Tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc trong giai đoạn hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay 26

Nguyễn Ngọc Tuyên Nhận diện lợi dụng phản biện xã hội của các thế lực thù địch Ở nước ta - một số yêu cầu đặt ra 29

Nguyễn Thu Thảo Hiệu quả từ cuộc vận động ngày “Vi người nghèo” Ở Vĩnh Phúc 33

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

<i>Nguyễn Đình Chung</i>	Về học thuyết “sức mạnh thông minh”	36
<i>Nguyễn Duy Lợi</i>	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương và tác động đối với Việt Nam	42
<i>Lê Đức Tiết</i>	Abraham Lincoln - Tổng thống lập quốc của Hoa Kỳ	48
<i>Nguyễn Minh Cường</i>	Hoạt động phối hợp giữa mặt trận với hội đồng nhân dân trong tham gia xây dựng chính quyền	52
<i>Phan Đăng Trường</i>	Dự án Luật về Hội: đảm bảo thực chất quyền tự do lập hội	56
<i>Vũ Hải</i>	Dự án luật ban hành quyết định hành chính: có chuyển sang được nền hành chính phục vụ	59

KINH NGHIỆM THỰC NỀN

<i>Trần Thắng</i>	Nâng cao chất lượng công tác cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	62
<i>Nguyễn Thị Lan</i>	Nét đặc thù trong xây dựng nông thôn mới trên quê hương Cố Tổng bí thư Trần Phú	66
<i>Trần Thị Diệu Oanh</i>	Giải quyết khiếu nại hành chính minh bạch để thực hiện quyền giám sát của nhân dân	70
<i>Phạm Công Minh</i>	Một số giải pháp vận động đồng bào theo đạo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc	74
<i>Nguyễn Minh Hương</i>	Nhìn lại kết quả công tác mặt trận của các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc sau một năm thực hiện	78
<i>Trần Anh Dũng</i>	Các giải pháp thu hút, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại Bệnh viện Quân y 354	83

NHÌN RA NƯỚC NGOÀI

<i>Lưu Sa</i>	Kinh tế Nhật Bản sau chặng đường 70 năm	86
---------------	---	----

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý VỚI TẠP CHÍ

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ ĐẢNG

Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo.

Viết năm 1939:

Những chỉ thị mà tôi nhớ và truyền đạt

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG,

H, 2002, t3, tr 139



VẪN CÒN ĐÚ CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP

GS-TS.VŨ VĂN HIỀN

Những biến cố dồn dập đầy xã hội và lý tưởng cộng sản làm vậy nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên
kịch tính của thế giới trong Họa ra là, vấn đề giai cấp vẫn còn Xô trước đây vẫn luôn mới mẻ. Bất
thời gian qua đã tác động nguyên đó. Nó tồn tại khách quan kể ở đâu, bất kể thời điểm nào, khi
rất lớn đến tâm trí và nhận thức của cho tới khi nào không còn những giai cấp tình coi nhẹ hoặc cố tình không
mọi người. Trước xu thế hoà bình, cấp đối kháng về lợi ích kinh tế và đếm xia đến tính phức tạp của cuộc
hợp tác, toàn cầu hoá, khu vực hoá chính trị. vấn đề giai cấp thể hiện ra đấu tranh giai cấp trên mặt trận tư
trước quá trình hội nhập quốc tế sâu tất cả các khía cạnh kinh tế, chính trị, trên các lĩnh vực chính trị,
rộng, nhiều người dường như lãnh trị và xã hội, thể hiện trong các cuộc kinh tế, xã hội, tư tưởng và văn hoá,
quên vấn đề giai cấp. Ai nói đến đấu tranh tư tưởng, trong chính sách thì chính lúc đó cách mạng sẽ phải
đấu tranh giai cấp liền bị quy là “bảo vệ hành động trước các Sự kiện diễn ra giá đắt.

thủ”, “giáo điều”. Ai nhắc nhở phải ra trên thế giới. Cho dù sự sụp đổ chế độ xã hội
cảnh giác với âm mưu “diễn biến **Những cách nhìn khác nhau** chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã
hoà bình” thì bị quy chụp cho cái mũ Hiện nay cũng như trước đây, vì xảy ra, thì những học thuyết về giai
“thiếu thức thời”, “tư duy cũ”. Nhất lợi ích của bản thân, giai cấp tư sản cấp, vai trò của giai cấp lãnh đạo
là sau sự sụp đổ chế độ xã hội chủ luôn dùng mọi thủ đoạn để loại bỏ định hướng cho cuộc cách mạng đó
nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên công cụ soi sáng các biến cố của vẫn không thay đổi và đó chính là
Xô đã hơn 25 năm trôi qua, một lần loài người là lợi ích giai cấp và đấu giá trị quý báu của nhân loại. Hơn
nữa, nhiều nhân vật chống cộng và tranh giai cấp. Quan hệ giai cấp là 25 năm qua, nhân dân các nước
không ít kẻ “ăn theo” càng như đượ gốc tố quan trọng nhất để phân tích Đông Âu và Liên Xô (trước đây)
thể, lu loa đủ điều, hí hửng rằng chủ một cách khoa học mâu thuẫn và đang kiểm chứng tình hình hiện nay.
nghĩa xã hội đã chết, lý tưởng cộng sự vận động phát triển của xã hội. Nhiều người bắt đầu nhận ra rằng
sản đã hết thời; rằng chủ nghĩa Mác đ thực tế hiện nay cho thấy, cuộc đ đã bị đánh cắp một không khí và thể
- Lênin đã cáo chung! Lý do duy tranh giai cấp vẫn tiếp tục diễn ra chế xã hội trong lành gắn liền với lợi
nhất mà họ đưa ra là cố tình đồng theo đúng quy luật phát triển của xã hội và hạnh phúc cho mọi người: đó
nhất việc Liên Xô đổ vỡ với việc hội loài người, vẫn là cuộc đấu tranh là chữa bệnh không mất tiền, giáo
chăm dứt chủ nghĩa xã hội và Chủ giữa “ai thắng ai” trên bình diện quốc đục không mất tiền, lương hưu chắc
nghĩa Mác - Lênin. tế cũng như trong điều kiện cụ thể chắn, xã hội bình đẳng, không có

Tại sao có chuyện rùm beng như ở từng nước. bóc lột, không có áp bức giai cấp...
thế? Nếu như vấn đề giai cấp không Với tầm nhìn rộng lớn và toàn **Trong thế giới tư bản chủ nghĩa**
còn nữa, nếu đấu tranh giai cấp diện, tầm nhìn chiến lược và lâu dài Chúng ta thấy rõ cuộc đấu tranh
không có nữa, thì lẽ gì họ phải lo sợ về cuộc đấu tranh giai cấp, bài học giai cấp vẫn tiềm ẩn trong xã hội tư
họ phải quá hẳn học với chủ nghĩa qua sự sụp đổ chế độ xã hội chủ bản chủ nghĩa với Sự bất công, phân

cực giàu nghèo ngày càng sâu sắc; đồng thời tồn tại một thế giới của
với cảnh sống khó khăn của đội quân những người nghèo khó. số người
thất nghiệp ngày càng đông đảo, sống dưới mức nghèo khổ hiện nay
tình trạng tính mạng, an ninh và trật tự xã hội luôn bị đe dọa; với Sự phá
hủy và suy đồi đạo đức xã hội vì cơ nghiệp, các tệ nạn xã hội luôn đeo
lốc của lợi nhuận.

Nếu đi sâu thêm, ta thấy rằng nguồn gốc của Sự xung đột giai cấp
trong xã hội tư bản vẫn là do lô-gíc giữa tư bản và lao động, nhưng đây
phát triển trong điều kiện bất bình đẳng, đa số phải phục tùng lợi ích
đảng, đa số phải phục tùng lợi ích của tư bản, mâu thuẫn giữa tư bản và
quyền lực của thiểu số; vẫn là do xã hội vận hành trên cơ sở quan hệ
lột và bị bóc lột giữa giai cấp tư sản và người lao động. Đó là chủ
nhiều khu vực trên thế giới. Nhưng làm được điều đó chính là để phục
vụ ngày càng tốt hơn cho giai cấp những người giàu có.

Ở các nước phương Tây hiện nay, dĩ đôi với việc phát triển khoa học,
động, mức độ bóc lột của giai cấp tư bản phát triển tới độ vi thể đã tự
sản (thể hiện ở tỷ suất giá trị thặng quyền nhà nước, trong phạm vi rồi
đầu thế kỷ XXI: khoảng 307%. Ở các nước Tây Âu cũng có mức tăng
tương tự.

Không chỉ ở các nước đang phát triển, mà ngay trong lòng các nước
tư bản chủ nghĩa giàu có nhất, luôn trong lòng chủ nghĩa tư bản.

Vậy là, mặc dù giai cấp các nhà kinh doanh tư sản hiện đại đã biết
quả trước diễn biến của tình hình kinh tế - xã hội, nhưng các lực lượng
đảng người nghèo. Mặc dù giai cấp người làm công ăn lương ở các nước

tư sản hiện nay có Sự mềm dẻo nhất khác trước. Họ hiểu biết hơn và có
nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt vẫn chỉ là ở từng nơi, từng lúc, còn hơn nhưng không kém phần mạnh
và tạo ra bên trong xã hội tư bản những cơ cấu mới và những quan hệ mới,
không mang tính chất tư sản. Cuộc

đấu tranh giai cấp của những người tư bản có những lúc rất hiệu quả của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin: mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với hình thức chi
điển ra không chỉ trong khuôn cấu làm được điều đó chính là để phục
hữu tư nhân sẽ được giải quyết theo hướng công cộng hoá hình thức sở hữu cho phù hợp với tính chất xã hội của sản xuất và điều đó không phải cái thành hiện đại, chủ nghĩa tư bản đã
gì khác mà chính là chủ nghĩa xã hội cố gắng tự điều chỉnh để có thể thích
nghỉ với thời đại, nhưng cũng chính từ tự do cạnh tranh, chủ nghĩa động, mức độ bóc lột của giai cấp tư bản phát triển tới độ vi thể đã tự
làm nảy sinh những vấn đề mới, ngoài ý muốn của nó. Nó sẽ
bị hút dần một cách không tự giác vào một trật tự xã hội mà những
mầm mống và yếu tố của nó sẽ là những điều kiện dẫn tới thay thế chế
độ công hữu bằng chế độ công hữu trên cơ sở cuộc đấu tranh giai cấp được
tiến hành theo một cách thức mới.

Hướng sang thế giới thứ ba
Làm sao có thể quên thế giới thứ ba khi nói về Sự khốc liệt của đấu tranh giai cấp. Có lẽ trên thế giới
nhiều người vẫn chưa quên nỗi đau cái chết của Tổng thống A-gien-đê với chế độ xã hội ông định xây

dựng ở Chi Lê; về Sự thất bại ở Ni- truyền thông. Các lực lượng phản tổng thể của chủ nghĩa đế quốc ca-ra-goat, En Xan-va-do, những đảo động quốc tế phải triển khai cuộc nhằm thực hiện mục tiêu nói trên. lộn ở Mô-dăm-bích, Dim-ba-bu-ê, tiến công trên quy mô lớn như vậy, Thế giới đã gọi nó là “cuộc chiến Ảng-gô-la, Xéc-bi, Áp-ga-ni-xtan, càng chứng tỏ chúng rất lo sợ trước tranh không có khói súng”. Đây thực là rắc... Mặc dù quan hệ Mỹ - Cu Basút mạnh tiềm tàng ngày càng tăng; chất là kẻ sách phá vỡ thành lũy đã được cải thiện, nhưng người ta của các dân tộc kiên quyết vứt bỏ của chủ nghĩa xã hội từ bên trong, vẫn không quên những gì đã diễn ra mọi xiềng xích nô lệ, thực hiện bằng chiến thuật “mối xông nhà” phá xung quanh việc bao vây, cấm vận các châu lý “không có gì quý hơn ruộng cơ cấu kinh tế - chính trị - xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa tư bản cường; cuộc khủng hoảng chính trị Kỳ trong thế giới tư bản chủ nghĩa bên trong. Các chính trị gia đề xuất tại Ucraina không phải không muốn cuối thập kỷ đầu tiên của thế kỷ chiến lược “diễn biến hoà bình” đã màu đấu tranh giai cấp... Cùng với XXI đang bị lung lay, không còn như trước: muốn tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa, không thể dùng vũ lực thuộc Liên Xô (cũ), tất cả những Sự **Chiến tranh không tiếng súng** tấn công từ bên ngoài. Thực tế đúng việc vừa nêu cho thấy rõ cuộc đấu Các thế lực đế quốc hiếu chiến như vậy, chủ nghĩa đế quốc từng bị tranh giai cấp chưa hề ngưng nghỉ, và các lực lượng thù địch bao giờ thất bại liên tiếp trong các cuộc xâm lược vũ trang chống các nước xã kể cả sau chiến tranh lạnh. cũng coi Sự tồn tại của chủ nghĩa xã

Cũng chính do vấn đề giai cấp và lợi ích là sự uy hiếp đối với chúng và lợi ích chủ nghĩa, như đối với Liên Xô đấu tranh giai cấp còn nguyên mà thế, chúng không chấp nhận Sự hiệ sau Cách mạng Tháng Mười, đối với lịch sử đã diễn ra với nhiều Sự kiện điển của chủ nghĩa xã hội. Âm mưu Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều chưa từng thấy Ở các nước thế giới phá bỏ Liên Xô, làm tan rã chủ nghĩa Liên đầu những năm 50 của thế kỷ thứ ba, nơi các dân tộc ngày càng xã hội hiện thực Ở Đông Âu, lật đổ XX, đối với Cu Ba đầu những năm thức tỉnh, không cam nhận làm nô lệ lãnh đạo của các đảng cộng sản, 160 của thế kỷ XX và nổi bật nhất,

Một sự thật mà ai cũng biết là định hình thái ý thức xã hội chủ nghĩa đối với Việt Nam từ cuối những năm Ở Mỹ, hết đời tổng thống này đến là một mục tiêu nhất quán trong kế thập niên 40 đến giữa thập niên 70 đời tổng thống khác, chính sách đối ngoại, cũng như trong hành động của thế kỷ XX... Do vậy, họ chuyển ngoại đều có một điểm chung: đối của chủ nghĩa đế quốc. Thực hiện hướng chống phá các nước xã hội phó với cuộc đấu tranh giai cấp ở hàng loạt chiến lược qua nhiều thập kỷ chủ nghĩa bằng cách trước hết là các nước thế giới thứ ba. Và cũng vì kỳ “chiến tranh lạnh” mà đặc biệt là làm tan rã các đảng cộng sản cầm thể, trong thế giới này đã xuất hiện cuộc chạy đua vũ trang vô cùng tốn tiền, hạt nhân lãnh đạo Ở các những nhân vật nổi tiếng, đại diện kém làm suy yếu và kiệt sức Liên nước đó. Muốn vậy, họ phải tìm mọi cho lương tri của các dân tộc: A-rơ-Xô, chủ nghĩa đế quốc tới nay vẫn cách phá hoại các đảng đó về mặt tư ben, Hồ Chí Minh, Lu- mum-ba, Phiệ hóa từ bỏ âm mưu làm suy yếu các ường và tổ chức. đen Ca-xtơ-rô, A-gien-dê... nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Vì vậy, Biện pháp thường dùng để phá

Trên quy mô toàn cầu, các lực ở mỗi giai đoạn khác nhau, tùy theo loại đảng cộng sản cầm quyền về lượng chống cộng và chống cách tình hình thế giới từng lúc, chúng điều kiện tưởng là lấy tư tưởng xã hội dân mạng vẫn tiếp tục các đòn tiến công hình chiến lược cho thích hợp. chủ thay cho chủ nghĩa Mác - Lênin. với sức mạnh khổng lồ, không chỉ “Diễn biến hoà bình” tiếp đó là Những chuyên gia chống cộng của bằng các vũ khí huỷ diệt con người “cách mạng nhưng”, “cách mạng Mỹ cho rằng: chủ nghĩa xã hội - dân mà bằng mọi vũ khí có thể sử dụng màu da cam” và gần đây là “cách chủ và nhà nước phúc lợi thường là như kinh tế, tư tưởng, văn hoá, mạng hoa nhài” là những chiến lược biện pháp hữu hiệu để đấu tranh với

Sự hấp dẫn của học thuyết cộng sản gây sức ép về kinh tế và chính trị, nâng cao chất lượng công tác lý luận chủ nghĩa. Từ đó, họ đưa ra những buộc đảng cộng sản cầm quyền - tư tưởng, cần đấu tranh có hiệu quả cách lựa chọn dân chủ khác nhau phải thực hiện đa nguyên chính trị chống những quan điểm sai trái. cho mô hình cộng sản chủ nghĩa. và đa đảng đối lập trong xã hội. Trên lĩnh vực kinh tế, phải giữ

Đây là cơ sở phương pháp luận cho 3. Phát động đảo chính quân sự định hướng xã hội chủ nghĩa việc đa nguyên hóa về tư tưởng, tiến sự khi đảng cộng sản cầm quyền trong phát triển kinh tế trong nước, tới thay thế lập trường tư tưởng của suy yếu, mất tín nhiệm và Sự ủng hộ nhập quốc tế; từng bước xây chủ nghĩa Mác bằng ý thức tư sản. hộ trong quần chúng do đường lối, dụng và phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ. Mỗi bước phát triển kinh

Từ việc phá hoại về tư tưởng, bành trướng sai lầm. Tất cả những thủ đoạn mà các thế lực luôn gắn với việc bảo đảm an sinh đảng cộng sản về mặt tổ chức: Cổ vũ để quốc dã và dang sử dụng dõng dã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

đa nguyên chính trị và đa đảng đối với các nước xã hội chủ nghĩa cũng Trên lĩnh vực văn hoá, phải giữ lập trong chế độ xã hội chủ nghĩa. như đối với giai cấp những người gìn và phát huy bản sắc văn hoá Một khi đã chấp nhận đa nguyên lao động trên toàn thế giới cho thấy dân tộc Việt Nam, tiếp thu có chọn chính trị và đa đảng đối lập, thì cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay sẽ lọc tinh hoa văn hoá của nhân loại làm sao tránh khỏi tình trạng trong với trước đây không kém phần gay để xây dựng nền văn hóa dựa trên đảng cộng sản cầm quyền thì có go, quyết liệt, phức tạp. ở các nước đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng các "phái", còn bên ngoài thì có các này, trong điều kiện mở cửa và hội con người mới có năng lực và đạo đảng khác? nhập với thế giới, dùng thủ pháp và đức tốt, có hoài bão và lý tưởng cao

Để thực hiện "diễn biến hoà công cụ kinh tế của chủ nghĩa tư bản đẹp, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, bình" Ở các nước không theo con để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đảng minh vì mọi người.

đường tư bản chủ nghĩa, các thế lực cộng sản cầm quyền càng phải đề Những thắng lợi của Sự nghiệp chống cộng còn dùng thủ đoạn từng cao cảnh giác, mài sắc ý chí cách cách mạng Việt Nam hơn 85 năm bước mua chuộc, lôi kéo các phần mạng, kiên định lập trường giai cấp qua kể từ khi có Đảng đã là minh tử dao động, bất mãn, gây dựng cá nhân dạng thật rõ các hành động và húng sống động về sức mạnh kỳ tổ chức chống cộng sản ngay trong âm mưu thù địch để có biện pháp điều của dân tộc ta trong cuộc đấu

đảng cộng sản và các tổ chức xã đấu tranh có hiệu quả. tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa hội Ở các nước đó. Thực tế cho thấy, Đối với nước ta hiện nay, vấn xã hội. Sức mạnh ấy được kết tinh phương Tây không chỉ nuôi dưỡng đề giai cấp thể hiện rất rõ nét trong bởi sự lãnh đạo tài tình của Đảng mà còn ủng hộ, thúc đẩy phe đối lập lĩnh vực tư tưởng là việc đấu tranh Cộng sản Việt Nam với lòng yêu chính trị đoạt quyền lãnh đạo của để bảo vệ lý tưởng cộng sản, bảo vệ nước nông nần, ý chí độc lập tự đảng cộng sản Ở các nước đó. Để chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ cường và tinh thần chủ động sáng làm việc này, các thế lực chống cộng Chí Minh, bảo vệ định hướng xã hội tạo của nhân dân ta. Điều đó càng thường dùng các hình thức sau: chủ nghĩa và bảo vệ đường lối của khẳng định Sự lãnh đạo của Đảng

1. Vạch kế hoạch gây rối trong Đảng, chính sách và pháp luật của Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách xã hội để dễ bề giành quyền lực. Nhà nước. Đó còn là những nhiệm quan, là nhân tố hàng đầu quyết Hoặc lợi dụng khó khăn về kinh tế, vụ cụ thể để đấu tranh ngăn những định sự thành công của cách mạng. phối hợp bên trong với bên ngoài để hiện thoái hoá, biến chất về Đó chính là cuộc cách mạng giải thực hiện âm mưu chính trị. tư tưởng, chính trị của một bộ phận phóng giai cấp, giải phóng dân tộc,

2. Thông qua bầu cử hợp pháp không nhò cán bộ, đảng viên. Trong gắn kết hữu cơ giữa độc lập dân tộc sau khi bằng nhiều thủ đoạn tinh vi khi thực hiện tốt việc tăng cường và và chủ nghĩa xã hội.a

NI TƯỞNG CỦA PH.ĂNGGHEN VỀ CON ĐƯỜNG “PHÁT TRIỂN RÚT NGẮN” - Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PGS, TS. ĐỖ THỊ THẠCH*

Khi đánh giá công lao to lớn của Ph.Ăngghen đối với chủ nghĩa Mác và đối với phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản thế giới, V.I.Lênin khẳng định: “Muốn đánh giá đúng đắn những quan điểm của Mác, tuyệt đối phải đọc những tác phẩm của Người cùng tư tưởng và người cộng tác gần gũi nhất của Mác là Phridrich Ăngghen” và hơn thế, chúng ta sẽ “Không thể nào hiểu được chủ nghĩa Mác và trình bày đầy đủ được chủ nghĩa Mác, nếu không chú ý đến toàn bộ những tác phẩm của Ăngghen”¹.

Một trong những đóng góp đặc sắc của Ph.Ăngghen cho chủ nghĩa Mác và phong trào cách mạng thế giới là bổ sung, làm rõ lý luận về con đường “phát triển rút ngắn” đối với các nước lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội.

1. Lý luận về sự thay thế nhau của các hình thái kinh tế - xã hội nói chung và hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa nói riêng, lần đầu tiên đã

* Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

được C.Mác luận giải trong các tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gôta* (1855). Theo ông, Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình phát triển lịch sử tự nhiên²; hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa thành hai giai đoạn: Giai đoạn thấp (thời kỳ quá độ) và giai đoạn cao cộng sản chủ nghĩa. Thời kỳ quá độ hay còn gọi là giai đoạn thấp theo ông là: 1/ Xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó, mọi mặt của nó đều mang dấu ấn sâu sắc của xã hội tư bản chủ nghĩa; 2/ Thời kỳ cải biến cách mạng một cách sâu sắc từ xã hội tư bản chủ nghĩa sang xã hội cộng sản chủ nghĩa; 3/ Công cụ để thực hiện Sự cải biến đó là nhà nước, đó là nhà nước chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

Theo quan điểm của C.Mác, quá độ được hiểu là quá độ từ chủ nghĩa tư bản đã đạt tới trình độ phát triển cao sang cộng sản chủ nghĩa, là “sự quá độ” thẳng trực tiếp, không qua bất kỳ khâu trung gian nào. Tuy nhiên, đến năm 1877 do hoàn cảnh thế giới có nhiều đổi thay, C.Mác đã đưa ra dự đoán rằng,

Ở các quốc gia tư bản phát triển thì thế và lực của giai cấp tư sản cầm quyền rất mạnh nên cách mạng vô sản khó nổ ra thành công; vì vậy, rất có thể cách mạng vô sản “sẽ nổ ra Ở tư chi trước lúc lan tới tim của cơ thể tư sản” và nước Nga sẽ là nơi diễn ra cách mạng vô sản đầu tiên.

Trên những cứ liệu của C.Mác, Ph.Ăngghen đã bổ sung thêm nhận định cách mạng vô sản không chỉ nổ ra Ở các quốc gia tư bản chủ nghĩa phát triển - nơi chuẩn bị những tiền đề vật chất chín muồi cho Sự ra đời chủ nghĩa cộng sản - mà còn có thể nổ ra Ở những quốc gia lạc hậu, chậm phát triển. Đó là con đường “phát triển rút ngắn”, mà sau này V.I.Lênin nêu thành khả năng “không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” để tiến lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước, các dân tộc chậm phát triển.

Con đường “phát triển rút ngắn” có thể diễn ra Ở những nước đang trong giai đoạn phát triển tiền tư bản chủ nghĩa hoặc chưa từng trải qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa đã được Ph.Ăngghen (cùng với

Mác) bổ sung khi nghiên cứu về tình hình nước Nga lúc đó. Ph.Ăngghen đặc biệt nhấn mạnh những điều kiện, nguyên tắc chi phối khả năng quá độ này. “Một điều kiện tất yếu để làm được việc đó là tấm gương và sự ủng hộ tích cực của phương Tây... khi nào những nước lạc hậu qua tấm gương ấy mà biết được rằng, việc đó đã được tiến hành như thế nào... thì những nước lạc hậu ấy mới có thể bước vào con đường phát triển rút ngắn như vậy”³. Điều này có nghĩa là, để thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua chủ nghĩa tư bản thì mỗi quốc gia dân tộc cần nhận thức rằng, không thể không tính đến những điều kiện đảm bảo, đó là có sự ủng hộ tích cực, nêu gương của các nước phát triển nhất; là chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại ngay tại quê hương của nó, tức là cách mạng vô sản thắng lợi ở Tây Âu, ở đó đã tiến hành xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Phân tích tình thế cách mạng đang ngày càng gay gắt tại Nga, Ph.Ăngghen nhìn thấy ở đây những khả năng nhất định cho sự phát triển bỏ qua xã hội tư bản “vượt cấp” lên xã hội cộng sản. Theo ông, từ những tiền đề cơ bản ở nước Nga như kết cấu công xã nông thôn tồn tại khắp cả nước, cộng thêm vị thế độc lập thuận lợi của một nước lớn trong cục diện quốc tế đương thời, đặt trong

bối cảnh chủ nghĩa tư bản đã phát triển mạnh ở châu Âu, thì nước này có thể thực hiện bước chuyển vượt cấp lên xã hội cộng sản, bỏ qua “khe núi Cápđia” là những nỗi tai ương, đau khổ của chủ nghĩa tư bản. Ph.Ăngghen khẳng định, không chỉ với nước Nga, mà còn với tất cả các nước đang ở trong giai đoạn phát triển tiền tư bản chủ nghĩa đều “không những có thể mà còn chắc chắn... rút ngắn một cách đáng kể quá trình phát triển của mình lên xã hội xã hội chủ nghĩa và có thể tránh được phần lớn những đau khổ và những cuộc đấu tranh mà ở Tây Âu... phải trải qua”⁴.

Đây là nét độc đáo trong tư duy biện chứng của Ph.Ăngghen thể hiện ở sự nhận thức về tính thống nhất phổ biến giữa cái tất yếu và cái có thể trong vận động của toàn bộ thế giới khách quan. Phép biện chứng duy vật macxit từng vạch rõ, tiến trình lịch sử nhân loại tất yếu phát triển từ thấp đến cao và do đó xã hội cộng sản chủ nghĩa với tính cách một xã hội cao hơn, tốt đẹp hơn xã hội tư bản, tất yếu sẽ thay thế xã hội tư bản. Đây là quy luật của lịch sử, là quá trình lịch sử tự nhiên trong sự vận động của xã hội loài người. Nhưng do những điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị, truyền thống văn hóa khác nhau mà dân tộc này hay dân tộc khác có thể bỏ qua một hoặc một số bước phát triển nào đó

trong những bước đi chung mà nhân loại phải trải qua. Loài người đi tới xã hội cộng sản là cái tất yếu, còn mỗi nước, mỗi dân tộc đi bằng cách nào, vào thời điểm nào lại tùy thuộc vào các yếu tố khách quan và nhân tố chủ quan cụ thể.

Có thể “rút ngắn” để đi lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước lạc hậu, chậm phát triển, nhưng Ph.Ăngghen đã nhìn thấy trong thời kỳ quá độ ở những nước này đầy rẫy những khó khăn, kẻ thù và những lực lượng chống đối giai cấp công nhân và chính đảng cách mạng của nó có thể liên kết lại xung quanh khẩu hiệu “nền dân chủ thuần túy” để chống phá công cuộc xây dựng xã hội mới. Do vậy, Ph.Ăngghen yêu cầu các chính đảng cách mạng ở những nước này phải thiết lập một chính quyền nhà nước mạnh nhằm dập tan Sự chống đối của các thế lực đối lập và thực hiện công cuộc cải tạo xã hội về phương diện kinh tế - xã hội. Đồng thời, họ phải nắm được những vị trí then chốt trong nền kinh tế và dựa vào Sự ủng hộ của quảng đại nhân dân lao động để khắc phục những khó khăn và sửa chữa những sai lầm có thể nảy sinh trong thời kỳ quá độ.

Phân tích bối cảnh xã hội hiện thực ở châu Âu những năm 80 - 90 thế kỷ XIX và triển vọng của cuộc cách mạng xã hội do giai cấp công

nhân và chính đảng của nó lãnh đạo, Ph.Ăngghen cho rằng thời kỳ quá độ là một “cuộc đấu tranh lâu dài và ác liệt”, chúng ta “cần phải suy nghĩ kỹ”, không được nôn nóng, không được phép kết luận vội vàng, bởi đây là “vấn đề khó nhất trong tất cả những vấn đề còn tồn tại” Ở một thời kỳ mà “các điều kiện không ngừng thay đổi”⁵. Tuy luôn nhắc đi nhắc lại rằng, nhiều diễn biến của tình hình không cho phép đưa ra một chương trình hành động cụ thể cho mọi trường hợp có thể xảy ra, nhưng Ph.Ăngghen vẫn cố gắng vạch ra những nét cơ bản nhất, những quy luật chung nhất của thời kỳ quá độ. Trong quan niệm của ông, thời kỳ quá độ là thời kỳ luôn “gắn với một số thiếu thốn nào đó”, bởi đây là “thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia” và “về mọi philung diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra”, như C.Mác đã nói trong “Phê phán cương lĩnh Gôta”.

Nhằm khắc phục những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ vẫn còn khá phổ biến trong phong trào công nhân quốc tế thời kỳ này, Ph.Ăngghen đã nói rõ quan niệm của ông về Sự khác nhau căn bản giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Ông viết: “Cái gọi là “xã hội xã hội chủ nghĩa”, theo ý kiến tôi, không

phải là cái gì đó nhất thành bất biến, mà cũng như mọi chế độ xã hội khác, nó cần phải được xem xét một xã hội được thay đổi và cải tạo thường xuyên. Sự khác biệt có tính chất quyết định của nó so với chế độ hiện nay dĩ nhiên là Ở việc tổ chức sản xuất trên cơ sở sở hữu chung trước hết của từng dân tộc đối với tất cả các tư liệu sản xuất”⁶.

Sự khác biệt căn bản của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản theo Ph.Ăngghen là ở chỗ chủ nghĩa tư bản dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất; còn chế độ cộng sản dựa trên chế độ công hữu về tư liệu xuất - cái mà “chỉ nhờ có nó mới thực hiện được việc giải phóng giai cấp công nhân và cùng với nó, thực hiện được việc giải phóng tất cả những thành viên xã hội”⁷. Tính ưu việt lớn nhất của chủ nghĩa xã hội là, cùng với việc thiết lập chế độ công hữu ấy, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, mọi thành quả của văn hóa, khoa học sẽ mang lại lợi ích cho toàn thể xã hội và cho mỗi người, ông khẳng định một cách chắc chắn rằng, sau thời kỳ quá độ là một “chế độ xã hội mới trong đó sẽ không còn những Sự phân biệt giai cấp như hiện nay nữa và trong đó... những phương tiện để sinh sống, để hưởng thụ những niềm vui của cuộc đời, để có được học vấn và để biểu hiện tất cả mọi năng lực thể chất và tinh thần

của mình, sẽ được giao cho tất cả mọi thành viên trong xã hội sử dụng ngày càng đầy đủ, nhờ sử dụng có kế hoạch và phát triển hơn nữa những lực lượng sản xuất to lớn hiện đã có sẵn, bằng chế độ lao động bắt buộc như nhau đối với mọi người”⁸.

Như vậy, theo quan điểm của Ph.Ăngghen, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội không thể không tiếp thu những thành quả kinh tế - xã hội do giai cấp tư sản tạo ra, bởi đó là điều kiện, tiền đề vật chất để “tạo lập chế độ xã hội mới, cũng như sinh ra những con người... mà chỉ có họ mới đủ sức mạnh và ý chí để xây dựng xã hội mới tốt đẹp hơn”⁹. Điều này có nghĩa là, con người có thể chủ động “rút ngắn” và làm dịu bớt “những cơn đau đẻ” nhưng vẫn tuân thủ quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên.

Tư duy biện chứng mang tầm vóc vạch dòng thời đại này vẫn nóng hổi ý nghĩa lý luận và tính thời sự cấp bách đối với các đảng cộng sản, công nhân quốc tế, trong đó có Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

2. Vận dụng tư tưởng của Ph.Ăngghen về thời kỳ quá độ và con đường “phát triển rút ngắn”, Đảng ta đã lựa chọn “con đường đi lên của nước ta là quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”. “Đây là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp và do vậy, tất yếu phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu

dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế - xã hội có tính chất quá độ”¹⁰. Bồi lẽ, con đường đó không chỉ phù hợp với tính tất yếu của lịch sử, với quy luật và xu thế phát triển của thời đại, mà hơn hết và trên hết, còn phù hợp với bối cảnh lịch sử - cụ thể ở nước ta hiện nay.

Thực tiễn đã và đang khẳng định, ở Việt Nam đồng thời diễn ra bước quá độ từ xã hội phong kiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, xét về mặt tính chất của chế độ chính trị - xã hội và quá độ từ nông nghiệp cổ truyền lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, xét về mặt trình độ phát triển kinh tế. Điều này được xem là đặc điểm căn bản nói lên loại hình phát triển chủ nghĩa xã hội ở nước ta là thuộc loại hình “phát triển rút ngắn” và phương thức “quá độ gián tiếp”.

Tuy nhiên, phải hiểu rằng, sự “phát triển rút ngắn”, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta vẫn là quá trình lịch sử - tự nhiên. Chỉ khi người ta “rút ngắn” một cách duy ý chí, bất chấp quy luật khách quan thì lúc đó, sự phát triển rút ngắn mới trở thành đối lập với tiến trình lịch sử - tự nhiên của các hình thái kinh tế - xã hội. “Thực chất của sự *phát triển rút ngắn* chính là tạo ra Sự phát triển mạnh mẽ, thậm chí nhảy vọt của lực lượng sản xuất”¹¹.

Nội dung của con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam được Đảng ta xác định: “Bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”¹². Theo đó, *phát triển rút ngắn* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về phương diện chính trị, là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa. Về mặt kinh tế, là rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Cần xác định rõ ràng rằng, chúng ta bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa và tình trạng áp bức, bóc lột chứ không bỏ qua những thành tựu văn minh vật chất và tinh thần mà loài người đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là vấn đề có tính nguyên tắc cần thiết được nhận thức và vận dụng trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Vậy là,

“bỏ qua” mà “không bỏ qua”. Điều này đòi hỏi “phải biết thấu thái và làm chủ những tài sản văn hóa của loài người đã sáng tạo ra mà chủ nghĩa tư bản từng phát triển tới những đỉnh cao”¹³, để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép chúng ta thực hiện con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh hiện nay, đã được Đảng ta chỉ rõ là:

Thứ nhất, Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền, có đủ năng lực lãnh đạo Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động. Chúng ta đang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, cùng với sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong xã hội ngày nay, nhân tố kinh tế mà trước hết là sự phát triển cao của lực lượng sản xuất, suy cho cùng có ý nghĩa quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, nhân tố chính trị xét về mặt chủ thể lịch sử lại có ý nghĩa quyết định trong từng bước đi trên con đường phát triển của dân tộc. Nhân tố chủ quan này, trước yêu cầu của Sự nghiệp cách mạng, đang nỗ

lực nhận thức và hành động theo quy luật khách quan, tự chinh đốn để thực Sự trong sạch, vững mạnh. Đây là một bảo đảm cho sự phát triển “rút ngắn” thành công.

Thứ hai, sự nghiệp đổi mới đất nước diễn ra trong bối cảnh cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ. Hiện thực khách quan này vừa đặt ra những thách thức không nhỏ, đồng thời tạo ra thời cơ thuận lợi cho phát triển đất nước: các mối liên hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng tăng, chúng ta có thể tận dụng để mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới vì mục tiêu phát triển; thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển lên quy mô và cấp độ mới cao hơn về chất. Đây chính là những điều kiện quan trọng để “phát triển rút ngắn”.

Thứ ba, qua gần 30 năm đổi mới, nền kinh tế nước ta tăng trưởng nhanh, ổn định; cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo nên thế và lực mới cho nền kinh tế. Phúc lợi xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Thực hiện một bước tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết được một Số vấn đề bức xúc của xã hội. Tỷ

lệ đói nghèo giảm nhanh chóng. Tăng trưởng kinh tế luôn gắn với xóa đói, giảm nghèo và giải quyết những vấn đề xã hội. Hệ thống chính trị được củng Cố, kiện toàn, đổi mới theo hướng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân...

Những thành tựu, tiên đề nêu trên không chỉ là động lực mà còn là những điều kiện cần thiết bảo đảm khả năng thực hiện con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội Ở nước ta. Tuy nhiên, Đảng ta cũng nhận rõ những thách thức không nhỏ trên con đường “phát triển rút ngắn” bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa và xác định phải tập trung giải quyết tốt 8 mối quan hệ lớn: giữa đổi mới, Ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa phát triển kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tất yếu đối với cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, khi vận dụng những tư tưởng của Ph.Ăngghen nói riêng, học thuyết Mác - Lênin nói chung vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, chúng ta cần khắc ghi chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nắm lấy tinh thần và phương pháp để ứng xử với con người và công việc cho đúng. Đó là kim chỉ nam hành động chủ không phải là những tín hiệu, những giáo điều bất biến.a

1. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb TB, M, 1981, t.26, tr 110.
2. C.Mác, Ph. Ăngghen: Toàn tập, Nxb CTQG, H, 1995, t.23, tr 21.
3. 4, 5, 7, 8, 9. C.Mác, PhĂngghen: Sđd, t.22, tr 632, 632,168, 353, 307-308, 659.
6. C.Mác, PhĂngghen, Sđd, t.37, tr 617-618.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG, H, 2011, tr 67.
11. Dương Phú Hiệp: Tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa Ở Việt Nam, Nxb CTQG, H, 2001, tr 193.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, H, 2001, tr 84.
13. Hoàng Chí Bào: Từ những đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Ở Việt Nam hiện nay; Tạp chí Triết học, số 11-2002, tr 10.

Tư DUY SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

PGS-TS. NGUYỄN MẠNH TUỜNG

LTS: HỒ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người đã bế sung phong trào yêu nước vào công thức của Lênin về thành lập Đảng Cộng sản Ở các nước thuộc địa nói chung và Ở Việt Nam nói riêng sao cho phù hợp với quy luật phát triển của dân tộc và thời đại. Việc bế sung đó đã tạo điều kiện cho phong trào yêu nước được tiếp thu hệ tư tưởng tiên tiến của thời đại và thúc đẩy nhanh quá trình gặp gỡ kết yếu giữa yêu cầu khách quan của thực tiễn cách mạng Việt Nam với nhân tố chủ quan HỒ Chí Minh đưa đến Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Đó là một hiện tượng phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam.

Từ trước đến nay, khi nói về quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, một số tác giả chỉ đề cập đến ba nhân tố là chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Trong đó, chủ nghĩa Mác - Lênin được xem là nhân tố lý luận, còn phong trào công nhân và phong trào yêu nước được xem là nhân tố thực tiễn. Nhưng, trong Diển văn kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương 3-2-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: 'thủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương (Đảng Cộng sản Việt Nam - Chương trình tóm tắt của Đảng) vào đầu năm 1930"¹. Điều đó đã gợi ý cho tác giả bài báo hướng tới việc nghiên cứu nhằm góp thêm cơ sở để làm sáng tỏ tư duy HỒ Chí Minh về quy luật hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên thực tế, đây là vấn đề không mới, nhưng cần làm sáng tỏ để vận dụng vào phân tích và nhận thức quy luật phát triển của Đảng cùng với thực tiễn đổi mới đất nước đang đặt ra Ở giai đoạn cách mạng hiện nay.

1. Từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin đến quan điểm của HỒ Chí Minh về thành lập Đảng Cộng sản

Tư tưởng HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác - Lênin và trực tiếp từ học thuyết về xây dựng Đảng kiểu mới của Lênin. C.Mác và V.I.Lênin quan tâm đến vấn đề thành lập Đảng Cộng sản Ở các nước phương Tây, các nước có nền kinh tế tư bản phát triển. Nhiệm vụ của Đảng Cộng sản là lãnh đạo giai cấp vô sản và quần chúng lao động làm cách mạng vô sản nhằm lật đổ chế độ tư bản và

xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa và tiến tới xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong đó không còn áp bức, bóc lột, không còn bất bình đẳng và bất công, con người được giải phóng hoàn toàn và được tạo mọi điều kiện cần thiết để tự do phát triển hết những khả năng sẵn có của mình.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của C.Mác, V.I.Lênin đã nêu lên công thức chung về việc thành lập Đảng Cộng sản ở các nước phương Tây: “Đảng Cộng sản là sản phẩm của Sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân phương Tây”². Chủ nghĩa Mác là học thuyết xã hội thực sự nhân đạo; là hệ tư tưởng khoa học của giai cấp vô sản, cung cấp những nguyên lý, quy luật chung cho tất cả các nước, các dân tộc. Theo Lênin, C.Mác đã để lại cho chúng ta một công cụ nhận thức vĩ đại và đã chỉ ra con đường, phương thức của Sự tự giải phóng con người, giải phóng xã hội và phát triển xã hội. Giai cấp công nhân phương Tây là lực lượng tiên tiến, tiến bộ trong phương thức sản xuất xã hội; có ý thức tổ chức, có tinh kỷ luật và tinh thần tự giác cao độ; có trình độ khoa học, kỹ thuật, luôn nhạy bén với cái mới, dễ tiếp thu và vận dụng cái mới vào đời sống; giai cấp công nhân phương Tây đông đảo về số lượng, lại được rèn luyện, thử thách trong nền sản

xuất tư bản chủ nghĩa và tập trung nhiều ở thành phố; giai cấp công nhân phương Tây có vai trò gánh vác sứ mệnh lịch sử giải phóng xã hội. Song, để hoàn thành được sứ mệnh lịch sử cao cả đó, giai cấp công nhân phương Tây cần phải có một chính Đảng lãnh đạo. Chính vì vậy, việc kết hợp giữa chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân phương Tây là một tất yếu khách quan và sản phẩm của nó chính là Sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước tư bản phương Tây.

Phát triển học thuyết của Lênin về xây dựng Đảng kiểu mới theo tinh thần của chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh quan tâm trước hết đến việc xây dựng Đảng Cộng sản ở những nước thuộc địa, lạc hậu, kinh tế kém phát triển và những nơi mà tàn tích phong kiến còn rất nặng nề. Với nhiệm vụ lãnh đạo quần chúng lao động làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hay làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, nghĩa là phải giải quyết đồng thời hai mâu thuẫn chủ yếu của cách mạng lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa dân tộc với thực dân xâm lược và mâu thuẫn trong nội bộ dân tộc giữa công nhân, nông dân với tư sản, địa chủ phong kiến nhằm giải phóng dân tộc, đem lại ruộng đất cho dân cày và dân chủ cho nhân dân.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản ở các nước thuộc địa nói chung và Việt Nam nói riêng phải là lực lượng tiên tiến trong giai cấp và dân tộc; có đủ khả năng đề ra được đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn; có đủ khả năng vận động, tập hợp, tổ chức lực lượng toàn dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, lãnh đạo cách mạng và đưa cách mạng đến thắng lợi; đồng thời gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng vô sản thế giới. Nói cách khác, Đảng Cộng sản ở Việt Nam phải là một tổ chức chính trị mang hệ tư tưởng Mác - Lênin, có khả năng truyền bá hệ tư tưởng đó trong giai cấp và dân tộc; hơn nữa là một tổ chức luôn thống nhất cao về ý chí và hành động.

Dựa trên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu sâu sắc tình hình thực tế cách mạng Việt Nam và nhận thấy chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ cung cấp lý luận chung về Đảng Cộng sản cho tất cả các nước, các dân tộc, còn ở các nước thuộc địa và Việt Nam không thể áp dụng nguyên si, những cũng không được xa rời công thức ấy. Bởi vì, giai cấp công nhân Việt Nam mới ra đời và còn nhiều hạn chế so với giai cấp công nhân phương Tây, nhưng nếu xa rời công thức của Lênin, nghĩa là không thừa

nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân với đội quân tiên phong của mình là Đảng Cộng sản thì sẽ không thể tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và đưa cách mạng đến thắng lợi. Trên cơ sở tổng kết lịch sử và thực tiễn các phong trào yêu nước của cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã nhận thấy rằng cùng với giai cấp công nhân là cả dân tộc Việt Nam đang hình thành một lực lượng đông đảo có bề dày lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, chống áp bức, bóc lột. Từ đó, Hồ Chí Minh đã mở rộng công thức của Lênin cho việc thành lập Đảng Cộng sản Ở các nước thuộc địa nói chung và Việt Nam nói riêng là “Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước”. Việc bổ sung phong trào yêu nước cho phong trào công nhân là cần thiết để không khiến cưỡng áp dụng nguyên si, nhưng cũng không xa rời công thức của Lênin, mà phù hợp với công thức ấy và phù hợp với quy luật phát triển của dân tộc và thời đại, còn việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào thời điểm nào phải tùy thuộc Ở những điều kiện lịch sử cụ thể của thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, khi vận dụng quan điểm của Mác - Lênin về xây dựng Đảng đòi hỏi phải có sự sáng tạo về

lý luận, không được giáo điều, dập khuôn, máy móc. Tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh chính là đã bổ sung phong trào yêu nước vào phong trào công nhân để tăng cường lực lượng và sức mạnh của giai cấp công nhân để trở về với công thức chung của Lênin.

2. Kết hợp phong trào công nhân với phong trào yêu nước Ở Việt Nam

Trên cơ sở tổng kết và khái quát lý luận về thực tiễn cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh chỉ rõ giai cấp công nhân Việt Nam đã có một số ưu điểm, song cũng không tránh khỏi những hạn chế. *Về ưu điểm*. Giai cấp công nhân Việt Nam tuy mới hình thành nhưng đã được trang bị hệ tư tưởng Mác - Lênin hay hệ tư tưởng vô sản; là giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất xã hội và trong dân tộc; có ý thức tổ chức, tinh thần kỷ luật và tinh thần tự giác cao độ; có kiến thức khoa học, kỹ thuật, nhạy bén với cái mới, dễ tiếp nhận và vận dụng cái mới vào đời sống; là giai cấp có lòng căm thù sâu sắc đối với thực dân, đế quốc và áp bức, bóc lột; có tinh thần cách mạng triệt để nhất để tiến hành một cuộc cách mạng và đưa cuộc cách mạng đó đến thắng lợi cuối cùng. Như vậy, giai cấp công nhân là giai cấp giữ vai trò lãnh đạo cách mạng. Tuy nhiên, giai cấp công nhân Việt Nam vẫn còn một số

hạn chế như: Ít về số lượng; mỏng về mật độ, lại phân bố rải rác trên nhiều khu vực; đại bộ phận công nhân đều xuất thân từ nông dân và còn mang nặng những đặc điểm tiểu nông, vì thế phong trào còn non yếu và trình độ nhận thức thấp, chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh. Trước một thực tế như vậy, thì không thể thành lập Đảng Cộng sản Ở Việt Nam theo như công thức chung của Mác - Lênin.

Bên cạnh giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh đã nhận thấy ở Việt Nam hiện đang tồn tại phong trào yêu nước rộng lớn lôi cuốn được mọi tầng lớp nhân dân, chủ yếu là nông dân vào cuộc đấu tranh chống thực dân, tư sản và phong kiến. Phong trào yêu nước Ở Việt Nam đã có nhiều *ưu điểm* như: Đông đảo về số lượng, Vì đã lôi kéo được cả dân tộc tham gia; mật độ dày đặc, vì Ở đâu cũng có người Việt Nam đấu tranh chống thực dân, tư sản và địa chủ phong kiến; dân tộc Việt Nam mà chủ yếu là nông dân có lòng căm thù thực dân, phong kiến cao độ, có tinh thần dũng cảm trong chiến đấu, là lực lượng nòng cốt của phong trào yêu nước, lại có bề dày kinh nghiệm trong đấu tranh, còn các tầng lớp, bộ phận khác tham gia phong trào yêu nước tùy theo lợi ích của họ quy định. Tuy nhiên, Ở vào thời điểm đó phong trào yêu nước vẫn còn một số *hạn chế* như: diễn ra lẻ tẻ Ở nhiều

nơi và không có Sự liên hệ chặt chẽ với nhau; các cuộc đấu tranh yêu nước chủ yếu là được dẫn dắt bởi các quan lại phong kiến hay các sỹ phu yêu nước mà chưa có lý luận khoa học cách mạng dẫn đường, vì thế mà không thể mở rộng cuộc đấu tranh và đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi cuối cùng.

Kết hợp phong trào công nhân với phong trào yêu nước là cần thiết để phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nhằm tạo ra tiền đề lý luận cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong Sự kết hợp ấy, phong trào công nhân đã thúc đẩy phong trào yêu nước hồi đầu thế kỷ XX gặp gỡ và tiếp nhận hệ tư tưởng tiên tiến của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lênin làm hệ tư tưởng của mình. Trong Sự kết hợp ấy, phong trào công nhân với đội quân tiên phong Đảng Cộng sản đã trở thành nòng cốt của cuộc đấu tranh, dẫn dắt cuộc đấu tranh và phong trào yêu nước đã bổ sung cho phong trào công nhân để có đủ lực lượng mở rộng cuộc đấu tranh, vì thế mà cuộc đấu tranh của dân tộc có đầy đủ cơ sở để đi đến thắng lợi hoàn toàn. Thành công của Hồ Chí Minh chính là Ở chỗ đã vận dụng sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng Đảng kiểu mới vào phân tích sâu sắc tình hình thực tế của cách mạng Ở Việt Nam nhằm hoàn thiện lý luận về xây dựng Đảng Cộng sản Ở Việt

Nam. Việc bổ sung phong trào yêu nước cho phong trào công nhân là tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh nhằm nâng phong trào công nhân Việt Nam lên ngang tầm với phong trào công nhân phương Tây để trở về với công thức của Lênin.

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước vẫn chưa đưa đến Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ ra đời trên cơ sở kết hợp những yêu cầu khách quan của cách mạng với nhân tố chủ quan kiệt suất do cuộc cách mạng đó sinh ra. Do vậy, mà việc thành lập Đảng Cộng sản Ở Việt Nam mang đặc thù riêng. Ở Việt Nam, phong trào yêu nước bổ sung cho phong trào công nhân là để tăng cường lực lượng, sức mạnh của giai cấp công nhân; để phong trào yêu nước tiếp nhận hệ tư tưởng Mác - Lênin và nâng giai cấp công nhân Việt Nam lên ngang tầm với giai cấp công nhân phương Tây đưa việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam trở về với công thức của Lênin.

3. Những hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh tiến tới thành lập Đảng CQng sản Việt Nam

Trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh không những đã nhận thức được tầm quan trọng về vai trò của một chính đảng cách mạng, mà

còn chuyển nhận thức đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Theo Người, muốn giải phóng dân tộc thành công “Trước hết phải có Đảng cách mạng, để trong thì vận động, tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”³.

Sau khi tiếp xúc với “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, đã biểu quyết tán thành Quốc tế III và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc đi sâu nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực hoạt động Ở Quốc tế Cộng sản. Năm 1921, Hồ Chí Minh đã tham gia thành lập “Hội liên hiệp thuộc địa” Ở Paris và cơ quan ngôn luận của Hội là Báo “Người cùng khổ”; năm 1925, tại Quảng Châu - Trung Quốc, Người tham gia thành lập “Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Ở Á Đông” và “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” - tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua tổ chức Hội, có cộng sản đoàn làm nòng cốt, Nguyễn Ái Quốc đã mở các lớp huấn luyện tại Quảng Châu từ năm 1925 đến năm 1927 và từ năm 1927 đến năm 1928 sau đó gửi các thành viên đã được huấn

luyện của Hội về nước để tuyên truyền lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức dân chúng, một số người được chọn gửi vào trường Quân Sự Hoàng Phố và Trường đại học Phương Đông để học tập. Những hoạt động trên của Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin trong phong trào công nhân, phong trào yêu nước và tạo sự gắn bó chặt chẽ cho hai phong trào này, đồng thời chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Ở Việt Nam sau này.

Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản Ở Việt Nam (Đông Dương cộng sản Đảng thành lập tháng 6-1929, An Nam cộng sản Đảng thành lập tháng 8-1929 và Đông Dương cộng sản Liên đoàn thành lập tháng 9-1929) vào năm 1929 là sản phẩm tất yếu của phong trào công nhân và phong trào yêu nước đang dâng cao, là sản phẩm tất yếu của Sự chuyển biến về ý thức hệ Ở Việt Nam. Những người cách mạng Việt Nam trong nước đã nhận thấy tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên không còn đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, cần phải có Đảng Cộng sản thay thế. Ba tổ chức cộng sản này có cùng mục tiêu, lý tưởng, nhưng lại hoạt động độc lập, riêng rẽ, thậm chí còn tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau trong quần chúng. Từ đó đã xuất hiện yêu cầu khách quan của thực tiễn cách mạng Việt

Nam là phải hợp nhất ba tổ chức đó thành một Đảng Cộng sản duy nhất để thống nhất lãnh đạo quần chúng nhân dân làm cách mạng.

Trước những yêu cầu khách quan của thực tiễn cách mạng Việt Nam, với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản được cử về chỉ đạo cách mạng phương Đông và bằng uy tín cá nhân, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản Ở Việt Nam vào ngày 3-2-1930. Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản đã trở thành Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó cho thấy việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam không phải là một sự kiện ngẫu nhiên, mà là một Sự kiện hợp với quy luật với sự chuẩn bị kỹ càng về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Hội nghị, các Đại biểu đã nhất trí thông qua Chính cương, Sách lược, Điều lệ văn tắt của Đảng do Hồ Chí Minh khởi thảo. Trong đó, Hồ Chí Minh xác định cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Người viết: Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, Người đã tìm mọi cách để đào tạo họ thành những người cách mạng, có Sự thống nhất cao về ý chí và hành động theo những nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. Việc thống nhất ba tổ chức cộng sản thành

Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930 đã đáp ứng được đòi hỏi bức thiết của thực tiễn cách mạng Ở Việt Nam lúc bấy giờ và là một hiện tượng hợp quy luật.

Như vậy, sau khi tiếp xúc với “Sơ thảo luận cương” của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu sâu hơn chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực hoạt động thực tiễn để chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tạo điều kiện cho sự gặp gỡ tất yếu của phong trào yêu nước với tư tưởng tiên tiến của thời đại. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam không phải là một Sự kiện ngẫu nhiên, mà là một hiện tượng hợp quy luật. Đó là sự gặp gỡ của nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh với yêu cầu khách quan của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Từ đó, Người đã luôn tìm cách đào tạo và rèn luyện đội ngũ đảng viên của Đảng thành một lực lượng có Sự thống nhất cao về ý chí và hành động nhằm đáp ứng yêu cầu của cách mạng Việt Nam.

4. Tự chính đến, tự đổi mới là quy luật phát triển của Đảng Ở giai đoạn hiện nay

Để xứng đáng là một Đảng cách mạng chân chính, “vừa là đạo đức, vừa là văn minh”, luôn tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của cả dân tộc và thời đại thì Đảng phải thường xuyên tự chính đốn, tự đổi mới. Hồ Chí Minh viết: “Phải chính đốn Đảng là vì trong số đông đảng viên gương mẫu, tận tâm,

tận lực phục vụ cách mạng, phục vụ giai cấp, vẫn còn một số không phải là ít Đảng viên không làm đúng chính sách của Đảng, của chính phủ, không đi đúng đường lối của nhân dân, những Đảng viên ấy chưa thật sự đúng đắn cho nên phải chỉnh⁴. Do bộ máy cố kèn, lòng léo, làm suy giảm sức chiến đấu của Đảng. Vì vậy, cần phải thường xuyên tự đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Công việc này càng trở nên quan trọng và cấp bách hơn khi: Cách mạng gặp khó khăn tổn thất, xuất hiện tư tưởng hoang mang, dao động, nhụt ý chí chiến đấu; cách mạng trên đà thắng lợi, xuất hiện bệnh kiêu ngạo, chủ quan, duy ý chí; cách mạng bước sang chặng đường mới, thực hiện nhiệm vụ mới.

Chỉnh đốn và đổi mới Đảng là nhằm làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; làm cho đội ngũ đảng viên, cán bộ không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực trước những yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng; là để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi và tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hoá, biến chất gây ra, những lỗi lầm, sai trái, quan liêu, xa dân, tự cao tự đại, cá nhân chủ nghĩa, tự do, vô kỷ luật, tham ô, trụy lạc,... mà đảng viên mắc phải.

Chỉnh đốn và đổi mới Đảng là việc làm thường xuyên của Đảng, cần đặc biệt quan tâm, trong công tác xây dựng Đảng, nhất là trong điều kiện Đảng

lãnh đạo chính quyền. Trong điều kiện ấy, Người đã nhìn thấy rõ hai mặt của quyền lực: mặt tích cực là khi biết sử dụng đúng quyền lực sẽ tạo ra sức mạnh to lớn để cải tạo cái cũ và xây dựng cái mới; mặt tiêu cực là khi quyền lực bị lạm dụng, bị tranh giành, bị lợi dụng, lạm quyền của những kẻ thoái hoá, biến chất, cơ hội,... thì nó cũng sẽ có sức phá hoại ghê gớm nếu người nắm quyền thoái hoá, biến chất, lạm dụng, tranh giành quyền lực... Vì vậy, Đảng phải đặc biệt quan tâm đến việc chỉnh đốn và đổi mới để hạn chế, ngăn chặn và đẩy lùi, tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hoá, biến chất gây ra trong điều kiện Đảng cầm quyền. Hồ Chí Minh từng lưu ý: "Một dân tộc, một đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định ngày hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân"⁵.

Trong quá trình tự chỉnh đốn, tự đổi mới cần phải phân tích cụ thể mỗi tình hình cụ thể nhằm làm cho Đảng ta thật sự là Đảng của đạo đức và văn minh, tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự và lương tâm của cả dân tộc và thời đại. Tự chỉnh đốn, tự đổi mới luôn luôn là vấn đề mang tính thời sự trong tất cả mọi giai đoạn cách mạng của chúng ta. Do vậy, sự tự chỉnh đốn và tự đổi mới của Đảng cần phải được

thực hiện trên cả ba mặt: tư tưởng, chính trị và tổ chức.

Về chính trị, đó là đường lối chính trị đúng đắn và có bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi tình huống và mọi giai đoạn của cách mạng. Đường lối đúng đắn mới tránh khỏi tổn thất cho cách mạng, đường lối đúng còn đóng vai trò quyết định thành công của cách mạng. Bản lĩnh vững vàng mới vượt qua được mọi khó khăn, hiểm nghèo, mọi giai đoạn cách mạng phức tạp khác nhau. Trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng cần phải đề ra được biện pháp và bước đi phù hợp cho cách mạng Việt Nam, đồng thời phải tranh thủ được sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ trên thế giới để tạo ra sức mạnh tổng hợp.

Về tư tưởng, đó là tư tưởng cách mạng triệt để và tiên công, cần luôn luôn đề phòng và kịp thời khắc phục những lệch lạc. Đó là các tư tưởng tà khuynh, hữu khuynh, xét lại, giáo điều,... Hiện nay trước Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, trước những mặt trái của cơ chế thị trường, nhiều người đang hoài nghi và mất lòng tin vào chế độ, nhụt ý chí chiến đấu, vì thế, cần khẳng định vào tương lai tươi sáng và củng cố lòng tin ở mỗi người. Trong tình hình mới, chúng ta cần bảo vệ và phát triển tư tưởng cách mạng và khoa học, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, lấy thực tiễn Việt Nam làm điểm xuất phát, lấy việc cải

tạo hiện thực Việt Nam làm mục tiêu để vừa vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vừa làm giàu thêm trí tuệ của mình bằng việc kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Về tổ chức, phải xây dựng Đảng thành một tổ chức chính trị trong sạch, vững mạnh, một tổ chức chiến đấu kiên cường; xây dựng một tổ chức trọng chất lượng, lấy việc nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhiệm vụ thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên và toàn Đảng. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, có lúc Đảng đã phạm những khuyết điểm sai lầm, nhưng Đảng không được lảng tránh Sự thật, không che giấu mà phải công khai thừa nhận để khắc phục, sửa chữa cho được. Đó là một trong những thước đo về chuẩn mực cách mạng của một Đảng Mácxít thực sự.

Đảng cần chú trọng công tác rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên theo tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư và thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng viên, của tổ chức cơ sở Đảng, gắn bó với nhân dân, dám hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc và để hoàn thiện nhân cách đáp ứng yêu cầu của Sự nghiệp cách mạng hiện nay.

Từ những phân tích Ở trên, theo Hồ Chí Minh, công thức

chung về việc thành lập Đảng Cộng sản cho các nước thuộc địa và Việt Nam là “chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước”. Nhưng, khi vận dụng quan điểm của Mác - Lênin về xây dựng Đảng đòi hỏi phải có sự sáng tạo lý luận, không được giáo điều, dập khuôn, máy móc. Tư duy sáng tạo của Hồ Chí Minh chính là đã bổ sung phong trào yêu nước cho phong trào công nhân. Việc bổ sung phong trào yêu nước là để tăng cường lực lượng, sức mạnh chogiai cấp công nhân; để phong trào yêu nước tiếp nhận hệ tư tưởng Mác - Lênin và nâng giai cấp công nhân Việt Nam lên ngang tầm với giai cấp công nhân phương Tây, đưa việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam trở về với công thức của Lênin. Còn việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời vào thời điểm nào còn phải tùy thuộc vào sự vận động, phát triển của thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Sau đó, Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu sâu chủ nghĩa Mác - Lênin và tích cực hoạt động thực tiễn để chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Ở Việt Nam. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam không phải là một sự kiện ngẫu nhiên, mà là một hiện tượng hợp quy luật - đó là sự gặp gỡ tất yếu của yêu cầu khách quan trong thực tiễn cách mạng với nhân tố chủ quan gồm những người cộng

sản Việt Nam được chuẩn bị kỹ về chính trị, tư tưởng và tổ chức, mà người đại diện tiêu biểu là Nguyễn Ái Quốc. Chính sự gặp gỡ đó đã thúc đẩy tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của dân tộc và thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội quân tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng luôn luôn tận tâm tận lực phụng Sự Tổ quốc và nhân dân, trung thành tuyệt đối với lợi ích của giai cấp và dân tộc, ngoài lợi ích của giai cấp và dân tộc, Đảng không có lợi ích nào khác. Không phải chỉ có nước mới lấy dân làm gốc, mà Đảng cũng phải lấy dân làm gốc. Chính cái gốc này đem lại nguồn sinh lực vô tận cho Đảng. Mọi biểu hiện của bệnh quan liêu, xa dân đều làm suy yếu Đảng. Vì vậy, Đảng luôn phải chú trọng công tác rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên Ở giai đoạn hiện nay.a

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H 2000, t. 10, tr. 8.
2. Hội đồng Trung Ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb CTQG, H 2003, tr. 144.
3. Hồ Chí Minh, Sđd, t. 2, tr. 267 -268.
4. Hồ Chí Minh, Sđd, t. 7, tr. 30.
5. Hồ Chí Minh, Sđd, 1.12, tr. 557.

LIÊN MINH CÁC LỰC LƯỢNG DÂN TỘC, DÂN CHỦ VÀ HÒA BÌNH VIỆT NAM MÃI TRONG TÂM TRÍ NHỮNG NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC MẶT TRẬN

BÙI THỊ THANH*

Nhằm tập hợp mọi lực lượng cho Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, hỗ trợ cho cuộc tổng tiến công về quân sự đập tan chính quyền Sài Gòn và các tổ chức phản động khác, xây dựng chính quyền cách mạng; yêu cầu đặt ra là cần phải thành lập một Mặt trận thứ hai bên cạnh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, có tên gọi thích hợp với một Cương lĩnh rộng rãi hơn Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đó là Mặt trận mới, có tên gọi “Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam”, với mục đích kêu gọi nhân dân đấu tranh cho độc lập chủ quyền, tự do, dân chủ, hòa bình, trung lập, cơm áo, ruộng đất, lập quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc, tiến tới thống nhất Tổ quốc. Ngày 30-1-1968, Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã nổ ra khắp 36 trong 44 tỉnh, 5 trong 6 đô thị... miền Nam. Trong khí thế tiến công như sóng dậy của quân

*Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



Lễ khánh thành Nhà bia Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam
Cây Ninh, ngày 7-11-2015)

giải phóng, đêm 30 rạng sáng 31-1-1968, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình thành phố Huế được thành lập, ra lời kêu gọi đồng bào Huế đoàn kết kiên trì chiến đấu giành thắng lợi. Tiếp sau đó, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Trung được thành lập và được các tầng lớp nhân dân ủng hộ. Ngày 7-2-1968, Đài Phát thanh Giải phóng phát đi bản Tuyên ngôn cứu nước khẩn cấp của Liên minh. Ngày 8-2-1968

Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố ủng hộ và đoàn kết với Liên minh để cứu nước, cứu nhà. Sau thời gian chuẩn bị, Hội nghị đại biểu toàn miền Nam của Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam đã diễn ra trong hai ngày 20 và 21-4-1968 tại một địa điểm gần Sài Gòn - Chợ Lớn. Luật sư Trịnh Đình Thảo thay mặt Ban vận động khai mạc hội nghị, nêu bật ý nghĩa

lịch sử và nhiệm vụ của Hội nghị thành lập Liên minh; Kỹ sư Lâm Văn Tết long trọng đọc bản Tuyên ngôn cứu nước; Giáo sư Lê Văn Hào thay mặt Liên minh thành phố Huế tuyên bố gia nhập Liên minh và chấp nhận sự chỉ đạo của Liên minh, ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã ra tuyên bố ủng hộ Liên minh, trong bức điện chúc mừng Hội nghị đã khẳng định đây là một Sự kiện lịch sử có tầm quan trọng to lớn, đánh dấu bước phát triển mới của khối đại đoàn kết chống Mỹ, cứu nước của dân tộc và tuyên bố sẵn sàng liên hiệp hành động với Liên minh trong Sự nghiệp đoàn kết đấu tranh chống Mỹ cứu nước. Hội nghị đã bầu ra ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hòa bình Việt Nam, gồm Chủ tịch: Luật sư Trịnh Đình Thảo; Phó Chủ tịch: Hòa thượng Thích Đôn Hậu và Kỹ sư Lâm Văn Tết; Tổng Thư ký: Giáo sư Tôn Thất Dương Ky; các Phó Tổng Thư ký: Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, Nhà văn Thanh Nghị, sinh viên Lê Hiếu Đằng; các Ủy viên Thường trực: Giáo sư Nguyễn Văn Kiệt, Chuyên viên cao cấp Huỳnh Văn Nghị, Nhà báo Trần Triệu Luật.

Luật sư Trịnh Đình Thảo sinh ngày 20-7-1901 tại Chính Kinh, Nhân Mục (nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội). Trước năm 1918 ông học trung học tại Hà Nội và đỗ tú tài theo hệ thống giáo dục

của Pháp. Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ông sang Pháp để tiếp tục nâng cao trình độ học vấn. Ông theo học luật, văn chương, kinh tế thương mại và đỗ tiến sĩ luật khoa, trở thành thành viên Luật sư đoàn Tòa thượng thẩm Marseille lúc ông vừa tròn 28 tuổi. Những năm học và hành nghề luật sư Ở Pháp, ông đã từng tham gia phong trào yêu nước của sinh viên Việt Nam tại Pháp. Sau đám tang cụ Phan Chu Trinh (1926), với sự bảo trợ của các nghị sĩ Pháp trong vùng, ông đã tập hợp hơn 300 sinh viên Việt Nam Ở thành phố AIX trong 3 ngày để phản đối chính sách bóc lột và đàn áp dã man của thực dân Pháp Ở Việt Nam. Ông cũng đã từng bào chữa thành công cho một số Việt kiều trước tòa án Pháp. Cuối năm 1929, ông về nước. Với chức án sát, ông có thể dễ dàng leo lên tuần phủ rồi tổng đốc như nhiều người cùng lứa. Song, ông đã từ chối tất cả và quyết đi theo con đường mà mình đã chọn là làm nghề “thầy cãi” để bảo vệ quyền và lợi ích của dân mình. Hơn nữa nghề đó giúp ông “bảo đảm được sự độc lập trong suy nghĩ và tự do trong ứng xử” như ông đã bộc bạch trong hồi ký “Suy nghĩ và hành động”. Làm luật sư tại Tòa thượng thẩm Sài Gòn, ông đã tận tình giúp đỡ và bào chữa cho những người yêu nước chẳng may bị thực dân Pháp bắt và đưa ra xét xử. Ông tích cực tham gia phong trào Đông Dương Đại hội (1936

- 1939) và Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, ông được Chính phủ Trần Trọng Kim mời giữ chức Bộ trưởng Tư pháp. Với quyền hạn có được, ông đã can thiệp với các bộ phận hữu quan thả nhiều nhà chính trị yêu nước. Năm 1949 ông từ chối lời mời làm Thủ tướng Chính phủ thân Pháp và bí mật ra vùng tự do tiếp xúc với các nhà lãnh đạo kháng chiến. Sau Hiệp định Giơnevơ, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Nhân dân miền Nam phải sống dưới chế độ kìm kẹp của đế quốc Mỹ và chính quyền Diệm. Trong hoàn cảnh mới, với tư cách là Chủ tịch phong trào, ông tham gia tích cực phong trào bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh và bị chính quyền Diệm bắt giam. Ra tù, ông lại tiếp tục đấu tranh chống Mỹ và chế độ Sài Gòn và lại bị bắt trở lại. Tất cả là 5 lần ra, vào nhà tù, song không làm ông phai nhạt lòng yêu nước và suy giảm nhuệ khí đấu tranh. Năm 1968 ông bí mật ra vùng giải phóng để tham gia thành lập tổ chức Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam và được Đại hội bầu giữ chức Chủ tịch. Đây là một tổ chức quy tụ các phong trào đấu tranh yêu nước của các giới sinh viên, học sinh, trí thức, đồng bào tôn giáo, công thương gia, nhân sĩ dân chủ tại các đô thị miền Nam. Ngày 6-6-1969 Liên minh cùng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt

Nam, đại diện cho các giai cấp, tầng lớp xã hội, các chính đảng, đoàn thể cử ra Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn của Chính phủ. Luật sư Trịnh Đình Thảo được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng cố vấn Chính phủ. Với thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc bằng cuộc Tổng tiến công nổi dậy và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã hoàn thành Sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Để ghi nhớ công ơn những người có công với nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh đã xúc tiến xây dựng công trình nhà bia ngay tại nơi đã chứng kiến các hoạt động cách đây gần 60 năm của Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam. Sau gần 7 tháng thi công (kể từ ngày khởi công 4-4-2015 đến nay) công trình nhà bia đã hoàn thành với nhiều hạng mục gồm: Khu nhà bia lưu niệm, khu phụ trợ, khu cảnh quan cây xanh, khu vực sân hành lễ và đường giao thông nội bộ, tường rào... tọa lạc trên diện tích 2.000 mét vuông do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh bố trí tại Khu di tích lịch sử Trung ương Cục miền Nam. Kinh phí xây dựng gần 7 tỷ đồng trích từ nguồn ngân sách thành phố Hồ Chí Minh. Công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng góp phần phát huy tốt giá

trị văn hóa truyền thống lịch sử và giáo dục tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ.

Ngày 7-11, tại Khu căn cứ Trung ương Cục miền Nam (huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức lễ khánh thành Nhà bia Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam. Tới dự có ông Huỳnh Dảm, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; bà Bùi Thị Thanh, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; ông Nguyễn Thành Phong, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Hoàng Năng, Thành ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh; kỹ sư Trần Thiện Tứ, nguyên Ủy viên Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình Khu Sài Gòn - Gia Định, cùng đông đảo các vị nhân sĩ, trí thức yêu nước và lãnh đạo tỉnh Tây Ninh. Phát biểu tại buổi lễ khánh thành, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Hoàng Năng đã xúc động ôn lại quá trình hình thành và phát triển của Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình được thành lập trong chiến dịch xuân Mậu Thân 1968 và đã đoàn kết tập hợp đông đảo các vị nhân sĩ, trí thức, thương gia, các nhà hoạt động xã hội ở khắp các đô thị miền Nam. Đây

là những người yêu nước sẵn sàng từ bỏ cuộc sống giàu sang, đi theo đường lối cách mạng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, chấp nhận gian khó, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ để giành lại độc lập tự do cho dân tộc. Thay mặt Ban Thương vụ Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Thành Phong đã chúc mừng các vị đại biểu và ca ngợi công lao to lớn của Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam đã góp phần không nhỏ đưa cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đến ngày toàn thắng. Đây là công trình có ý nghĩa lịch sử sâu sắc, là công trình lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X thành công và chào mừng Đại hội XII của Đảng. Đây cũng là công trình kỷ niệm 85 năm Ngày truyền thống Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-1930 - 18-11-2015), 55 năm Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960-20-12-2015), do đó sau khi công trình hoàn thành, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với tỉnh Tây Ninh quản lý và bảo tồn khu di tích lịch sử văn hóa này để tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh và cả nước để phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, chung tay xây dựng đất nước.

Một chiến lược của cách mạng

Khi xác định đại đoàn kết là chiến lược của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm một cách sâu sắc tới đồng bào theo các tôn giáo là một bộ phận của dân tộc, có chung vận mệnh với dân tộc. Người thường nhấn mạnh: Dân tộc có độc lập thì tôn giáo mới tự do. Dù đức tin, Sự thờ phụng của đồng bào theo các tôn giáo có khác nhau nhưng dưới chế độ thực dân, phong kiến đồng bào các tôn giáo đều bị áp bức, bóc lột. Vì vậy, đồng bào các tôn giáo cần đoàn kết lại và đoàn kết với toàn dân đấu tranh giành lại độc lập cho Tổ quốc, giành tự do tôn giáo cho đồng bào. Ngày 3-9-1945, khi chủ trì phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, trình bày về Những vấn đề cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”.

Tư tưởng đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là sách lược nhất thời, mà là chiến lược xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. IMÓ không đơn thuần là biện pháp tập hợp lực lượng trong cuộc đấu tranh cách mạng mà thực sự là bộ phận hữu cơ trong đường lối cách mạng, là nhu cầu khách quan của Sự nghiệp cách mạng do quần

NGƯỜI LẤP ĐẦY NGÂN CẠCH GIỮA CÁC TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

TS. NGÔ VƯƠNG ANH

LTS: Chủ tịch Hồ' Chí Minh là người đã chủ động tìm cách lấp đầy ngân cách giữa người có tôn giáo và người không tôn giáo, giữa các tôn giáo đang đồng hành trên mảnh đất Việt Nam vì lợi ích của cả dân tộc, lợi ích của toàn thể nhân dân. Kế thừa tư tưởng của Người, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo Ở Việt Nam được khẳng định trong Hiến pháp, được bảo đảm trong thực tế' bằng pháp luật và theo những ý tưởng xuyên suốt' tiên trình cách mạng đã được Người chỉ dẫn.

chúng tiến hành. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đến đồng bào các tôn giáo một cách chân thành, sâu sắc ấy mà những tình cảm của Người có sức lôi cuốn, cảm hóa từ những chức sắc tôn giáo cao cấp đến những tín đồ bình dân. Tình cảm yêu thương của Người đã nâng họ lên, hướng họ vào cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không mang lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin để tuyên truyền cho những người có đạo. Theo Người, cách tuyên truyền hiệu quả nhất là nêu gương và thuyết phục. Người thường nhắc nhở cán bộ phải tùy từng đối tượng, tùy từng hoàn cảnh, cần có Sự giải thích, tuyên truyền, thuyết phục cho phù hợp để đồng bào hiểu và thực hiện đúng các quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước. Với đồng bào theo các tôn giáo, ngoài những nhu cầu bình thường như mọi người, Ở họ còn

có nhu cầu tinh thần đặc biệt - đó là nhu cầu được thực hành tín ngưỡng, sinh hoạt tôn giáo. Điểm khác biệt này luôn được các thế lực thù địch khai thác, lợi dụng nhằm chia rẽ đồng bào, xuyên tạc chế độ. Hiểu rõ điều đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ đảng, chính quyền phục vụ những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng đó của đồng bào. Người còn đặc biệt nhân mạnh việc mỗi người phải cảnh giác, đấu tranh vạch trần âm mưu, thủ đoạn và pháp luật phải nghiêm khắc trừng trị những kẻ lợi dụng tôn giáo để lừa bịp đồng bào. Người luôn tin tưởng sâu sắc rằng Đảng, Nhà nước chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của người dân thì không lo gì dân không chấp nhận. Ngược lại, mọi người sẽ cùng nhau có trách nhiệm, nghĩa vụ góp sức vào Sự nghiệp chung.

Bên cạnh việc đánh giá cao vai trò uy tín của các vị chức sắc tôn giáo, quan tâm đến các nhu

cầu vật chất tinh thần của các tín đồ, độ lượng, vị tha với những người lầm lỗi, Chủ tịch Hồ Chí Minh phân biệt rất rõ ràng và có thái độ kiên quyết với những kẻ lợi dụng tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Điều này đã được thể hiện từ Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) khi Người lên án Sự cấu kết giữa những kẻ cầm đầu hội với chủ nghĩa thực dân trong xâm lược, thống trị và bóc lột dân Đông Dương. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người có nhiều bài viết tố cáo tội ác của những kẻ giả danh tôn giáo lừa gạt bà con giáo dân gây ra nhiều vụ xung đột phá hoại đoàn kết. Trong một bức thư gửi giám mục Lê Hữu Từ, Người nêu rõ: “Trong Hiến pháp nước ta đã dành Quyền tự do tín ngưỡng. Nếu kẻ nào vi phạm Hiến pháp, khiêu khích bà con công giáo thì sẽ bị xử lý”

“Cấu đồng tôn dị” để đoàn kết

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp giữa những người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo, giữa các tôn giáo khác nhau với tinh thần “cầu đồng tồn dị” (gác lại khác biệt, tìm những điểm chung). Người đề cao lòng yêu đất nước, yêu độc lập tự do, tình cảm nhân ái trong mỗi người... vốn là những truyền thống tốt đẹp, là những điểm tương đồng và lấy đó làm cơ sở để đoàn kết, hòa hợp, lập đi lập lại vì đức tin, vì giáo lý để đi tới mục tiêu cuối cùng mà

đức Chúa, đức Phật và những người cách mạng đều hướng đến, đó là một cuộc sống tự do, hạnh phúc, bình đẳng, bác ái cho con người.

Cái chung nhất, rộng lớn nhất, mang tính nhân loại nhất và thể hiện tính nhân văn nhất trong hướng nhìn tới tương lai của các tôn giáo và chủ nghĩa cộng sản chính là mưu cầu hạnh phúc cho loài người, cho xã hội. Những lý tưởng tôn giáo đều có thể đồng hành với lý tưởng cộng sản trong cuộc đấu tranh chung. Những giá trị đạo đức tôn giáo thực ra không xa với những phẩm chất đạo đức của những người cộng sản chân chính. Có thể dẫn lời của Chủ tịch Cuba Fidel Castro để nói rõ hơn về điều này: “Nếu giáo hội dạy “Đừng trộm cắp”, thì một trong những đặc tính cách mạng của chúng tôi là xóa bỏ trộm cắp, biển thủ và hối lộ. Nếu giáo hội dạy “Hãy yêu tha nhân như chính mình”, thì cũng là điều chúng tôi khuyến khích. Nếu giáo hội dạy “Đừng nói dối”, thì đó cũng là điều chúng tôi lên án nhất. Khi giáo hội phổ biến tinh thần hy sinh, khắc khổ và khiêm tốn thì chúng tôi cũng làm như vậy khi chúng tôi khẳng định nghĩa vụ của cách mạng là sẵn sàng hy sinh, chịu đựng khắc khổ và lương thiện”. Những chuẩn mực đạo đức đó mang tính nhân loại, không bị quy định bởi những quan điểm “hữu thần” hay “vô thần”. Hệ luận này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định từ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam do Người lãnh đạo. Trong những

hoàn cảnh cụ thể khác nhau, với những đối tượng khác nhau, Người luôn tìm được những lợi ích chung, những nét tương đồng giữa chủ thể tham gia khối đại đoàn kết trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đó chính là lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, trong đó có lợi ích của tất cả mọi người. Trong cuộc đấu tranh chung của cả dân tộc Việt Nam dưới Sự lãnh đạo của những người cộng sản đã có Sự đóng góp không nhỏ của đồng bào theo các tôn giáo khác nhau để đạt đến mục tiêu cuối cùng: độc lập cho dân tộc; tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Những giá trị đạo đức của các tôn giáo được Chủ tịch Hồ Chí Minh phát huy, có tác dụng trực tiếp tới việc xây dựng và củng cố sự đoàn kết tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân, được phát huy tác dụng trong việc xây dựng nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Đạo Phật khuyến các tín đồ vô ngã vị tha cũng rất gần với điều Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên trước hết phải mình vì mọi người, hy sinh phấn đấu vì những lợi ích của xã hội, của toàn thể nhân dân. Đạo Thiên Chúa đề cao lòng nhân ái, tình yêu thương con người. Khổng Tử nhấn mạnh chữ Nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng xác định tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất cao đẹp nhất. Tình yêu thương đó đã được thể hiện ở Người bằng ham muốn tốt bậc là làm cho nước được độc lập, tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, ai cũng có phần

hạnh phúc. Tất cả những điều này cũng chứng minh một tư duy mềm dẻo, năng động trong ứng xử với các tôn giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Một sức cảm hóa lớn

Chủ tịch Hồ Chí Minh tôn trọng đức tin và đồng cảm với những nỗi khổ, niềm vui của đồng bào tín hữu, phần nộ trước những tội ác của quân xâm lược, như: phá nhà thờ, giết hại giáo dân, xúc phạm tượng Chúa... Người cũng không quên ghi nhận những công lao đóng góp của những người công giáo có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng. Trong lời diếu gửi đến đám tang Linh mục Phạm Bá Trực, Người viết: “Với lòng vô cùng thương tiếc một nhà tận tụy ái quốc và một người bạn thân mến, trước linh hồn Cụ, chúng tôi nguyện kiên quyết một lòng đoàn kết toàn dân để làm tròn sự nghiệp mà suốt đời Cụ mong muốn, tức là: cùng Cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn nước Việt Nam yêu quý của chúng ta”.

Những tình cảm sâu sắc, chân thành của Hồ Chủ tịch với đồng bào công giáo đã được đáp lại bằng lòng ngưỡng mộ và Sự ủng hộ những chủ trương, quyết sách của Người. Đồng bào theo các tôn giáo khác nhau đã tin theo Cụ HỒ, nghe theo lời kêu gọi của Cụ hăng hái tham gia kháng chiến, kiến quốc và kính yêu Cụ. Tháng 10-1946, thanh niên Công giáo gửi thư cho Người và Chính phủ xin thề:

“Tận tâm trung thành với Chính phủ và triệt để ủng hộ Chính phủ theo tinh thần công giáo để xứng đáng là người công dân mới”. Tháng 5-1955, linh mục Vũ Xuân Kỳ viết trên báo Cứu quốc: “Đạo lý công giáo dạy mọi người kính Chúa, yêu nước, yêu người. Hồ Chủ tịch với độ lượng trời bể của Cụ không những làm cho chúng tôi kính Chúa yêu nước, yêu người mà còn dạy chúng tôi biết tha thứ khoan hồng cho những người lầm đường lạc lối... Mỗi chính sách của Hồ Chủ tịch đều hợp với đạo lý công bằng bác ái. Kẻ địch bịa đặt xuyên tạc Chính phủ ta tiêu diệt tôn giáo, nhưng tự do tín ngưỡng đã có từ khi thành lập Chính phủ dân chủ cộng hòa”.

Với tình cảm chân thành, cởi mở và ấm áp, với phong cách ung dung, gần gũi, hóm hỉnh và sắc sảo thông minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo ra một sức cảm hóa lớn. Hòa thượng Thích Đôn Hậu đã cảm nhận: “Tất cả những người đã đến với Hồ Chủ tịch thì không bao giờ từ giã Người cả”.

Những đoạn trích trên có thể minh chứng cho tình cảm tin tưởng, kính yêu của đồng bào đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhờ có tư tưởng chỉ đạo nhất quán cùng hệ thống các biện pháp phù hợp, bằng cả uy tín và sức hấp dẫn tỏa ra từ bản thân Người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập hợp được quanh mình nhiều tín đồ, chức sắc tôn giáo hết lòng phấn đấu cho Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc; từ đó

xóa tan những định kiến, mặc cảm do lịch sử để lại, dập tan những âm mưu chia rẽ. Đồng thời cũng chứng tỏ Sự đồng hành của đồng bào các tôn giáo với cuộc cách mạng của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ. Sự đồng hành này không chỉ diễn ra trong giai đoạn đấu tranh giành độc lập mà trong cả giai đoạn xây dựng đất nước. Cho đến hôm nay, đồng bào Công giáo vẫn tiếp tục đồng hành cùng dân tộc với phương châm “Kính chúa - Yêu nước; sống phúc âm trong lòng dân tộc”; đồng bào Phật giáo nêu tuyên ngôn Đạo Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội... Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Lê Hải Bình khi trả lời câu hỏi của phóng viên về Báo cáo tự do tôn giáo quốc tế năm 2015 của Bộ Ngoại giao Mỹ đã khẳng định: “Nhà nước Việt Nam đã và đang thực thi nhiều chính sách và biện pháp cụ thể để đảm bảo người dân được thụ hưởng đầy đủ các quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng”.

Việc bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được đặt hài hòa trong những yếu tố lịch sử - văn hóa của dân tộc đồng thời với việc giữ vững an ninh quốc gia, chủ quyền dân tộc. Tư tưởng đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc trong giai đoạn trước đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh đang được nâng cao, mở rộng hơn vì một nước Việt Nam thịnh vượng, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.Q

TANG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ ĐOÀN KẾT GIỮA CÁC DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP QUỐC TẾ A NƯỚC TA HIỆN NÀY

ThS. NGUYỄN MẠNH QUANG

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em luôn gắn bó đoàn kết trong Sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm 85,74%; 53 dân tộc anh em còn lại chiếm khoảng gần 14 triệu người chiếm 14,26% dân số cả nước, nhưng cư trú trên địa bàn rộng, chiếm 3/4 diện tích cả nước với 5.063 xã phường, thị trấn của 51 tỉnh, thành phố (chủ yếu ở miền núi, vùng cao, vùng trung du); có khoảng 3 ngàn km đường biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia, có nhiều cửa khẩu quan trọng. Lịch sử chống ngoại xâm và xây dựng đất nước ta đã chứng minh Sự đoàn kết thống nhất giữa các dân tộc là qui luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Lịch sử cũng cho thấy, khi nào các dân tộc trong cả nước đoàn kết dưới Sự lãnh đạo thống nhất thì giành được thắng lợi. Truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam còn được hình thành từ cội nguồn lịch sử sâu xa. Người Việt Nam ý thức rằng mình sinh ra trong cùng một bọc trăm trứng, gắn với nhau bởi nghĩa “đồng

bào”. Người Việt Nam dù sống ở đâu đều có chung một cội nguồn, chung một ngày giỗ Tổ Hùng Vương. Lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta cũng cho thấy Ở thời kỳ nào mà nhân dân đoàn kết “trên dưới một lòng” thì đất nước hưng thịnh, thời kỳ nào mà “lòng người ly tán, chia rẽ và loạn ly” là lúc mà dân tộc suy vong, thù trong giặc ngoài, có nguy cơ mất nước.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn kế thừa và phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc và xác định đoàn kết dân tộc là một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đảng đã sớm xác định được đường lối chính sách dân tộc đúng đắn trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đặc điểm các dân tộc Việt Nam. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng năm 1930 đã ghi: “Đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ để tranh thủ độc lập, tự do và hạnh phúc

chung”. Trong 85 năm qua, Đảng đã thực hiện nhất quán chính sách dân tộc “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc”, tạo mọi điều kiện cho các dân tộc phát triển gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng quốc gia dân tộc. Tôn trọng lợi ích kinh tế, truyền thống văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Trên cơ sở những quan điểm cơ bản về đường lối, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước đã cụ thể hoá tinh thần đó trong Hiến pháp và Pháp luật. Hiến pháp năm 2013 ghi rõ “Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống văn hoá tốt đẹp của

minh. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển về mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số". Để đảm bảo lợi ích hài hoà giữa các dân tộc, Đảng và Nhà nước đã ra nhiều Chỉ thị, Nghị quyết nhằm đổi mới nội dung, phương pháp, biện pháp tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Đối với các địa bàn trọng điểm như Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam bộ, Bộ Chính trị và Chính phủ đã có nhiều chủ trương, chính sách để phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, thành lập các Ban Chỉ đạo và phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách, chỉ đạo thực hiện. Để tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngày 12-3-2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) đã ban hành Nghị quyết chuyên đề "Về công tác dân tộc" nhằm tiếp tục khẳng định quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Ngay sau khi có Nghị quyết, cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở đã phối hợp, tổ chức quán triệt, xây dựng chương trình hành động, phân công cấp ủy viên phụ

trách, tổ chức thực hiện nhằm nâng cao một bước nhận thức về công tác dân tộc. Do vậy, nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các cấp các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác dân tộc đã có bước chuyển biến tích cực; xác định đúng đắn hơn vị trí, tầm quan trọng của công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân. Những chính sách đúng đắn, kịp thời của Đảng, Nhà nước cùng với Sự tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, Sự nỗ lực, Cố gắng của đồng bào, đã tạo nên bước chuyển biến khá căn bản trong phát triển kinh tế - xã hội, làm thay đổi từng bước diện mạo nông thôn miền núi, cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ hội nhập quốc tế đã khẳng định: "Đoàn kết là truyền thống quý báu và bài học lớn của cách mạng nước ta", mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều có nguyên nhân bắt nguồn từ sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Đây cũng chính là mục tiêu mà kẻ thù luôn tìm cách phá hoại, âm mưu xuyên suốt của chúng là chia rẽ dân tộc, nhất là chia rẽ đồng bào các dân tộc thiểu số với đồng bào Kinh, chia rẽ các dân tộc với Đảng, Nhà nước và chế

độ, phá khối đại đoàn kết dân tộc, kích động ly khai, tự trị dân tộc, làm suy yếu, đi đến thôn tính nền độc lập của nhân dân ta. Để tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tăng cường công tác vận động đồng bào các dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước Ở các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và mới đây, để tăng cường đoàn kết các dân tộc, Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ra Kết luận Số 01/KL-ĐCT, ngày 20-8-2015 "về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác dân tộc" và Ban Thường trực ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có hướng dẫn Số 25/HD-MTTW-BTT, ngày 6-10-2015 về thực hiện Kết luận của Đoàn Chủ tịch "về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác dân tộc". Nhằm thực hiện tốt Kết luận của Đoàn Chủ tịch và Hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số cần tập trung làm tốt những nhiệm vụ sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức,

trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về vị trí, nhiệm vụ của công tác dân tộc trong tình hình mới. Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục sinh động, thiết thực, sát với từng vùng, từng đối tượng để chính sách “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng tiến bộ” của Đảng được quán triệt đầy đủ và sâu sắc trong các tầng lớp nhân dân ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hai là, phát huy vai trò của 95.696 vị ủy viên Ủy ban Mặt trận từ Trung ương đến cơ sở là người dân tộc thiểu số và gần 30 nghìn người có uy tín trong 53 dân tộc thiểu số để tuyên truyền, vận động đồng bào trong tất cả các lĩnh vực nhằm thực hiện thắng lợi 5 chương trình hành động của Nghị quyết Đại hội VIII Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề ra; triển khai thực hiện Kết Luận của Đoàn chủ tịch về đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận về công tác dân tộc đến cán bộ Mặt trận và đông đảo các tầng lớp nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Trong quá trình tổ chức thực hiện, coi trọng sơ kết, tổng kết, phát hiện những vấn đề mới, góp ý với Đảng, Nhà nước để bổ sung, hoàn thiện các chính sách.

Ba là, tập hợp, đoàn kết các dân tộc thông qua việc hăng hái

tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và “Ngày hội đại đoàn kết dân tộc Ở khu dân cư”, chú trọng Ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ. Phối hợp triển khai có hiệu quả chương trình 135 giai đoạn III và Quyết định 449-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số đến năm 2020.

Bốn là, tăng cường phối hợp với Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện công tác giám sát các chính sách của Nhà nước trên địa bàn các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt vai trò “cầu nối”

giữa Đảng với nhân dân, tăng cường xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh cùng Cổ niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số với Đảng, Nhà nước.

Năm là, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố kiện toàn tổ chức Mặt trận Ở cơ sở và Ban công tác Mặt trận, phát huy vai trò của người có uy tín, tiêu biểu trong các dân tộc để vận động đồng bào các dân tộc thiểu số thực hiện tốt các nhiệm vụ về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng Ở các vùng dân tộc.a

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC... (Tiếp theo trang 47)

Để nắm bắt những cơ hội do tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, Việt Nam cần có những cải cách mạnh hơn về thể chế kinh tế và pháp lý để phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập. Các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ, nghiên cứu, đánh giá tác động của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương đối với các lĩnh vực hàng hóa, đầu tư, dịch vụ... để có cơ sở xây dựng và điều chỉnh chính sách dài hạn, phát triển các ngành công nghiệp mà Việt Nam có tiềm năng và lợi thế. Đồng thời, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia vào các chuỗi cung ứng trong khu vực; thúc đẩy tăng hàm lượng giá trị gia tăng trong tất cả các ngành của nền kinh tế thông qua nâng cấp năng lực, công nghệ, hợp tác dài hạn với các đối tác mạnh trong lĩnh vực tương ứng, đa dạng hóa đổi mới sản phẩm. Các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động nắm bắt thông tin về Hiệp định, về các cam kết cụ thể trong lĩnh vực sản xuất của mình, từ đó có những biện pháp tận dụng các cơ hội do Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương mang lại; xây dựng kế hoạch đầu tư, sản xuất hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng được cơ hội tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.Q

NHÂN ỨIỆH, LỘI, om PHẢN Ứ/ÊHI xi HỘI cùn, CÁC THE lực IHU ỨIỆH Ở NUỚC n - MỘT ió vêu tíu ứấi M

NGUYỄN NGỌC TUYẾN

Phản biện xã hội là việc thực hiện hành vi, nêu ý kiến chưa đồng tình từ phía cá nhân, nhóm người, tập thể, nhân dân trong xã hội đối với những vấn đề thuộc chủ trương, chính sách, quyết định, dự án... của Đảng, Nhà nước, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội có nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn, trách nhiệm liên quan đến quyền lợi và lợi ích của mọi người trong xã hội. Thực chất phản biện xã hội là thực hành dân chủ rộng khắp, góp phần bổ sung, sửa đổi sai sót, khuyết điểm để đem lại mưu cầu lợi ích chính đáng, hợp pháp cho nhân dân, nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, tăng mối liên hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, cao hơn thế là phản ánh tính “dân chủ” thể hiện rõ bản chất của chế độ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (mọi quyền lực thuộc về nhân dân). Như vậy, phản biện xã hội mang ý nghĩa chính trị xã hội, nhân văn rất sâu sắc nhằm không ngừng thúc đẩy xã hội tiến lên.

Thực tế nhận thấy, nhiều năm trở lại đây, hoạt động

phản biện xã hội ở nước ta đang diễn ra theo chiều hướng khá sôi nổi, bước đầu đã cho hiệu quả tích cực, đáng khích lệ. Song do nhận thức và động cơ chính trị thiếu trong sáng, thiện chí của một số người, nhóm người vô tình hay Cố ý (cả Ở trong nước và ngoài nước) đã mượn danh phản biện, phản biện xã hội để tuyên truyền, phản ánh không đúng về quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta, bộc lộ rõ kiểu kích động, lôi kéo các cá nhân, phần tử bất mãn tham gia chống đối, đi ngược lại lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, vai trò của phản biện, phản biện xã hội, Đảng đã ban hành Quy chế Số 217-QĐ/TW, ngày 12-12-2013 “Về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”; Quy định số 218-QĐ/TW, ngày 12-12-2013 “Về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền”. Thực tiễn đã

chứng minh các ý kiến tham gia phản biện, phản biện xã hội từ phía nhân dân thông qua “dân chủ đại diện” và “dân chủ trực tiếp” đều được Đảng, Nhà nước ta luôn trân trọng, lắng nghe tiếp thu có sàng lọc để kịp thời giải quyết thấu đáo.

Bên cạnh Sự đóng góp chân thành, có ý thức xây dựng của đại bộ phận nhân dân trong xã hội, thì cũng còn có một SỐ cá nhân đã lợi dụng phản biện, phản biện xã hội (lấy danh nghĩa tập thể) để toan tính âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Họ coi đó là cách thực hiện mục tiêu đẩy mạnh hơn nữa chiến lược “Diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến, tự chuyển hóa” ngay từ trong nội bộ đội ngũ cán bộ Đảng ta; cùng với mưu đồ “Phi chính trị hóa lực lượng vũ trang”, ra sức lợi dụng tự do ngôn luận, thông qua diễn đàn phản biện, phản biện xã hội để tập hợp lực lượng chống đối, hình thành mâu thuẫn đối kháng trong xã hội, tạo nên các phe cánh đối lập công khai chống Đảng, Nhà nước dẫn chuyển đổi từ “phản biện” sang “phản đối và chống

đổi”. Mục đích của họ là bác bỏ Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HỒ Chí Minh, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chệch hướng con đường lên chủ nghĩa xã hội Ở Việt Nam, mọi hoạt động lợi dụng phản biện, phản biện xã hội để chống phá cánh mạng quyết liệt hơn bao giờ hết. Một số phương diện tập trung hiện nay là:

Trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng: Nhằm lợi dụng phản biện, phản biện xã hội, các thế lực cả trong và ngoài nước cấu kết chặt chẽ với nhau (có sự chi viện, tài trợ về vật chất, phương tiện của thế lực phản động cách mạng), gồm những đối tượng bất mãn với chế độ, thậm chí có cả một số nhà khoa học, chuyên gia có uy tín nhất định về một lĩnh vực nào đó tham gia. Để đạt được mục tiêu chống phá thông qua “chiêu bài” phản biện, phản biện xã hội, các cá nhân đã cố tình gây nhiễu thông tin, làm cho nhân dân hiểu sai về bản chất các quy định, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Trong nước cũng đã xuất hiện một số tổ chức, cá nhân có tư tưởng lên tiếng phò họa ủng hộ, mượn danh nghĩa phản biện, phản biện xã hội đòi đưa ra tranh luận với cách ngụy biện và biện minh hết sức phi lý đưa ra là: “Bởi đó là con đường đúng đắn và tiến bộ, phù hợp với xu thế phát triển để giúp Việt Nam

tiến lên”... Họ đã cố tình lảng tránh một Sự thật mang tính lịch sử là: Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội Ở nước ta không những là Sự lựa chọn của Đảng, Bác Hồ, mà còn là Sự lựa chọn của toàn thể nhân dân Việt Nam và từ chính lịch sử, thể hiện xu hướng quy luật phát triển tất yếu của xã hội. Đó là Sự lựa chọn có tính thống nhất, gắn kết biện chứng giữa ý Đảng và lòng dân đã được lịch sử và thực tiễn cách mạng chứng minh.

Trên lĩnh vực tự do ngôn luận: Gần đây, xuất hiện nhiều hoạt động của một số hội, đoàn tự xưng danh (thực chất là tự thành lập bất hợp pháp, trái pháp luật) như: “Hội nhà báo độc lập”; “Văn đoàn độc lập Việt Nam”... Họ lên tiếng rêu rao là hội “ái hữu nghề nghiệp”, nhưng trên thực tế đều là các tổ chức đối lập, có sự tiếp tay, chỉ đạo từ các tổ chức phản động để tạo diễn đàn cho các phần tử bất mãn lợi dụng phản biện, phản biện xã hội đăng tải nhiều bài viết có nội dung xuyên tạc, sai đi lòng lối, chủ trương của Đảng, đi ngược lại lợi ích của dân tộc... Họ cố tình không nhận thấy, cố tình phớt lờ đi một sự thật khách quan là, trong những năm qua, nhất là từ khi đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp, chỉ thị, nghị quyết triển khai, xây dựng, giữ vững và phát triển nền văn hóa, con người Việt

Nam, mà gần đây là Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về “Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Hiện nay, còn xuất hiện một số “nhà phê bình lý luận” lợi dụng phản biện, phản biện xã hội để kích động, tuyệt đối hóa “tự do”, họ đã đẩy cách hiểu khái niệm “tự do” theo cách của họ là không cần “tổ chức”, không cần “quy tắc, văn hóa, pháp luật” và không cần sự ràng buộc nào hết. Đây là điều hết sức phi thực tế, vì khái niệm “tự do” đã được đẩy đến sát với “tùy tiện, vô tổ chức, vô chính phủ”; họ quên mất rằng, trên thực tế Sự phát triển của bất cứ quốc gia nào trên thế giới đều cần có “tự do” trong giới định của pháp luật.

Trên lĩnh vực dân chủ: Dân chủ là một giá trị xã hội mang tính “tối thượng” để phát triển xã hội và là mục tiêu hướng đến của nhân loại, không những thế còn là thành tựu sản phẩm của nhân loại. Song dân chủ Ở “mức độ nào” cần dựa trên cơ sở thực tại phát triển nhận thức hiểu biết của người dân và điều kiện hoàn cảnh khách quan của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Như vậy, dân chủ cần phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có sự mặc định từ cơ chế quản lý xã hội và khả năng trình độ thực tế hiểu biết, làm chủ bản thân Ở người dân. Các thế lực thù địch đang cho rằng, “Việt Nam

muốn có dân chủ thực sự, thì phải thực hiện “đa nguyên, đa đảng”, chỉ một đảng không thể nói là có “dân chủ”. Trên thực tế, vấn đề “đa nguyên, đa đảng” không phải là yếu tố duy nhất để bảo đảm dân chủ; bất cứ một xã hội nào, dù là một đảng hay đa đảng, nếu Đảng và Nhà nước đó luôn quan tâm đến cơ chế bảo đảm quyền lực và lợi ích thực sự của nhân dân, tôn trọng nhân dân, lắng nghe ý kiến từ nhân dân, coi nhân dân là gốc, thực sự là chủ thể của quyền lực... thì xã hội đó thực sự có dân chủ và tự do. Đảng ta từ khi thành lập đến nay luôn chú trọng tiếp thu những ý kiến phản biện, phản biện xã hội; Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân, đại diện quyền làm chủ hợp pháp của nhân dân, người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng; trong cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp Nhà nước đều khẳng định “Mọi quyền lực thuộc về nhân dân”, “Nhân dân lao động là chủ đất nước”. Như vậy, những mưu tính lợi dụng phản biện, phản biện xã hội để thổi phồng vấn đề dân chủ, tự do chỉ là cách thức mà họ kích động hành vi chống đối, che đậy một cách thiếu trung thực, khách quan cho hoạt động chống phá cách mạng Ở nước ta mà thôi.

Trên lĩnh vực phát triển kinh tế: Họ lại cho rằng: “Không thể để các thành phần kinh tế nhà

nước, kinh tế tập thể giữ vai trò chủ đạo; không nên giữ khái niệm “định hướng xã hội chủ nghĩa”, họ đòi cần đẩy mạnh tư nhân hóa các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân. Trong khi, Đảng ta đã xác định chủ trương nhất quán rằng: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách để chủ trương phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh loại hình kinh tế tư nhân Ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật”¹. Lợi dụng chủ trương đó, thông qua phản biện, phản biện xã hội họ đòi Nhà nước ta phải thay đổi cơ chế, chính sách, đồng thời cố tình phủ định, tìm cách làm suy yếu, vô hiệu hóa vai trò chủ đạo nền kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường, thực chất là làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế nước ta. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được Đảng ta xác định: “Là một hình thái kinh tế thị trường, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”². Thực tế, hiệu quả của định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang phát huy trên nhiều lĩnh vực của đời sống - xã hội, nhiều quốc gia, tổ chức kinh tế thế giới đã có quan hệ làm ăn với Việt Nam và công nhận Việt Nam là nước sử dụng

khoản vay và thực hiện nhiều Chương trình “xóa đói giảm nghèo” tốt nhất, đời sống của nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được cải thiện. Điều đó đã chứng tỏ bản chất tốt đẹp, hướng đi đúng đắn, phù hợp xu thế phát triển của nhân loại đối với định hướng phát triển lên xã hội chủ nghĩa Ở nước ta hiện nay. Thực chất, định hướng xã hội chủ nghĩa là nhằm khắc phục những khiếm khuyết của nền kinh tế thị trường không phù hợp với bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa; điều tiết mức sống giữa các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực khó khăn, biên giới, hải đảo với vùng đồng bằng, thành thị và các giai tầng trong xã hội.

Hoạt động phản biện, phản biện xã hội đã giúp cho Đảng, Nhà nước, hệ thống chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội kịp thời điều chỉnh, khắc phục hạn chế trong thực thi mọi chính sách của Đảng, Nhà nước. Để ngăn chặn các thế lực thù địch lợi dụng phản biện, phản biện xã hội chống phá cách mạng nước ta, cần thực hiện tốt các yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước cần có cơ chế hoạt động phản biện, phản biện xã hội; thực hiện ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; quy định rõ về đối tượng, phạm vi, nội dung,

hình thức, cơ chế thực hiện phản biện, phản biện xã hội để không ngừng nâng cao hiệu quả, chất lượng mọi hoạt động tham gia phản biện của các cá nhân, tổ chức, các đoàn thể (hội, đoàn) trong xã hội khi tham gia đóng góp ý kiến vào quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, nhằm làm cho hoạt động phản biện, phản biện xã hội theo đúng hướng; chống được vấn đề lợi dụng phản biện, phản biện xã hội của các thế lực thù địch trong chống phá Đảng, Nhà nước ta. Cần chú trọng đến chất lượng, hiệu quả thực thi của các văn bản, quy chế, quy phạm, tránh kiểu ban hành tràn lan, không phân định trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan trong hệ thống chính trị; cần Sự minh bạch trong quy trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia đóng góp ý kiến phản biện, phản biện xã hội cũng như khi tiếp nhận giải quyết nội dung phản biện, phản biện xã hội nhằm bảo đảm cho hoạt động phản biện, phản biện xã hội theo hướng sát đúng, phù hợp với thực tế khách quan, không hình thức,...

Thứ hai, tăng cường hoạt động quản lý của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội có chức năng; chú trọng phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bảo

đảm cho mọi hoạt động phản biện, phản biện xã hội được diễn ra trên thực tế, đúng với các quy định của pháp luật, thiết thực góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực thi các mục tiêu kinh tế - văn hóa - chính sách phát triển xã hội nhằm bảo vệ mọi quyền và lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân; xây dựng và củng cố vững chắc tổ chức, hệ thống chính quyền nhân dân từ Trung ương đến các cơ sở đủ mạnh để nhận diện và đập tan mọi âm mưu lợi dụng phản biện, phản biện xã hội của các thế lực thù địch trong thực hiện mục đích chống phá cách mạng.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại mỗi cơ quan đơn vị trong cả hệ thống chính trị, theo hướng tập trung nâng cao về nhận thức trách nhiệm đối với mỗi tổ chức, cá nhân trong tham gia hoạt động phản biện, phản biện xã hội của Đảng, Nhà nước ta. Nâng cao sự hiểu biết về nội dung, cơ chế, thủ tục, nguyên tắc, cách thức trong thực hiện quyền, nghĩa vụ của mọi cá nhân tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội trong tham gia tích cực vào hoạt động phản biện, phản biện xã hội, để giúp Đảng và Nhà nước ta không ngừng hoàn thiện chủ trương, đường lối, chính sách phát triển xã hội, đáp ứng ngày càng tốt nhiệm vụ tổ chức, quản lý điều hành đất

nước có hiệu quả. Mục đích của hoạt động phản biện, phản biện xã hội là bảo đảm sao cho mỗi vấn đề nội dung tham gia phản biện đều phản ánh trung thực, có tính xây dựng, phù hợp với thực tiễn khách quan quy luật phát triển của xã hội trên mọi lĩnh vực. Vì vậy, cần trên cơ sở nhận thức đúng, hiểu đúng để có phương pháp và cách thức phản biện, phản biện xã hội hiệu quả, trung thực, khách quan nhất.

Đối với Đảng, Nhà nước, thì phản biện, phản biện xã hội là vấn đề không thể thiếu để minh bạch, hoạch định phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bởi bản chất của chủ nghĩa xã hội luôn gắn với tính “dân chủ, kỷ cương”. Phản biện, phản biện xã hội chỉ thực có chiều sâu, thiết thực hiệu quả khi phát huy được vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó có quyết tâm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Thực hiện tốt một số yêu cầu nêu trên là trực tiếp góp phần phát huy vai trò trách nhiệm của nhân dân, các tổ chức, cá nhân trong xã hội tham gia phản biện, phản biện xã hội.ũ

1, 2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, Nxb CTQG, H, 2011, tr 209, 205.

HIỆU QUẢ TỰ CUỘC VẬN ĐỘNG NGÀY "VÌ NGƯỜI NGHÈO" Ở VĨNH PHÚC

NGUYỄN THU THẢO

Tỉnh Vĩnh Phúc là một tỉnh đồng bằng nằm ở cửa ngõ phía Bắc thủ đô Hà Nội được đánh giá ở vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, gần cảng hàng không Nội Bài, gần thị trường lớn thủ đô Hà Nội. Đồng thuận với Cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" do ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc ban hành Thông tri Số 55/TT-TU, ngày 11-12-2000 về việc tăng cường Sự lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động toàn dân tham gia ủng hộ "Ngày vì người nghèo" và Quyết định số 254/QĐ-TU, ngày 11-12-2000 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cuộc vận động toàn dân tham gia ủng hộ "Ngày vì người nghèo". Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức Tháng cao điểm "Ngày vì người nghèo" hàng năm; thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh và hướng dẫn thành lập Ban Chỉ đạo các cấp.

Vĩnh Phúc huy động nguồn lực phục vụ cho chương trình xóa đói, giảm nghèo bằng nhiều hình thức khác nhau, sử dụng đúng và có hiệu quả các nguồn vốn như: Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng; vốn do

Trung ương đầu tư; vốn của các tổ chức xã hội, đoàn thể; vốn huy động trong nhân dân; vốn của các tổ chức quốc tế tài trợ. Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã, sau khi điều tra, khảo sát về hộ nghèo, cận nghèo, đánh giá về mức sống thực tế, tình trạng nhà ở, sức khỏe của hộ nghèo, cận nghèo, đã xây dựng kế hoạch tổng thể và lộ trình thực hiện việc xây dựng quỹ, nguồn vốn hỗ trợ người nghèo và xây dựng nhà Đại đoàn kết trong toàn tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện, Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo các cấp đã được chấn chỉnh, củng cố và từng bước đi vào hoạt động ổn định. Ban Chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo tỉnh đã phân công từng thành viên trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ về công tác xóa đói giảm nghèo cho từng địa phương trong tỉnh.

Với phương châm, tập trung xóa nhà tạm, xây nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, phải đi trước một bước để người nghèo bớt khổ, yên tâm hơn trong việc chăm lo sản xuất. Mặt trận các cấp tới tận các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm để

tuyên truyền, vận động góp tiền, vật liệu... cho xây dựng nhà Đại đoàn kết. Chủ động giới thiệu địa chỉ để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký xây nhà trực tiếp cho hộ nghèo. Vận động gia đình, dòng họ, cộng đồng dân cư giúp hộ nghèo xây nhà Đại đoàn kết theo khả năng. Đến cuối năm 2008, về cơ bản Vĩnh Phúc đã xóa xong nhà tạm cho hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới của Chính phủ, tổng số nhà được xây dựng giai đoạn 2000-2008 là 12.079 ngôi nhà.

Tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định 167/2008/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, áp dụng theo chuẩn nghèo mới 2005-2010, ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo giao sở Xây dựng và Sở Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn các huyện, thành, thị tiến hành rà soát hộ nghèo và Sổ hộ nghèo cần được hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn toàn tỉnh. Công tác xóa đói, giảm nghèo được coi không chỉ là của ngành Lao động Thương binh và Xã hội mà là nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và của chính bản thân hộ đói, nghèo.

Để có thêm nguồn lực và tạo sự chuyển động rộng rãi trong xã hội, Ban Chỉ đạo “Ngày vì người nghèo” tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1724/KH-BCĐ Ngày 20-5-2011 về việc tổ chức Chương trình “Nối vòng tay nhân ái - Vì người nghèo” tỉnh Vĩnh Phúc năm 2011. Nhiều văn bản khác của Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về công tác triển khai, kiểm tra tiến độ, chất lượng xây dựng nhà đại đoàn kết ở các huyện, thành, thị trong tỉnh đã được ban hành.

Hàng năm, Ban Chỉ đạo “Ngày vì người nghèo” tỉnh ban hành các hướng dẫn tổ chức kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo, tổ giúp việc các cấp theo quy chế của Trung ương nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ người nghèo. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các các tổ chức thành viên và các cơ quan thông tin đại chúng, các ngành chức năng liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến các tầng lớp nhân dân về các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nội dung, tiêu chí hỗ trợ hộ nghèo, được nhân dân đồng thuận, tự nguyện đóng góp vật chất cũng như tinh thần giúp đỡ các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo, Ổn định cuộc sống. Mặt trận các cấp đã chủ động triển khai thực hiện chương trình, chăm lo cho người nghèo. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động doanh nghiệp đóng trên địa bàn, kiều bào ở nước ngoài và

các tầng lớp nhân dân tích cực ủng hộ xây dựng Quỹ “Vì người nghèo”, tham gia các hoạt động tương trợ, giúp đỡ người nghèo, góp phần đưa công tác giảm nghèo của toàn tỉnh đạt hiệu quả thiết thực, mỗi năm giảm được từ 2%-3% hộ nghèo.

Từ nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước, sau 15 năm triển khai Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, tỉnh Vĩnh Phúc đã huy động được nguồn lực trên 800 tỷ đồng để hỗ trợ cho trên 40.000 hộ nghèo. Trong đó, ủng hộ qua Quỹ Vì người nghèo các cấp được 61 tỷ đồng; các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp ủng hộ trực tiếp cho các địa phương được trên 100 tỷ đồng; ủng hộ bằng các hình thức khác quy ra tiền trên 476 tỷ đồng; nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước 164,3 tỷ đồng. Mặt trận Tổ quốc huyện Vĩnh Tường tổ chức Hội nghị tuyên truyền đến các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, mỗi năm vận động được trên 200 triệu đồng. Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân (thị xã Phúc Yên) Hội phụ nữ huyện Yên Lạc, Hội phụ nữ huyện Vĩnh Tường, Sông Lô, Lập Thạch, Bình Xuyên... phối hợp với Ngân hàng Chính sách ký hợp đồng tín chấp tạo điều kiện cho hội viên nghèo vay vốn, mua phân bón, giống, vốn trả chậm, ở thành phố Vĩnh Yên: Hội Phụ nữ, Cựu chiến binh,

Công đoàn, Đoàn Thanh niên vận động nhân dân được hàng nghìn xuất quà giúp đỡ người nghèo khi giáp hạt và dịp Tết, Ban Đại diện Hội Phật giáo nhận đỡ đầu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để các em được đi học.

Riêng năm 2015, tổng Số tiền ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” tỉnh là 1.590 triệu đồng đã hỗ trợ xây 91 nhà Đại đoàn kết, hỗ trợ 30 con bò giống cho các hộ tàn tật, hỗ trợ tai nạn đuối nước, bệnh hiểm nghèo cho 26 trường hợp đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều hộ không những có thu nhập Ổn định, thoát nghèo mà còn vươn lên trở thành hộ có thu nhập khá. Các làng nghề truyền thống được khôi phục, mở rộng, góp phần giải quyết việc làm, thu hút lao động, tăng thu nhập cho mỗi gia đình, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

Phát triển bền vững đồng nghĩa với việc đẩy lùi Sự đói nghèo và bảo vệ môi trường bền vững. Phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ môi trường” đã được ủy hợp đẩy mạnh triển khai đến cơ sở, địa bàn khu dân cư. Các mô hình “Khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường”... được nhân rộng, thực hiện cùng với các mô hình khác như phong trào “Tiết kiệm điện nước sinh hoạt”, “Gia đình 5 không 3 sạch”, “Ngày Chủ nhật xanh, sạch, đẹp”; nhân dân đã có ý thức cùng Nhà nước xây dựng,

bảo vệ, cải tạo nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, các điểm thu gom, xử lý rác thải, trồng cây xanh; không lấn chiếm lòng đường, vỉa hè; không đổ phế thải sai quy định; duy trì các hoạt động giữ gìn vệ sinh làm sạch, đẹp kang trang phố phường, đường làng, ngõ xóm. Mặt trận Tổ quốc tỉnh đã phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xây dựng 3 điểm chỉ đạo về Bảo vệ môi trường tại xã An Hoà (Tam Dương), thị trấn Hương Canh (Bình Xuyên), phường Đống Đa (thành phố Vĩnh Yên), đến nay đã phối hợp với Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh nhân rộng trên 100 xã, phường, thị trấn về công tác bảo vệ môi trường.

Thông qua công tác tuyên truyền, vận động, ý thức bảo vệ môi trường của người dân và các hộ gia đình được nâng lên rõ rệt và tự giác tham gia bảo vệ môi trường ngay từ gia đình. Đa số các gia đình đều có thùng đựng rác thải, chuyển đổi vị trí chuồng trại chăn nuôi để đảm bảo vệ sinh, khơi thông cống rãnh, thu gom chai thuốc trừ sâu đã sử dụng, xây dựng các công trình hợp vệ sinh... Nhân dịp Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18-11), tại các khu dân cư đã tiến hành đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện bảo vệ môi trường gắn với tổng kết Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", vận động mọi người dân bảo

vệ môi trường xanh-sạch-đẹp, biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ môi trường.

Để chương trình xóa đói, giảm nghèo của Vĩnh Phúc tiếp tục triển khai thực hiện vững chắc và đạt hiệu quả thiết thực, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh cần phải bám chặt các giải pháp đề ra, phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục có hiệu quả những tồn tại, hạn chế:

Một là, Mặt trận các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức về công tác giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ khoa học kỹ thuật, nhận thức cho người nghèo. Vận động thực hiện tốt chương trình an sinh xã hội để trợ giúp đối tượng người nghèo như: y tế, giáo dục, văn hoá...; Quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời các hộ bị thiệt hại do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, hạn chế tái nghèo, phát sinh nghèo từ các nguyên nhân rủi ro gây nên.

Hai là, huy động tối đa và tập trung các nguồn lực đầu tư cho phát triển, nguồn lực cho giảm nghèo, khai thác triệt để có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh của địa phương nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng bền vững về kinh tế-xã hội. Ưu tiên thực hiện đồng bộ các dự án, chính sách trên địa bàn các thôn, xã khó khăn, đặc

biệt là các xã phần đầu đạt nông thôn mới, góp phần tăng thu nhập của người lao động, của hộ nghèo tạo môi trường, điều kiện thuận lợi nhất để giảm nghèo bền vững.

Ba là, trong xóa đói, giảm nghèo có vấn đề tạo ra nhiều việc làm, mà việc làm được tạo ra chủ yếu ở nông thôn, trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Tuy nhiên, tạo việc làm để xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn còn nhiều vấn đề phải bàn và phải xử lý, trong đó cần tăng cường công tác phối hợp đào tạo nghề, hỗ trợ hộ nghèo bằng nhiều hình thức như giống, vốn, tư liệu sản xuất... Gắn công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm cho người nghèo, đẩy mạnh hoạt động giới thiệu việc làm cho người lao động sau đào tạo giúp các hộ nghèo có động lực phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững.

Bốn là, phát huy mạnh mẽ tính dân chủ trong các hoạt động giảm nghèo, lấy ý kiến của người dân để tham mưu thực hiện các chính sách đảm bảo tính hiệu quả.

Năm là, để đảm bảo vốn xóa đói giảm nghèo không bị thất thoát, vốn được sử dụng đúng mục đích đối tượng thì thanh tra, kiểm tra phải tiến hành thường xuyên, quản lý chặt chẽ, trách nhiệm rõ ràng. Qua thanh tra phải xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, có như vậy công tác xóa đói, giảm nghèo mới đạt được hiệu quả cao.

VỀ HỌC THUYẾT "SỨC MẠNH THÔNG MINH"

Thiếu tướng NGUYỄN ĐÌNH CHUNG

LTS: Tổng thống Obama bước vào Nhà Trắng đúng giai đoạn nước Mỹ bị sa lầy tại Iraq và Afghanistan; chính sách đơn cực của Tổng thống Bush bị cả thế giới, trong đó có những nước đồng minh của Mỹ chỉ trích và lên án. Làm thế nào nước Mỹ vẫn tiếp tục giữ được vị trí lãnh đạo thế giới, sớm đoạn tuyệt với di sản của Bush và tìm kiếm một học thuyết chiến lược mới nhằm "tân trang" lại bộ mặt nước Mỹ là yêu cầu cấp thiết của chính quyền Obama.

K hái quát về "Sức mạnh thông minh"

Smart Power (Sức mạnh thông minh) đã được chính trị gia Joseph Nye - cựu Chủ tịch Hội đồng An ninh Quốc gia, cựu Thứ trưởng Quốc phòng khởi xướng từ lâu. Năm 2007, Nye đồng tác giả cùng Richard Armitage, một trụ cột của Bộ Quốc phòng thời G.Bush, cho ra đời bản báo cáo chi tiết về "Sức mạnh thông minh", nhằm đổi mới chính sách đối ngoại của Mỹ cho phù hợp với bối cảnh Thế kỷ XXI, thoát ra khỏi chủ nghĩa can thiệp của Chính quyền Bush. Bản báo cáo được sự bảo trợ của cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa với sự hỗ trợ của Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS).

"Sức mạnh thông minh" là sự kết hợp cả Hard Power (Sức

mạnh cứng) với Soft Power (Sức mạnh mềm). Mục tiêu sâu xa của học thuyết là nhằm bảo vệ quyền lãnh đạo và can dự của nước Mỹ trên thế giới bằng các phương tiện ngoại giao, hợp tác với các nước đồng minh và các tổ chức đa phương quốc tế.

Theo Joseph Nye, một quốc gia phát triển sở hữu "Sức mạnh mềm", không có khả năng tự vệ về quân Sự, không thể được coi là một quốc gia hùng mạnh. Ngược lại, một quốc gia sở hữu "Sức mạnh cứng", có thể thực hiện thành công các chiến dịch quân Sự, ngăn chặn các vụ xung đột hoặc áp đặt quan điểm của mình trong quan hệ quốc tế, nhưng lại khó chuyển hóa thành thắng lợi về chính trị do không có "Sức mạnh mềm" để gây

ảnh hưởng. Thành công lý tưởng là sử dụng sức mạnh tổng hợp chứ không phải chỉ bằng việc sở hữu các nguồn lực (quân sự và kinh tế) và khả năng gây tác động. Từ đó, nước Mỹ cần phải xác định một chiến lược thực Sự về sử dụng sức mạnh, đó là "Sức mạnh thông minh". Cũng theo Nye, điều này nằm trong mục tiêu quảng bá những giá trị gắn liền với chính sách đối ngoại của Mỹ. "Những giá trị này sẽ thuyết phục những người Hồi giáo trong một thế giới toàn cầu hóa đứng về phía dân chủ mà không di theo IS. Canh bạc này sẽ làm cho nước Mỹ hiểu ra làm thế nào để trở thành một cường quốc thông minh. "Sức mạnh mềm" và "Sức mạnh cứng" liên quan chặt chẽ với nhau và có

chung một mục tiêu là giành vị trí thống trị bằng cách tác động tới những hành động của kẻ khác. Trong từng trường hợp, vị trí thống trị có thể giành được bằng cách ép buộc hoặc kích động, hoặc sức cuốn hút của các giá trị Mỹ.

Cuộc cách mạng của chính quyền Obama

Trong cuộc chiến toàn cầu chống khủng bố, Tổng thống Bush đã đưa ra “lộ trình tự do” nhằm cổ vũ cho dân chủ, đáp trả những thách thức an ninh trên thế giới nhất là tại Trung Đông. Nhưng việc lật đổ các chế độ “độc tài” và đánh cược với các cuộc bầu cử tự do không bảo đảm sẽ mang lại một nền dân chủ bền vững hoặc một xã hội dân chủ thực sự như các trường hợp ở Iraq, Afghanistan hoặc chính quyền Palestine từ 2003 - 2006.

Từ cuối nhiệm kỳ 2, chính quyền Bush đã bắt đầu có những điều chỉnh về chính sách đối ngoại, “Chính sách ngoại giao pháo hạm” dẫn nhường chỗ cho các công cụ của “Sức mạnh mềm”. Cùng với Sự đổi mới chính sách ngoại giao, chính sách tái thiết và Ổn định ở các nước bị tàn phá, chính sách dân chủ hóa và viện trợ phát triển. Ngày 18-1-2006, Ngoại trưởng Condoleezza Rice đã tung ra học thuyết “Ngoại giao đổi mới” khi phát biểu tại Đại học Georgetown: “Tôi xin xác định mục tiêu của chính

sách Ngoại giao đổi mới như sau: Chúng ta sẽ phối hợp với các đối tác trên toàn thế giới nhằm xây dựng và ủng hộ các quốc gia dân chủ”. Tuy nhiên, theo dõi chính sách của Mỹ ở Trung Đông những năm 2006 - 2009, người ta nhận thấy Washington thiếu hiểu biết các nước đối tác, các đối thủ trong khu vực, không hiểu rõ về xã hội, cộng đồng ở những nơi đó, đặc biệt không chú ý đến phản ứng của người dân địa phương đối với sự can thiệp của Mỹ.

Obama bước vào Nhà Trắng đúng lúc Mỹ sa lầy tại chiến trường Iraq và Afghanistan, cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính thế giới năm 2008 đã kéo nước Mỹ lao dốc và hàng loạt các quốc gia khác lao đao. Chính quyền mới nhận thấy rằng, vai trò lãnh đạo mới của Mỹ trong giai đoạn khủng hoảng toàn cầu (khủng hoảng tài chính, khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng chủ quyền quốc gia, mất cân bằng khu vực...) không phải là tìm kiếm Sự thống trị dựa trên chính sách quân sự duy ý chí của Bush và những người theo đường lối tân - bảo thủ, những người muốn “cải tạo” và dân chủ hóa thế giới bằng vũ lực (Sức mạnh cứng), mà cần chấp nhận chia sẻ quyền lãnh đạo, chấp nhận chủ nghĩa đa phương trong đó Mỹ đóng vai trò lãnh đạo, phối hợp với các đồng minh và đối tác có trách nhiệm cùng giải

quyết xung đột thông qua các biện pháp ngoại giao và gây tác động (Sức mạnh mềm).

Có hai tư tưởng cơ bản xác định chính sách đối ngoại của Mỹ dưới thời Tổng thống Obama: Tìm kiếm một Sự tương thích trước các mối đe dọa của thế kỷ XXI và trước những thách thức mới của một thế giới không cực; quyết tâm thoát khỏi di sản của Tổng thống Bush, chủ nghĩa can thiệp quân sự đơn phương sai lầm kéo dài suốt 8 năm. Để thay đổi chính sách đối ngoại, cần thiết phải có một chính quyền “thông minh” có thể bảo đảm cho nước Mỹ quyền lãnh đạo “thông minh”, có nghĩa là biết suy nghĩ, thận trọng và hiệu quả.

Trong bài phát biểu với tư cách là Ngoại trưởng trước Ủy ban Đối ngoại Thượng viện, ngày 13-1-2009, Hillary Clinton đã nhiều lần trích dẫn “Sức mạnh thông minh” và nhấn mạnh Sự cần thiết tìm ra một sự cân bằng giữa chủ nghĩa hiện thực với chủ nghĩa quốc tế và một sự thay đổi cơ bản chính sách đối ngoại. Cũng ngay sau đó, nhà báo Hendrik Hertzberg đã tuyên truyền trên tạp chí New Yorker ngày 26-1-2009, trong đó nhấn mạnh “Sức mạnh thông minh” là Sự lựa chọn chiến lược tốt vào thời điểm nước Mỹ đang phải “tân trang” lại bộ mặt sau các thất bại quân sự.

Dưới sự dẫn dắt của Hillary Clinton, năm 2010, Bộ Ngoại giao

đã áp dụng biện pháp “hợp tác sự hỗ trợ của chủ nghĩa đa thông minh” với nhiều đối tác của phương. “Sức mạnh thông minh” Mỹ, đồng thời soạn thảo một chiến lược ngoại giao bốn năm (Quadrennial Diplomacy and Development Review - QDDR). Theo bà Clinton, “đây là một kế hoạch chi tiết về cách làm việc của Bộ Ngoại giao và cơ quan USAID, những cơ quan hoạt động nhạy bén, hiệu quả và minh bạch nhất” (Usembassy.org, “Bà Clinton thông báo kế hoạch cải tổ Bộ Ngoại giao và US AID” Stephen Kaufman, 15-12-2010).

QDDR cung cấp các phương tiện, thông qua Sự hợp tác của “quyền lực dân Sự”, cho các nhà ngoại giao, các chuyên gia phát triển và các cộng tác viên của họ ở nước ngoài nhằm “đối phó với các cuộc khủng hoảng, xung đột để ngăn chặn chúng”. QDDR thể hiện quan điểm chỉ đạo của Tổng thống Obama, theo đó sự phát triển là “mệnh lệnh chiến lược, kinh tế và đạo đức”, cùng với ngoại giao, đều là những trụ cột của sức mạnh Mỹ”. Ngoài ra, Bộ Ngoại giao muốn hiện đại hóa các phương tiện ngoại giao nhân dân Mỹ thông qua quan hệ hợp tác trên phương diện nhân dân phi chính phủ (các doanh nghiệp, Viện, NGO, phong trào nhân dân, cá nhân...).

Có thể thấy, “Sức mạnh thông minh” đáp ứng tốt hơn chính sách Ngoại giao đổi mới, chú ý hơn đến các đặc thù địa phương (văn hóa, tín ngưỡng, sắc tộc...) cũng như tìm kiếm

sự hỗ trợ của chủ nghĩa đa phương. “Sức mạnh thông minh” đòi hỏi cách làm việc nghiêm túc và áp dụng các biện pháp tác động đối với các quốc gia bị khủng hoảng cũng như đối với các phong trào phi chính phủ tại các quốc gia nhạy cảm.

Hiện “Sức mạnh thông minh” được sử dụng tùy vào các khu vực, như tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương nơi Mỹ kết hợp các cuộc tập trận hải quân, tích cực quảng bá cho việc ký kết hiệp định thương mại tự do (ngoại giao kinh tế) và ngoại giao cấp cao với các cuộc hợp thượng đỉnh liên quan đến những vấn đề lợi ích chung. Trong đó, kinh tế là con át chủ bài chiến lược mà chính quyền Obama phải tận dụng. Chính vì vậy, ký kết hai thỏa thuận tự do thương mại lớn đang trong quá trình đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) với châu Á và Hiệp định Thương mại và Đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP) với Liên minh châu Âu được đặt lên ưu tiên hàng đầu của Washington trong thời gian qua. Đồng thời, chính quyền Obama thiên về Sự lựa chọn đa phương, như trường hợp chiến dịch quân Sự chống Libya và thương áp dụng biện pháp ngoại giao tích cực thông qua các cuộc hợp thượng đỉnh, nhất là ở châu Á, như với ASEAN và thông qua phát triển kinh tế (ngoại giao kinh tế), nhất là đối với châu Phi, nơi diễn ra cạnh tranh quyết liệt với Trung Quốc.

NGO và các Quý tư nhân - công cụ gây ảnh hưởng của chính sách ngoại giao

Việc ứng dụng Học thuyết “Sức mạnh thông minh” được thực hiện dưới các vỏ bọc các chiến dịch “xúc tiến dân chủ và nhân quyền” do các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các quỹ tư nhân Mỹ, những công cụ trung gian của chính sách ngoại giao Mỹ tiến hành, hoạt động tích cực khắp thế giới và được Chính phủ Mỹ tài trợ.

Kể từ những năm 1990, các NGO đã trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống đối ngoại của các nước không chỉ trong các lĩnh vực nhân đạo, đấu tranh chống đói nghèo, bảo vệ môi trường, tự do xã hội và chính trị, mà còn là công cụ gây tác động có lợi cho những quốc gia sở hữu chúng. Thay vì sử dụng “Sức mạnh cứng” cổ điển, dùng vũ lực hoặc các cuộc đảo chính mất lòng dân, Mỹ đã chuyển sang sử dụng các Quỹ và NGO được Nhà nước tài trợ như NED (National Endowment for Democracy), Freedom House hoặc USAID với mục tiêu “xúc tiến dân chủ tự do” trên thế giới, đồng thời củng cố vị trí thống trị của Mỹ về cả chiến lược và kinh tế.

Từ cuối những năm 1990, có nhiều cuộc “cách mạng màu” nổ ra khắp thế giới, từ Đông Âu tới Trung Đông, qua Mỹ Latinh. Tuy mỗi Sự kiện có những nét riêng, nhưng hầu hết đều mang điểm chung: Sự hiện diện của

nhiều NGO Mỹ trong suốt quá trình diễn ra “cách mạng màu” với khẩu hiệu “cổ vũ dân chủ”. Các NGO không hề che giấu các hoạt động của mình và sẵn sàng can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia. Trong cuốn “Xuất nhập khẩu dân chủ”, Camille Gangloff đã phân tích rõ, trong các cuộc “cách mạng màu”, từ Serbia năm 2000, với “Cách mạng xe ủi đất” lật đổ Tổng thống thân Nga Slobodan Milosevic, tới Gruzia nơi “Cách mạng hoa hồng” lật đổ Tổng thống Eduard Shevarnadze năm 2003, đến Ucraina khi “Cách mạng cam” lật đổ Tổng thống Yanukovich năm 2004 và cuối cùng ở Kyrgyzstan với “Cách mạng hoa tulip” lật đổ Tổng thống Akayev vào năm 2005 đều có “bóng dáng” của các NGO Mỹ. Ngoài ra, còn có một số cuộc “cách mạng màu” được Mỹ chỉ đạo và tài trợ nhưng thất bại như ở Iran (2009), Liban (2005), Ai Cập và Tunisia (2011).

Các cuộc “cách mạng màu” sử dụng công nghệ của Viện Albert Einstein (Albert Einstein Institution - AEI), một tổ chức phi lợi nhuận do nhà chính trị học và triết học Mỹ Gene Sharp thành lập vào năm 1983. Tổ chức này chủ trương tuyên truyền dân chủ trên thế giới bằng cách cung cấp cho những người đấu tranh dân chủ các phương pháp hành động thiết yếu phi bạo lực nhằm mục đích thúc đẩy chính quyền địa

phương cải cách để tiến tới lật đổ chính quyền đó. Trong nhiều trường hợp, dưới sức ép của các cuộc bạo loạn đường phố, Sự buông xuôi của giới chức địa phương và sức ép quốc tế, lãnh đạo nhà nước hoặc người đứng đầu chính phủ đầu hàng và chấp nhận ra đi trong im lặng.

AEI hỗ trợ lý luận cho các phong trào phản kháng hoặc các cá nhân địa phương bằng cách in ấn và phát miễn phí tài liệu, sách về kinh nghiệm bạo loạn bằng nhiều thứ tiếng và phổ biến rộng rãi trên Internet. “Từ độc tài đến dân chủ”, tác giả Gene Sharp được coi đó là cuốn cẩm nang của những người ủng hộ các cuộc “cách mạng màu”. Gene Sharp đã liệt kê trong cuốn sách 198 biện pháp phi bạo lực nhằm chống lại các cơ quan trụ cột truyền thống của các chế độ độc tài là cảnh sát, đảng cầm quyền, cơ quan pháp luật và truyền thông. Ngoài ra, còn có các chỉ dẫn cách tổ chức biểu tình, sử dụng các phương tiện thông tin cần thiết để tập hợp và cách đối phó với lực lượng cảnh sát như tặng hoa hoặc thức ăn.

Sharp rất chú ý đến việc sử dụng thường xuyên các hình tượng (logos) và khẩu hiệu để đi vào lòng người. Các cuộc biểu tình hòa bình nhưng kiên quyết, tác động mạnh tới lãnh đạo, đồng thời lôi kéo được cảm tình của dư luận quốc tế, giới truyền thông và các chính phủ nước ngoài. AEI cũng liên hệ với các

nhân vật lưu vong ở nước ngoài để cung cấp cho họ những biện pháp trên, thường qua trung gian là các Hội hữu nghị đặt tại châu Âu và một số là chi nhánh của Quỹ Soros được thành lập từ năm 1993. Quỹ Xã hội mở - Open Society Foundation hay còn gọi là Quỹ Soros, một mạng lưới các viện hoạt động tích cực nhất ở Trung và Đông Âu và tại các nước thuộc Liên Xô cũ, với mục tiêu cổ vũ dân chủ, nhân quyền và cải cách kinh tế, xã hội và tư pháp. Mạng lưới này hợp tác chặt chẽ với các Quỹ và NGO Mỹ như NED tại Ucraina.

Những NGO lớn của Mỹ hoạt động cổ vũ dân chủ ở nước ngoài bao gồm Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ (USAID), Quỹ quốc gia vì Dân chủ (NED), Viện Cộng hòa Quốc tế (IRI), Viện Dân chủ Quốc gia (NDI), Trung tâm vì các doanh nghiệp tư nhân thế giới (CIPE), Trung tâm Mỹ vì sự đoàn kết lao động thế giới (ACILS), Freedom House. Các NGO trên sử dụng nhiều hình thức viện trợ cho nước ngoài: tài chính (USAID, IRI, NDI, CIPE, ACILS, Freedom House), tổ chức (USAID, IRI, NDI, CIPE, ACILS), vật chất và hậu cần (IRI, NDI, CIPE, ACILS) và lý luận - giáo khoa (AEI). Hàng năm các NGO nhận nguồn ngân sách rất lớn theo quyết định của Quốc hội trên cơ sở đề nghị của Tổng thống. Ngân sách năm tài khóa 2016

của Văn phòng Dân chủ của USAID là 2,4 tỷ USD với chương trình “Khuyến khích hơn nữa các xã hội và thiết chế dân chủ” nhằm khuyến khích dân chủ, nhân quyền và điều hành tốt, cùng với một khoản bổ sung ngân sách dự kiến cho Trung Mỹ, châu Á và châu Phi. Ở châu Âu, ngân sách năm 2015 được ưu tiên cho Ucraina nhằm “bảo vệ chủ quyền và Sự phồn vinh” của đất nước này nhằm chống lại sức ép của Nga. Ngân sách của NED là 135 triệu USD cho năm tài khóa 2014, 2015 và 103, 450 triệu USD cho năm 2016.

Các NGO hoạt động tích cực tại trên 100 quốc gia nhằm mục đích cổ vũ dân chủ. Chúng thực sự được tổ chức thành một mạng lưới khắp thế giới, định ra các tiêu chuẩn hành động. Hoạt động của các NGO chia thành nhiều bước. Bước đầu là chọn lựa mục tiêu ưu tiên các nước, NGO và tổ chức bản địa để giúp về tư vấn và tài chính. Sau đó các NGO cung cấp các phương tiện khác nhau tùy yêu cầu cụ thể.

Dù trên danh nghĩa các NGO hoạt động “độc lập”, song thực tế vẫn chịu sự chỉ đạo của chính phủ. Mạng lưới NGŨ có mối quan hệ hữu cơ với chính phủ Mỹ, can thiệp tích cực vào công việc nội bộ của các nước nhằm bảo vệ lợi ích của nước Mỹ dưới khẩu hiệu nguy trang “cổ vũ những giá trị dân chủ”.

Ucraina, nơi thử nghiệm của các NGO Mỹ

Ucraina là quốc gia giữ một vị trí chiến lược quan trọng. Tiềm năng của nông nghiệp Ucraina rất lớn, đất nước có 30 triệu ha đất canh tác, tương đương 30% đất canh tác của toàn Liên minh châu Âu; Ucraina là quốc gia đứng thứ ba về xuất khẩu ngô và thứ năm thế giới về xuất khẩu lúa mì. Ngoài vị trí địa lý và chính trị quan trọng và là tiêu điểm của mâu thuẫn Đông - Tây, chi riêng ở lĩnh vực nông nghiệp Ucraina cũng đủ để nước ngoài quan tâm và tìm cách kiểm soát. Bên cạnh đó, nếu thâm tím được nền chính trị và kinh tế Ucraina, Mỹ sẽ có được lợi thế trong kế hoạch kiềm chế và làm suy yếu lâu dài nước Nga. Bởi vậy, ngay sau khi Liên Xô sụp đổ, Washington đã có kế hoạch đưa Kiev vào vòng lệ thuộc của mình. Những Sự kiện xảy ra trong mùa đông 2013 - 2014 cùng với việc các NGO Mỹ và Quỹ Soros hình thành một xã hội dân sự Ucraina đã minh chứng cho kế hoạch trên của Mỹ. Mỹ đã lợi dụng phong trào ly khai ở miền Đông Ucraina, kích động tâm lý chống Nga và Tổng thống Putin. Mỹ và châu Âu gây sức ép mạnh với Nga từ mùa xuân 2015 không ngoài vì lợi ích địa - chiến lược, kinh tế và thương mại.

Tại Ucraina, các NGŨ Mỹ hợp tác với Quỹ Soros và NDI

nhận tài trợ trực tiếp từ NED, đã đóng vai trò tích cực vào các năm 2013, 2014 (bên cạnh USAID) trong thắng lợi của các lực lượng đảo chính Ucraina chống chính quyền của Tổng thống Yanukovich. Trong cuộc trả lời phỏng vấn trên CNN ngày 25-5-2014, George Soros thừa nhận Quỹ Soros đã tham gia tích cực vào “Cách mạng cam” năm 2004 và vào vụ lật đổ Tổng thống Yanukovich sau biểu tình Maidan 2013 - 2014. Trên trang mạng của IRF có ghi rõ OSF của Soros đã giải ngân khoảng 100 triệu USD kể từ giữa những năm 1990 nhằm chuyển hóa Ucraina thành một “xã hội cởi mở và dân chủ hơn”.

Chính phủ Mỹ thông qua USAID đã cung cấp hàng triệu USD cho các NGO thuộc Tổ chức Sáng kiến hợp tác Ba Lan - Mỹ - Ucraina (PAUCI) do Freedom House chỉ đạo và tài trợ. Sau đó, PAUCI phân chia Số tiền tài trợ trên cho những NGO Ucraina theo hướng dẫn của Washington. PAUCI có nhiệm vụ giúp đỡ Ucraina về kinh nghiệm gia nhập EU, sau đó là NATO. Trách nhiệm của các NGO Mỹ (USAID, NED) và Quỹ Soros là cung cấp tài chính cho việc xây dựng một xã hội dân sự ở Ucraina.

Cũng cần bổ sung thêm vai trò không thể thiếu được của Hội đồng doanh nghiệp Mỹ - Ucraina (USUBC). USUBC giống như người mở đường cho các nhà đầu tư Mỹ vào Ucraina nhờ

các mối quan hệ với giới tinh hoa Ucraina, những người ủng hộ việc hợp tác với Mỹ tại Kiev. Hội đồng doanh nghiệp EU - Ucraina (EUUBC) có trụ sở tại Bruxelles, cũng giống như USUBC, đóng vai trò “vận động hành lang” giới lãnh đạo Ucraina để phát triển quan hệ thương mại EU - Ucraina.

Tương lai của “Sức mạnh thông minh”

Có ba vấn đề lớn cần quan tâm khi đề cập đến tính khả thi và tương lai của học thuyết “Sức mạnh thông minh”:

1. “Sức mạnh thông minh” được đề cập đến từ cuối nhiệm kỳ 2 của chính quyền G. Bush với khái niệm “Ngoại giao đổi mới” - hệ quả từ những thất bại quân sự tại Iraq, Afghanistan - đã tác động mạnh đến nền kinh tế và tinh thần người dân Mỹ. Cả đảng Cộng hòa lẫn Dân chủ đều thấy cần thiết phải thay đổi từ chủ nghĩa đơn phương sang chủ nghĩa đa phương. Trên tinh thần này, “Sức mạnh thông minh” trở thành liều thuốc ngăn chặn sự suy giảm ảnh hưởng của Mỹ trên thế giới. “Sức mạnh thông minh” là một hình thức sử dụng hạn chế “Sức mạnh cứng”, đã được chính quyền Obama thử nghiệm tại Libya (2011), Syria (từ 2011) và để giải quyết cuộc khủng hoảng Iraq (2014 - 2015), chống lại IS trong năm 2014. Chính sách của chính quyền Obama không phải xem là do

dự mà là có tính toán và thận trọng. Việc chia sẻ trách nhiệm với các đồng minh châu Âu và Ả-rập đã được thể hiện qua ứng xử của Washington trong ba cuộc xung đột trên.

2. “Sức mạnh mềm” hay là chính sách gây ảnh hưởng, bộ phận cấu thành của “Sức mạnh thông minh” được ứng dụng tại Ucraina, Hungary, Séc và Hồng Kông và tại nhiều nơi khác như Venezuela, các nước Ả-rập, Bolivia...). Nhìn bề ngoài, cũng vẫn là cách thức can thiệp vào công việc nội bộ các nước từ năm 1980 dưới thời Ronald Reagan. Nhưng thực chất cách gây ảnh hưởng này giờ đã đi quá xa, làm méo mó chính sách đối ngoại của Washington, đôi khi là một chính sách phá hoại kinh tế chống lại những quốc gia không được Mỹ ưa thích, đồng thời sử dụng thường xuyên biện pháp tung tin giả nhằm đạt mục đích cuối cùng. Các biện pháp trừng phạt tài chính và thương mại của Phương Tây chống Nga năm 2014 làm cho người ta nghĩ nhiều tới “Sức mạnh cứng” hơn là biện pháp gây ảnh hưởng đơn thuần. Các NGO Mỹ thực sự đóng vai trò là những công cụ trung gian tích cực của chính sách đối ngoại Mỹ.

Có thể coi “Sức mạnh thông minh” là một cứu cánh của Mỹ trong bối cảnh Washington đang tìm kiếm một thể hợp pháp mới và cần một thời gian “nghỉ ngơi” kể từ 2009, ngoại

giao và Sự lựa chọn đa phương có lẽ là giải pháp phù hợp duy nhất bảo đảm hòa bình thế giới. “Sức mạnh thông minh” bắt nguồn từ Sự thông minh và suy nghĩ chính trị chiến lược. Liệu học thuyết này có giành thắng lợi khi đem ra ứng dụng? Những người theo trường phái “bàn trưởng” Mỹ (như Thượng nghị sĩ J. McCain), kiên định học thuyết “Sức mạnh cứng” không tin tưởng vào tương lai của “Sức mạnh thông minh” vì nhiều người trong số họ có chủ trương nhiều biện pháp phiêu lưu khác.

Thời gian vừa qua, Bà Hillary Clinton đã chính thức tuyên bố ra tranh cử Tổng thống Mỹ năm 2016 và được đánh giá là một trong những ứng cử viên sáng giá. Vốn là người ủng hộ tích cực học thuyết “Sức mạnh thông minh”, nếu bà Clinton thắng cử, chắc chắn Học thuyết “Sức mạnh thông minh” sẽ được ứng dụng và phát huy mạnh hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. “Sức mạnh thông minh” có cứu nổi sức mạnh Mỹ? Olivier Guilmain, Trung tâm Pháp I nghiên cứu về tình báo (Cf2R) 3-2015.
2. J. Nye, The Future of Power, Public I Affairs, New York, 2011.
3. J. Nye, Soft Power: Mean to Success in World Politics, Public Affairs, New York, 2004.
4. E. Denece, Mặt trái của cuộc cách mạng Ả-rập, Cf2R, 2012.
5. Bzrezinski, Bàn cờ lớn, New York, Basic Book, 1997.

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM

TS. NGUYỄN DUY LỢI

LTS: Sau 5 năm đàm phán, trải qua 30 phiên làm việc ở cấp kỹ thuật và hơn 10 cuộc đàm phán cấp Bộ trưởng, 12 nước là Mỹ, Nhật Bản, Canada, Australia, New Zealand, Chile, Peru, Mexico, Malaysia, Singapore, Brunei và Việt Nam đã hoàn tất quá trình đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương vào ngày 5-10-2015.

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương được đánh giá là hiệp định kiểu mẫu cho Thế kỷ XXI do có tiêu chuẩn cao, phạm vi rộng và mức độ cam kết sâu, các tiêu chuẩn ở đẳng cấp cao, đầy tham vọng, toàn diện và cân bằng, giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ tạo mới và duy trì công ăn việc làm, tăng cường đổi mới và nâng cao năng suất lao động cũng như năng lực cạnh tranh. Thỏa thuận này cũng cho phép khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực trọng điểm, kích thích cạnh tranh, thu hút thêm đầu tư nước ngoài và giúp xây dựng hạ tầng chuỗi cung ứng, tạo cơ hội đáng kể cho doanh nghiệp, từ đó tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Khi được ký kết chính thức và có hiệu lực, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ có ảnh hưởng lớn đến Việt Nam, bên cạnh nhiều cơ

hội lớn cũng sẽ có không ít thách thức đối với nền kinh tế.

Hiệp định kiểu mẫu với mức độ hội nhập cao

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương bao quát phạm vi rất rộng, phức tạp với các vấn đề thương mại và phi thương mại đan xen, mức độ cam kết sâu bao gồm 22 lĩnh vực. Những nét khái quát chính của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương như sau:

Tiếp cận thị trường: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương khi được ký kết, thuế nhập khẩu về 0% đối với tất cả dòng thuế. Với một Số ít các dòng thuế nhạy cảm nhất, có thể áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc hình thức giảm thuế' đáng kể với điều kiện là phải được cả 11 nước còn lại chấp nhận.

Quy tắc xuất xứ (ROO): Các nước đã thống nhất xây dựng một biểu thuế quan duy nhất và

các quy tắc xuất xứ chung trong Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, ví dụ đối với sản phẩm dệt may, áp dụng nguyên tắc từ sợi trở đi ("yarn-forward") được liệt kê trong danh mục "nguồn cung thiếu hụt" (short-supply list). Theo danh mục này, các doanh nghiệp sẽ có quyền nhập khẩu một số chủng loại vải, sợi từ nước thứ ba (ngoài Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương) để làm ra sản phẩm may mà vẫn được hưởng ưu đãi.

Doanh nghiệp nhà nước (SOE): Các doanh nghiệp nhà nước phải hoạt động theo cơ chế thị trường; không được có hành vi chống cạnh tranh khi có vị trí độc quyền gây ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư; minh bạch hóa một số thông tin như tỷ lệ sở hữu của nhà nước, báo cáo tài chính đã được kiểm toán và được phép công bố..., trừ các thông tin ảnh hưởng tới quốc phòng - an ninh.

Về trợ cấp: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương yêu cầu các nước nỗ lực xóa bỏ thuế xuất khẩu vì coi đây là một hình thức trợ cấp gián tiếp cho doanh nghiệp trong nước thông qua việc mua nguyên liệu với giá rẻ. Việt Nam đồng ý với nỗ lực này nhưng phải theo lộ trình hợp lý, đồng thời bảo lưu quyền áp dụng thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng có ý nghĩa quan trọng đối với việc thu ngân sách như dầu thô và các loại than đá mà Việt Nam có sản xuất trong nước.

Đầu tư: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ giới hạn sự kiểm soát của các chính phủ đối với các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ của mình. Các doanh nghiệp nước ngoài cũng có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu các quy định pháp luật nội địa về quyền sử dụng đất, môi trường, sức khỏe, tài chính và các lĩnh vực khác gây tổn thất cho các doanh nghiệp này.

Mua sắm chính phủ: Trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, việc tuân thủ các điều khoản liên quan đến vấn đề mua sắm chính phủ là bắt buộc đối với tất cả các bên tham gia, nhằm sử dụng thị trường mua sắm chính phủ để kích thích thương mại quốc tế phát triển và tạo bình đẳng giữa các doanh nghiệp của các bên tham gia ký kết. Những điểm đáng chú ý trong quy định về mua sắm chính phủ của Hiệp định Đối tác xuyên

Thái Bình Dương tập trung vào ba vấn đề: 1/ Phạm vi điều chỉnh bao gồm hoạt động “mua, thuê, thuê mua, hợp đồng xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT) và hợp đồng nhượng quyền công trình công cộng”; 2/ Về nguyên tắc chung, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương quy định các quốc gia thành viên phải tuân thủ triệt để nguyên tắc đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử; 3/ Về khuyến khích sử dụng giao tiếp điện tử, các bên ký kết được yêu cầu sử dụng các phương tiện điện tử trong quá trình truyền đạt thông tin, cung cấp tài liệu đấu thầu và nhận tài liệu đấu thầu.

Sở hữu trí tuệ: Các quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với được phẩm khá cao và chặt chẽ.

Lĩnh vực môi trường: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương có các quy định có tính bắt buộc về bảo tồn động thực vật hoang dã và quy định về tranh chấp trong vấn đề môi trường sẽ được xử lý theo cơ chế giải quyết tranh chấp áp dụng chung cho tất cả các lĩnh vực khác của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương.

Những ảnh hưởng tích cực

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ hình thành một khu vực mậu dịch tự do với 800 triệu dân chiếm tới 40% GDP và 30% thương mại toàn cầu, sẽ góp phần tăng GDP thế giới thêm gần 300 tỷ USD mỗi năm. Hiệp định Đối tác xuyên Thái

Bình Dương được kỳ vọng sẽ tạo ra một bước nhảy vọt để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước. Sau khi Hiệp định được đưa vào thực hiện, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dệt may, da giày, thủy sản, đồ gỗ... sẽ được miễn hoặc giảm thuế đáng kể khi tiếp cận thị trường các nước Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương như Mỹ, Australia và các nước đối tác khác.

Theo đánh giá của các chuyên gia, các tổ chức nghiên cứu. Việt Nam sẽ là nước được hưởng lợi nhiều nhất trong số các nước thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương do thỏa thuận này sẽ xóa bỏ 18 ngàn loại thuế khác nhau giữa 12 nước thành viên. Trong 1 thập kỷ tới, nhờ Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, GDP của Việt Nam có thể tăng trưởng 11%, tương đương 36 tỷ USD. Xuất khẩu cũng có thể tăng trưởng 28%, tương đương 68 tỷ USD vào năm 2025 vì các công ty nước ngoài sẽ chuyển nhà máy đến Việt Nam.

TPP sẽ giúp Việt Nam đa dạng hóa quan hệ thương mại, tránh phụ thuộc quá mức vào một khu vực thị trường nhất định. Khu vực Đông Á, bao gồm ASEAN, Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản và Hàn Quốc luôn chiếm tỷ trọng rất lớn trong kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam, thường xuyên ở mức trên 60%, nếu tính riêng nhập khẩu thì lên tới trên

75%. Hiện Việt Nam nhập siêu rất lớn từ Trung Quốc, chiếm tỷ trọng lớn nhất với hơn 85% (khoảng 35 tỷ USD). Việc phụ thuộc quá nhiều vào một nước sẽ tiềm ẩn rủi ro khi kinh tế nước này biến động bất lợi. Hơn nữa, nhập nguyên liệu đầu vào cho sản xuất chủ yếu từ thị trường Trung Quốc khiến hàng xuất khẩu Việt Nam không được hưởng thuế suất ưu đãi do quy tắc xuất xứ. Nếu thuế nhập khẩu được hạ về mức 0% thì hàng dệt may và giày dép Việt Nam sẽ đứng trước cơ hội lớn trong việc mở rộng thị phần trên thị trường các nước Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, đặc biệt là thị trường Mỹ. Cơ hội cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực khác như thủy sản, đồ gỗ và nông sản cũng rất lớn.

Cơ hội tiếp cận các thị trường rộng lớn như Mỹ, Nhật Bản, Canada với thuế nhập khẩu bằng 0%, kết hợp với các cam kết rõ ràng hơn về cải thiện môi trường đầu tư và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ chắc chắn sẽ góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, nhất là của các tập đoàn lớn. Tận dụng thời cơ này, Việt Nam sẽ hưởng lợi lớn từ làn sóng đầu tư mới, tạo ra nhiều công ăn việc làm, hình thành năng lực sản xuất mới để xuất khẩu và tham gia các chuỗi giá trị trong khu vực và toàn cầu do Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương đem lại.

Hiện nay, mức độ mở cửa của thị trường dịch vụ tài chính Ở Việt Nam vẫn còn thấp, các

thị trường dịch vụ, thị trường lao động, khoa học công nghệ... vẫn chưa phát triển hoàn chỉnh hoặc mới chỉ manh nha hình thành. Do đó, tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn vào thị trường tài chính thế giới cũng như có cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài, tiếp thu công nghệ và kinh nghiệm của các nước để phát triển lĩnh vực dịch vụ tài chính.

Với các cam kết sâu và rộng hơn WTO, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ giúp kinh tế Việt Nam phân bổ lại nguồn lực theo hướng hiệu quả hơn, từ đó hỗ trợ tích cực cho quá trình tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng. Ngoài ra, do Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương hướng tới môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch hóa quy trình xây dựng chính sách và khuyến khích sự tham gia của công chúng vào quá trình này, cho nên sẽ có tác dụng rất tốt để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường cũng như tăng cường cải cách hành chính Ở Việt Nam.

Là một nền kinh tế định hướng xuất khẩu, việc Việt Nam có thể tiếp cận với các thị trường lớn như Mỹ với mức thuế suất bằng 0 sẽ mang lại một lợi thế cạnh tranh lớn và một triển vọng hết sức sáng sủa cho nhiều ngành hàng của chúng ta, kéo theo đó là lợi ích cho một bộ phận lớn người lao động hoạt động trong các lĩnh vực phục vụ xuất khẩu. Lợi ích này không chỉ

dừng lại ở những nhóm mặt hàng mà Việt Nam đang có thế mạnh xuất khẩu (như dệt may, giày dép...), mà nó còn là động lực để nhiều nhóm mặt hàng khác hiện chưa có kim ngạch đáng kể có điều kiện để gia tăng sức cạnh tranh. Nói cách khác, lợi thế này không chỉ nhìn từ góc độ hiện tại mà còn được nhìn thấy Ở cả tiềm năng trong tương lai. Tuy nhiên, thực tế đối với Mỹ, hàng thủy sản chưa chế biến hay đồ gỗ (hai lĩnh vực xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang thị trường này) đã và đang được hưởng mức thuế suất gần bằng 0.

Về lý thuyết, với Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, Việt Nam sẽ được tiếp cận thị trường dịch vụ của các nước đối tác thuận lợi hơn với ít rào cản. Tuy vậy, trên thực tế, dịch vụ của Việt Nam hầu như chưa có được sự đầu tư đáng kể từ nước ngoài do năng lực cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu kém. Trong tương lai, tình hình này có thể thay đổi đôi chút (với những nỗ lực trong việc xuất khẩu phần mềm, đầu tư viễn thông...).

Ngoài ra, với Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, Việt Nam cũng có các lợi ích khai thác được tại thị trường nội địa, như các lợi ích từ việc giảm thuế hàng nhập khẩu từ các nước Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương; từ những khoản đầu tư, dịch vụ đến từ Mỹ và các nước đối tác Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương;

từ những thay đổi thể chế hay cải cách kinh tế và pháp lý để đáp ứng đòi hỏi chung của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương; từ việc mở cửa thị trường mua sắm công; từ việc thực thi các tiêu chuẩn về lao động, môi trường...

Những thách thức

Tuy nhiên, Việt Nam không chỉ có thuận lợi mà sẽ phải đối mặt với những thách thức liên quan đến sức ép cạnh tranh. Trước hết, trong lĩnh vực nông nghiệp, Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với không ít thách thức khi tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương. Mặc dù Việt Nam có lợi thế đối với sản xuất nông nghiệp, song đối với ngành chăn nuôi, Việt Nam lại không có nhiều thuận lợi. Trong Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, các nước Mỹ, Australia, New Zealand là những nước có lợi thế nhất về các sản phẩm chăn nuôi do có không gian rộng lớn, tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm tới 70 - 80%, trong khi trồng trọt chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ. Tiếp đến là các nước Nhật Bản, Singapore, Malaysia còn Việt Nam nằm trong nhóm ít có thuận lợi nhất về chăn nuôi. Do đó, khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương mở cửa thị trường những sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sẽ chịu sự cạnh tranh khốc liệt. Bên cạnh đó, các sản phẩm chăn nuôi của thế giới sản xuất ra đều theo quy trình sản xuất công nghiệp nên có lợi thế cạnh tranh vượt trội so với

Việt Nam. Một số nông sản khác cũng sẽ gặp khó khăn nhưng ở mức độ nhẹ hơn như: Sữa, đậu nành, bắp và nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc. Một số sản phẩm công nghiệp mà bạn hàng Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương có thể mạnh cũng có thể gây khó khăn cho sản xuất của Việt Nam như: Giấy, thép, ô tô.

Việc giảm thuế đối với các nước thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng nguồn hàng nhập khẩu từ các nước Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương vào Việt Nam do giá thành rẻ hơn, chất lượng và mẫu mã đa dạng, phong phú hơn. Sản phẩm nông nghiệp, các doanh nghiệp và nông dân Việt Nam sẽ đứng trước sự cạnh tranh gay gắt trong khi đó, các hàng nông sản và nông dân là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong hội nhập. Đối với ngành trồng trọt, nếu như các sản phẩm lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, hạt điều có cơ hội xuất khẩu tốt hơn thì các sản phẩm như ngô, đậu tương và mía đường sẽ gặp rất nhiều áp lực do hiệu quả kinh tế, năng suất và chất lượng các sản phẩm này đều kém hơn so với quốc tế.

Khi hàng rào thuế quan bị xóa bỏ, hàng rào phi thuế quan sẽ trở nên phổ biến hơn, do đó yêu cầu về chất lượng sản phẩm cũng khắt khe hơn. Đây cũng là một trong những điểm yếu đối với sản xuất nói chung

và nông nghiệp của Việt Nam nói riêng. Thực tế cho thấy, trong giai đoạn vừa qua, hàng hóa nông sản của Việt Nam đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận thị trường thế giới do vướng phải hàng rào kỹ thuật thương mại và biện pháp vệ sinh dịch tễ. Hàng nhập khẩu tăng trong khi xuất khẩu không tìm được đường vào thị trường các nước thì không những không phát triển và phát huy được lợi thế, mà lĩnh vực nông nghiệp còn có nguy cơ trở thành gánh nặng cho nền kinh tế bởi hiện nay khu vực này vẫn đang tạo công ăn việc làm chủ yếu cho nông dân, chiếm khoảng 70% dân số.

Cạnh tranh quyết liệt trong ba ngành Ngân hàng, Phân phối và Viễn thông giá trị gia tăng: Việt Nam đã ký FTA song phương với 7 trong số 11 thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, sức ép cạnh tranh sẽ lớn đối với cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cạnh tranh quyết liệt ngay chính trên sân nhà giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài sẽ tập trung trong ba ngành: Ngân hàng, Phân phối và Viễn thông giá trị gia tăng. Do Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương mang lại quyền tiếp cận tự do hơn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ tài chính) để họ được đối xử tốt hơn hoặc bình đẳng

hơn tại sân chơi chung giữa các quốc gia thành viên. Trong khi năng lực xâm nhập thị trường nước ngoài còn nhiều hạn chế và thiếu kinh nghiệm, nhiều khả năng trong thời gian ngắn, doanh nghiệp Việt Nam sẽ bị lấn lướt ngay tại thị trường nội địa khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương mở ra.

Với thách thức cạnh tranh, có thể dẫn tới phá sản và tình trạng thất nghiệp sẽ xảy ra ở các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh yếu, không được chuẩn bị kỹ cho hội nhập do việc giảm thu ngân sách từ giảm thuế nhập khẩu sau khi thực hiện Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương. Hơn nữa, việc giảm thuế quan có thể khiến nguồn hàng nhập khẩu từ các nước Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương vào Việt Nam gia tăng, với giá cả cạnh tranh hơn. Thị phần các hàng hóa liên quan tại Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng và cạnh tranh gay gắt hơn. Sản phẩm nông nghiệp, doanh nghiệp và nông dân Việt Nam đứng trước sự cạnh tranh gay gắt, nhất là các hàng nông sản và nông dân là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong hội nhập.

Thách thức đối với thị trường tài chính của Việt Nam khá lớn khi các rào cản tiếp cận thị trường này sẽ dần được xóa bỏ. Lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đã có những tiến bộ song vẫn ở mức thấp. So sánh với một số nước trong khu vực và trên thế giới, khả năng tiếp cận dịch vụ

ngân hàng tại Việt Nam còn hạn chế. Chính điều này sẽ tăng cơ hội cho các ngân hàng quốc tế tiếp cận thị phần khách hàng trong nước, từ đó ảnh hưởng tới thị trường tiềm năng của các ngân hàng trong nước. So với các nước thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương khác, thị trường dịch vụ tài chính của Việt Nam kém phát triển hơn rất nhiều, đặc biệt là so với Mỹ. Do vậy, áp lực cạnh tranh là không hề nhỏ khi các công ty nước ngoài tiếp cận và tham gia thị trường dịch vụ tài chính của Việt Nam.

Khoảng trống giữa những cam kết rộng và sâu của Việt Nam với Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương và hệ thống hành lang pháp lý hiện hành về công đoàn độc lập, người lao động, vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ, môi trường và bảo hộ... cũng là một bài toán lớn đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam phải giải quyết một cách hiệu quả và có hệ thống.

Xuất khẩu tăng trưởng nhanh nhưng cơ cấu hàng xuất khẩu chưa hiệu quả, chủ yếu xuất khẩu hàng có công nghệ thấp, thâm dụng lao động như hàng may mặc, giày dép, đồ nội thất... Xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu thô, chưa qua sơ chế hoặc gia công khiến sức cạnh tranh về giá cả, chất lượng, giá trị gia tăng của hàng hóa... trở nên yếu. Quy mô doanh nghiệp xuất khẩu nhỏ, không thâm nhập được vào hệ

thống phân phối chính khiến các doanh nghiệp xuất khẩu trở nên không bền vững, không chi phối được thị trường. Tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ tạo ra sức ép về mở cửa thị trường, cạnh tranh đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Nếu không có sự chuẩn bị tốt, nhiều ngành sản xuất và dịch vụ có thể sẽ gặp khó khăn.

Cần thấy rằng, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ không giúp loại bỏ các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp mà Mỹ đang áp dụng. Mỹ sẽ tiếp tục áp dụng quy chế kinh tế phi thị trường cho Việt Nam trong các vụ kiện chống bán phá giá cho tới khi Việt Nam đạt được tiêu chuẩn nền kinh tế thị trường. Các quy định liên quan đến môi trường và lao động sẽ tăng chi phí sản xuất của các nước, trong đó có Việt Nam.

Quy tắc xuất xứ là một trong những yêu cầu quan trọng. Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương cũng quy định về nguyên tắc "cộng gộp" để các nguyên liệu đầu vào từ một bên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương được đối xử bình đẳng như những nguyên liệu đầu vào từ một bên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương bất kỳ. Các bên tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương cũng đưa ra các quy tắc để đảm bảo rằng doanh nghiệp có thể hoạt động một cách dễ dàng xuyên khu vực Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương thông qua việc

thiết lập một hệ thống chung trên toàn khu vực về chứng minh và kiểm tra xuất xứ hàng hóa Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương. Như vậy, những ngành nào, sản phẩm nào, sử dụng các nguyên liệu của nước thứ ba, ngoài thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương đều không được hưởng các ưu đãi thuế suất. Với năng lực tự sản xuất và cung ứng nguyên phụ liệu còn hạn chế, thì những yêu cầu về quy tắc xuất xứ hàng hóa lại đang đặt ra thách thức và mối lo ngại cho các doanh nghiệp Việt Nam. Quy tắc xuất xứ của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương vừa là thách thức, vừa là cơ hội đối với các ngành sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam. Nếu vượt qua được thách thức, khai thác được cơ hội, Việt Nam sẽ sớm thoát khỏi thực trạng là một nước gia công giản đơn, chủ yếu là sử dụng lao động giá rẻ. Quy tắc xuất xứ nội khối tạo nên sức ép, đồng thời mở ra cơ hội tăng cường thu hút FDI, là cơ hội tốt cho Việt Nam phát triển công nghiệp hỗ trợ, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa từ nguyên liệu trong nước hoặc nguyên liệu nhập khẩu từ các nước thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương.

Các lĩnh vực xuất khẩu chủ lực từ Việt Nam sang Mỹ là hàng may mặc, da giày và nông hải sản. Hàng nông hải sản của Việt Nam tự sản xuất tương đối tốt, tuy nhiên vẫn để đặt ra là phải sử dụng phân

bón, thức ăn và thuốc bảo vệ thực vật cho đúng cách để vượt qua hàng rào kiểm soát của Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ. Trong lĩnh vực xuất khẩu hàng may mặc và da giày. Việt Nam còn vướng mắc ở khâu nguyên liệu sản xuất. Với yêu cầu của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, áp dụng nguyên tắc “từ sợi trở đi” thì Việt Nam khó có thể đáp ứng được do ngành may mặc và da giày của Việt Nam bị lệ thuộc hoàn toàn vào nguyên liệu nhập khẩu, mà chủ yếu từ Trung Quốc lại là nước không tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương. Tuy nhiên, theo cam kết cuối cùng của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương, “cơ chế nguồn cung thiếu hụt” cũng cho phép việc sử dụng một Số loại sợi và vải nhất định không có sẵn trong khu vực nên đây cũng là một trong những thuận lợi cho ngành dệt may Việt Nam cơ cấu lại nguồn nguyên liệu. Năm 2014, nhập khẩu nguyên liệu cho ngành may mặc và da giày của Việt Nam là 4,69 tỷ USD, trong đó nhập khẩu từ Trung Quốc 32,9%; Hàn Quốc 16,97%; EU 5,8%. Tuy nhiên, 3 đối tác trong Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương tương lai là Nhật Bản, Mỹ và Australia chỉ chiếm tỷ lệ rất khiêm tốn, tương ứng là 4,76%; 5,59% và 0,87%. Nếu tình trạng này không được cải thiện, hàng xuất khẩu của Việt Nam vào các đối tác Hiệp định Đối tác xuyên

Thái Bình Dương sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan 0%, trước hết là hàng may mặc và da giày. Điều này sẽ rất bất lợi cho Việt Nam.

Cần những cải cách mạnh

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ tạo xung lực tích cực để Việt Nam phát triển kinh tế đối ngoại mạnh mẽ hơn cả bề rộng và bề sâu, đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội phát triển mạnh hơn nữa các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, như: dệt may, da giày, thủy sản, đồ gỗ và hàng điện tử, điện thoại... với hàng chục triệu lao động. Đồng thời, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương sẽ giúp các doanh nghiệp thêm cơ hội được đối xử công bằng, cạnh tranh bình đẳng và tự do đầu tư kinh doanh, nhập khẩu công nghệ thích hợp; dịch chuyển lao động tham gia các hoạt động khác trên thị trường 12 nước thành viên Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương theo khuôn khổ các cam kết... Tuy nhiên, thách thức cũng nhiều hơn về môi trường và sở hữu trí tuệ, áp lực cạnh tranh ngay trên sân nhà và trong chính những ngành mà Việt Nam vốn có truyền thống lâu đời như chăn nuôi và trồng trọt nông sản. Ngoài ra áp lực bất ổn kinh tế - tài chính vĩ mô và vi mô, cũng như áp lực việc làm và bảo đảm an sinh xã hội trong nước có thể gia tăng...

(Xem tiếp trang 28)

ng A-bra-ham Lin-côn (Abraham-Lincoln) đảm nhiệm chức vụ Tổng thống thứ 16 của nước Mỹ. Ông chỉ tại vị trong thời gian chưa hết một nhiệm kỳ (1861-1865) rồi bị ám sát. Tuy vậy, ông vẫn được dân chúng Mỹ tôn vinh ông là Tổng thống lập quốc, một chức vụ thường dành cho những vị sáng lập chế độ mới. Điều này không phải là không có lý do.

Nước Mỹ giành được độc lập từ tay Vương quốc Anh và tuyên bố độc lập từ năm 1776. Nhưng đến năm 1861 lại xảy ra nội chiến giữa hai miền Nam - Bắc Mỹ.

Phe miền Nam, được gọi là Liên minh (Confederate), gồm 13 bang miền Nam, do các đại diện chủ lãnh đạo, chủ trương ly khai và bảo lưu chế độ nô lệ. Phe miền Bắc, được gọi là Liên hiệp (Union), gồm 25 bang, chủ trương bãi bỏ chế độ nô lệ. Cuộc nội chiến kéo dài trong 4 năm (1861-1865) cướp đi 700 ngàn sinh mạng của cả hai bên. Số người bị thương, mất tích trên một triệu người. Nhiều trang trại, nhà máy, công trình giao thông bị phá hủy. Bị kịch không chỉ ở chỗ thiệt hại nặng nề về vật chất. Điều làm cho các thế hệ người Mỹ cảm nhận đau đớn hơn nhiều là Tổ tiên họ đã gây ra cảnh nổi da nẫu thịt. Cách đây 87 năm, họ là những người đã cùng nhau vào sinh ra tử, cùng chiến đấu để giành độc lập từ tay Vương quốc Anh, nay họ trở thành kẻ thâm thù của



Luật sư LÊ DỨC TIẾT

nhau. Phụ nữ bị hiếp, trẻ em bị giết, súc vật bị cướp, bị tàn sát, thành phố, làng mạc bị san phẳng...Tội ác ngày thêm chồng chất, hầu như không có cơ may nào để gạt rửa, xóa bỏ.

Ông A-bra-ham Lin-côn đảm nhiệm chức vụ Tổng thống trong tình trạng hận thù nội bộ dấy nước chát chứa cao như núi. Nhưng trong bối cảnh rối như tơ vò ấy, ông A-bra-ham Lin-côn đã dắt dẫn nước Mỹ thoát ra khỏi khủng hoảng một cách thần kỳ và để lại cho hậu thế nhiều bài học quý giá.

Kể từ lúc dẫn thân vào con đường hoạt động chính trị, ông A-bra-ham Lin-côn luôn kiên trì theo đuổi và hiện thực hóa

quyền con người mà Tuyên ngôn Độc lập nước Mỹ đã tuyên bố vào năm 1776, nhưng mãi 87 năm sau nước Mỹ vẫn chưa có chính sách, luật pháp cụ thể để thực thi vào cuộc sống. Để thực thi các quyền cơ bản của con người, bao gồm quyền sống, quyền tự do và quyền sở hữu, Tổng thống A-bra-ham Lin-côn chủ trương trước hết là phải bãi bỏ chế độ nô lệ. Việc bãi bỏ chế độ nô lệ vấp phải sự cản trở quyết liệt không những của những đại diện chủ miền Nam mà cả một số chính khách, nghị sĩ của Đảng cầm quyền miền Bắc. Về Nhà nước, ông là người đầu tiên trong lịch sử nhà nước và pháp

quyền khởi xướng việc thành lập Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Ngày 19-11-1863, trong dịp khánh thành việc xây dựng nghĩa địa chôn cất các binh sĩ của hai bên đã ngã xuống tại chiến trường đẫm máu Ghét-ty sbóc, ông đã đọc một bài diễn văn nổi tiếng với nội dung thông điệp một cách ngắn gọn đường lối của ông như sau:

“Tám mươi bảy năm trước, ông cha ta đã tạo dựng nên trên lục địa này một quốc gia mới, quốc gia được thai nghén trong Tự do, được công hiến cho niềm tin rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng¹.

Ngày nay, chúng ta đang tiến hành một cuộc nội chiến vĩ đại nhằm thử thách quốc gia này, hoặc bất kỳ quốc gia nào khác, xem có đủ quyết tâm theo đuổi lý tưởng mà đất nước ấy đã được thai nghén và công hiến không. Chúng ta gặp nhau Ở đây, trên bãi chiến trường này. Chúng ta đến đây để công hiến một phần của mảnh đất, nơi yên nghỉ cuối cùng của những người đã hiến dâng mạng sống mình để Tổ quốc được sống. Đó là điều chúng ta cần phải làm.

Song, trong một ý nghĩa lớn lao hơn, chúng ta không thể công hiến, cũng không thể thánh hóa mảnh đất này. Những con người dũng cảm, đang sống hay đã chết, là những người từng chiến đấu Ở đây, đã công hiến nó. Họ đã

làm điều mà những con người yếu đuối như chúng ta không thể làm gì thêm hơn nữa. Thế giới sẽ không quan tâm, cũng chẳng nhớ đến những gì chúng ta đang nói Ở đây, nhưng thế giới sẽ không bao giờ quên những gì họ đã làm tại đây.

Ấy là cho chúng ta, những người còn sống, cần cống hiến mình cho chính nghĩa vẫn chưa hoàn tất, mà những người từng chiến đấu Ở đây đã cống hiến đời mình để sự thành công của chính nghĩa ấy mau đến.

Ấy là cho chúng ta, những người đang hiện diện Ở đây, tiếp nhận trọng trách đang đặt trước mặt chúng ta - chúng ta tiếp nhận từ những người đã khuất hiện đang được vinh danh lòng tận tụy với chính nghĩa mà họ đã cống hiến bằng chính sinh mạng mình. Ngay tại đây, chúng ta quyết tâm không để họ chết vô ích. Đất nước này, dưới sự che chở của Chúa, sẽ sản sinh một nền tự do mới - một chính quyền của dân, do dân, vì dân sẽ không lụi tàn khỏi mặt đất”.

Bài diễn văn vắn vắn có 272 từ tiếng Anh, được ông đọc trong 2 phút. Nhưng nó đã gây ra sự xúc động với sức lan tỏa ngoài sức tưởng tượng của những người đương thời. Bài diễn văn được viết nên từ một trái tim nóng hổi phụng Sự cho quyền con người, cho Sự nghiệp xây dựng một chính quyền của dân, do dân và vì dân. ông

khẳng định rằng chính quyền của dân, do dân và vì dân sẽ không lụi tàn khỏi mặt đất. Quan điểm xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân như ngọn đèn pha tỏa sáng giữa trời đêm mịt mù, lần đầu tiên được ông thắp sáng lên để chỉ đường cho nhân loại tiến bộ hướng tới. Thông điệp được lan nhanh như làn sóng điện, được truyền đi từ con tim này sang con tim khác. Nó như những đợt sóng trào của biển cả bao la liên tục vỗ mãi vào bờ để thức tỉnh lương tri nhân loại. Bài diễn văn đã được khắc trên bảng đồng và dựng tại thủ đô nước Mỹ. Chính quyền Mỹ đã dùng bài diễn văn trên đây của ông làm bài học vỡ lòng cho các thế hệ con cháu người Mỹ.

Về kinh tế ông chủ trương đưa nước Mỹ phát triển theo con đường công nghiệp hóa đất nước bằng cách xây dựng, phát triển các khu trung tâm công nghiệp. Ông chủ trương phát triển mạnh cơ sở hạ tầng, đặc biệt là phát triển ngành đường sắt, ngân hàng, tài chính. Chính A-bra-ham Lin-côn là người đặt nền móng cho đường lối công nghiệp hóa để phát triển đất nước thay cho chủ trương duy trì nền nông nghiệp điền trang lỗi thời bằng cách bóc lột sức lao động chân tay của đông đảo nô lệ da đen của những đại điền chủ miền Nam.

về quân Sự, ông A-bra-ham Lin-côn chủ trương xây dựng và

phát triển mạnh hạm đội sông, biển, phát triển pháo binh và dựa vào hệ thống giao thông đường sắt, đường sông, đường biển để cơ động quân đội. Việc hiện đại hóa quân đội Mỹ dựa trên chính sách công nghiệp hóa. Nền công nghiệp miền Bắc đã cung cấp cho quân đội súng đạn, lương thực một cách dồi dào. Quân đội miền Bắc làm chủ trận địa nhờ sức cơ động linh hoạt của hạm đội trên sông, biển và hệ thống đường sắt trên bộ. Kinh nghiệm chiến đấu trong cuộc nội chiến Mỹ (1861-1865) đã được các nước châu Âu vận dụng và thực hiện trong chiến tranh thế giới lần I (1914-1918) Chính A-bra-ham Lin-côn là người đã đặt nền móng cho việc hiện đại hóa quân đội. Ông là cha đẻ của Hải quân hùng mạnh của nước Mỹ sau này.

Càng đánh, phe miền Nam càng bị yếu thế vì bị bao vây và lâm vào cảnh thiếu lương thực vũ khí, tinh thần chiến đấu sa sút. Thất bại của phe miền Nam đã được báo trước. Nhưng Tổng thống A-bra-ham Lin-côn chủ trương kết thúc cuộc nội chiến với tinh thần hòa giải, ông chủ trương kết thúc nội chiến bằng cách để cho binh sĩ miền Nam được tự do và tạo mọi điều kiện để họ được dễ dàng trở về nhà an toàn, ông không đòi hỏi có sự thay đổi về chính trị đối với miền Nam.

A-bra-ham Lin-côn bị một kẻ cựa đoan thuộc phe miền

Nam ám sát. ông là vị Tổng thống đầu tiên của nước Mỹ bị ám sát.

Ngày 11-4-1865, sau 4 ngày khi Tổng thống A-bra-ham Lin-côn bị giết, Tướng Rô-bớt E.Lee - Tổng chỉ huy quân đội miền Nam đích thân đến đại bản doanh quân miền Bắc đầu hàng. Tướng U-lit-xê Gơ-rant, Tổng chỉ huy quân đội miền Bắc tiếp đón Rô-bớt E.Lee, tướng bại trận, như tiếp đón người bạn. Tướng U-lit-xê-Gơ-rant, Tổng chỉ huy quân đội miền Bắc², ra lệnh lập đội danh dự với đội kèn đồng đón chào đại diện của bên đầu hàng. Những nhân chứng đương thời kể lại rằng, khi tướng Rô-bớt E.Lee để nghị bàn thảo các điều kiện đầu hàng, Tướng U-lit-xê Grant ngồi ngay xuống cạnh bàn và viết: "Tất cả vũ khí và những gì thuộc về công khổ đều giao nộp lại cho quân đội Liên bang. Mọi sĩ quan, binh lính miền Nam được giữ lại tài sản riêng. Họ được tự do trở về nhà. Quân đội miền Bắc sẽ cấp đủ lương thực cho 25000 binh sĩ quân đội miền Nam đang thiếu đói". Viết xong, tướng Grant giao cho tướng Rô-bớt E.Lee xem và hỏi có thêm bớt gì không. Xem xong, Tướng Rô-bớt E.Lee để nghị cho phép binh sĩ miền Nam được đem về nhà lửa, ngựa và vũ khí riêng của họ khi gia nhập quân đội. Tướng Grant không chút ngần ngại, đồng ý ngay và nói thêm rằng ông rất hiểu và thông cảm

rằng lửa, ngựa rất cần cho các sĩ quan binh lính miền Nam khi rời chiến địa để trở lại cuộc sống đời thường của người chủ trang trại.

Đây là văn kiện đầu hàng ngắn nhất trong lịch sử các cuộc chiến tranh với nội dung là chấm dứt hành động đối địch về quân Sự mà không hề có các điều khoản về chính trị, kinh tế và các điều kiện khác để ràng buộc bên chiến bại.

Nội chiến chấm dứt. Không có người bị buộc tội, bị xét xử. Không có trại cải tạo tập trung. Ai về nhà người ấy. Nghĩa trang bên nào bên đó tự lo lấy. Tất cả cùng xây dựng lại quê hương. Nội chiến kết thúc vào tháng 4-1865; thì vào tháng 5-1865, hai bên Bắc - Nam, mỗi bên cử 1.500 quân tiến hành diễu binh chung tại thủ đô Oa-sinh-tơn. Quân mỗi bên vẫn mặc sắc phục riêng, với những lá cờ hiệu riêng khi tham gia diễu hành. Quân hai bên Bắc - Nam cùng nhau rầm rập diễu hành theo tiếng kèn, tiếng trống trận. Họ bước đi, đầu ngẩng cao, diễu qua trước lễ đài. Tổng thống và các vị lãnh đạo chính phủ mới vẫy chào tất cả họ. Cuộc diễu binh diễn ra trong hai ngày, qua nhiều đường phố của thủ đô.

Nhân dân cả nước Mỹ cảm nhận được rằng, họ đã giành được chiến thắng lớn hơn mọi chiến thắng. Đó là thắng lợi của lòng tin, của việc xóa bỏ hận thù. Câu hỏi ai thắng ai không được đặt ra. Đó là thắng

lợi to lớn nhất không những của những thế hệ người Mỹ đương thời mà còn là Sự đảm bảo tương lai cho các thế hệ người Mỹ tiếp nối về sau. Đến năm 1900, tức là hơn 35 năm sau cuộc nội chiến, các tử sĩ miền Nam được cải táng đưa vào một khu đặc biệt trong nghĩa trang Ác-linh-tơn (Arlington). Tổng cộng gần 500 mộ phần quây tròn chung quanh một tượng đài cao đẹp. Trên đỉnh của chân bệ hình vòng cung, như nóc Tòa nhà Quốc hội, có tượng người thiếu phụ cao 6 mét, tượng trưng cho bà mẹ, người có con trai chết trong nội chiến. Cho đến ngày nay, hàng năm có hàng chục vạn người khắp nước Mỹ đến viếng nghĩa trang Ác-linh-tơn. Chẳng dễ gì đối với hàng triệu người Mỹ trút bỏ được hận thù khi những người thân của họ đã ngã xuống trong các cuộc bắn giết lẫn nhau tại chiến trường. Sau nội chiến, dù vị đắng cay giữa Nam - Bắc của nước Mỹ vẫn gặm nhấm con tim của họ. Mỹ là quốc gia gồm nhiều chủng tộc, sắc tộc, tín ngưỡng, là dân của nhiều quốc gia trên thế giới di cư đến. Thế mà nước Mỹ đã xóa bỏ được hận thù gây ra trong cuộc nội chiến. Nước Mỹ ngày nay được tôn vinh là cường quốc Số 1 của thế giới. Trong nhiều nhân tố tạo nên nước Mỹ hùng mạnh, không nghi ngờ gì nữa, có cả nhân tố hòa hợp, hòa hiếu, hòa giải dân tộc. Trong lịch sử các cuộc chiến tranh trên thế giới chưa từng có trường hợp nào

bên bại trận lại được đối xử một cách rộng lượng như vậy.

Người đương thời ca tụng cách hóa giải hận thù dân tộc của A-bra-ham Lin-côn. Nhưng vào thế kỷ thứ XIII, trước A-bra-ham Lin-côn 500 năm, ở Việt Nam, cũng đã có xảy ra trường hợp hóa giải hận thù nội bộ đất nước còn được hậu thế ca tụng và tri ân. Đó là trường hợp của vua Trần Thánh Tông. Sau khi đánh thắng quân Nguyên trở về Thủ đô, các quan dâng lên Vua một hòm trong đựng danh sách và tấu, biểu của nhiều quan lại đã đấu hàng và hợp tác với giặc xâm lược Nguyên Mông. Nhưng vua sai đem đốt hết đi để giữ hòa khí trong dân³. Nhờ vậy mà đất nước trở nên yên bình. Thông qua hành vi của Vua anh minh và rộng lượng, người dân Đại Việt dù thành phần xuất thân có khác nhau, địa vị xã hội cao thấp có khác nhau, Sự cố gắng hiển cho xã hội nhiều ít khác nhau, lối làm sâu đậm khác nhau, nhưng tất cả đều cảm nhận được rằng họ sinh ra từ một bọc trứng, đều có chung Tổ tiên, đều là con cháu của dòng giống Lạc Việt.

*

**

A-bra-ham Lin-côn, thời trẻ, đã từng là thủy thủ chạy tàu trên sông Mit-xi-xi-pi. Có thời gian ông làm thợ chèo gỗ cho các xưởng chèo. Ông tự học và trở thành luật sư nông thôn. Ông được bầu vào cơ quan lập pháp Bang, ông đã hai lần ứng

cử Nghị sĩ Liên bang nhưng thất bại. Năm 1861 ông được Đảng Cộng hòa đề cử ra tranh cử chức vụ Tổng thống Liên bang. Ông trúng cử và làm Tổng thống chưa trọn một nhiệm kỳ thì bị ám sát. Nhưng trong nhân dân Mỹ, không ai gọi ông là Tổng thống vịt què như một Số Tổng thống Mỹ sau này. Trái lại trong thời gian ngắn ngủi, chưa đầy 4 năm tại nhiệm, ông đã lập nên những thành công vang dội. Ông để lại những dấu ấn sâu sắc trong lịch sử nước Mỹ. Ông xứng đáng với danh hiệu “Tổng thống lập quốc” mà nhân dân Mỹ đã tôn vinh ông.

Với nhân dân Mỹ, Tổng thống A-bra-ham Lin-côn là một người như vậy. Quan điểm, tư tưởng Nhà nước của dân, do dân và vì dân và chính sách hòa giải dân tộc của ông là tấm gương sáng đang được nhiều nước nghiên cứu vận dụng.a

1. Câu mở đầu trong Tuyên ngôn Độc lập nước Mỹ năm 1776 viết: “Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai chối cãi, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.
2. Tướng U-li-xê Grant trở thành Tổng thống Hoa Kỳ thứ 18, nhiệm kỳ 1869 - 1877. ông là Tổng thống Mỹ đã tiếp kiến Bùi Viện sứ giả đầu tiên của Việt Nam do vua Tự Đức cử đi sang Mỹ hai lần vào các năm 1873, 1875 với mục đích cầu viện kháng Pháp và lập quan hệ ngoại giao nhưng không thành.
3. Xem ĐVSKTT, quyển V, kỷ nhà Trần, Nxb KHXH, H, 1993, tr 65

HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP GIỮA MẶT TRẬN VỚI HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TRONG THAM GIA XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN

NGUYỄN MINH CƯỜNG

C hất lượng thực thi công việc của chính quyền cơ sở, có sự phụ thuộc tất yếu vào hoạt động phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với Hội đồng nhân dân trong tham gia xây dựng chính quyền cơ sở. Điều 1 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 xác định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Khoản 1, Điều 9 Hiến pháp năm 2013 chỉ rõ: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân;... thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước,...”. Điều này, chỉ rõ nhiệm vụ, nội dung, phương châm hoạt động phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên; đồng thời thể hiện vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam, trong phối hợp với Hội đồng nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính quyền cơ sở. Thực chất, tham gia xây dựng chính quyền, là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; quá trình thực thi quyền hạn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không hoạt động độc lập, mà có sự gắn kết với các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị. Theo quy định của pháp luật, “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhiệm vụ tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân..., thực hiện giám sát và phản biện xã hội; tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước”¹. Như vậy, hoạt động phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với Hội đồng nhân dân trong tham gia xây dựng hệ thống chính quyền cơ sở là nhiệm vụ và là trách nhiệm.

1. Một số hoạt động phối hợp chủ yếu giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Hội đồng nhân dân các cấp trong tham gia xây dựng chính quyền cơ sở

Phối hợp tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại

biểu Hội đồng nhân dân. Hình thức này chỉ được diễn ra một lần, trong nhiệm kỳ đại hội và cách thức thương tiến hành là: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức tiến hành hiệp thương, lựa chọn, giới thiệu những người tham gia ứng cử; tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử; phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức hội nghị cử tri tại nơi CƯ trú, tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa cử tri với những người tham gia ứng cử; tham gia tuyên truyền, vận động cử tri thực hiện pháp luật bầu cử; tham gia giám sát công việc bầu cử.

Phối hợp tổ chức các hoạt động tiếp xúc cử tri. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị tiếp xúc giữa cử tri với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tại Hội nghị.

Tham gia hoạt động giám sát và giám sát hoạt động của các đại biểu dân cử. Chú trọng vào khâu động viên nhân dân thực hiện nghiêm quyền và trách nhiệm giám sát, tham gia hoạt động giám sát với các cơ quan quyền lực Nhà nước và cơ

quan có trách nhiệm liên quan, thông qua hoạt động của mình và các tổ chức thành viên để tổng hợp ý kiến của nhân dân kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực tiếp chỉ đạo, tổ chức hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; tham gia đóng góp ý kiến vào các dự án luật, pháp lệnh và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác; tập hợp ý kiến và kiến nghị của nhân dân để phản ánh với chính quyền cơ sở.

Tham dự các cuộc họp, kỳ họp của Hội đồng nhân dân, các phiên họp của uỷ ban nhân dân cùng cấp khi được mời: Tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, thông báo về hoạt động của Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền; đề xuất kiến nghị với Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân những vấn đề cần thiết. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, trả lời kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc theo đúng quy định pháp luật.

Tham dự kỳ họp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Tại kỳ họp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân các cấp cử đại diện tham dự các cuộc họp của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân dự kỳ họp của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để

thông báo tình hình về kinh tế - xã hội - an ninh - quốc phòng và các nội dung có liên quan ở địa phương. Đồng thời, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc để xem xét, giải quyết.

2. Một số kết quả đạt được

Đối chiếu với những quy định về trách nhiệm có tính pháp lý nêu trên, nhận thấy Mặt trận Tổ quốc với Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, các tổ chức thành viên và ngay cả các đại biểu Quốc hội về cơ bản, sự phối hợp là thực hiện bảo đảm đúng chức năng tham gia xây dựng chính quyền cơ sở. Thông qua cơ chế hoạt động, bằng cách ban hành các Quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan nhà nước (Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội) với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hàng năm đều mở hội nghị liên tịch giữa 4 cơ quan này, để đánh giá kết quả thực hiện phối hợp trong tham gia xây dựng chính quyền của các năm trước; qua đó, rút kinh nghiệm những mặt còn hạn chế, khắc phục và xác định nội dung trọng tâm trong hoạt động phối hợp của những năm tiếp theo. Trong đó, có một số lĩnh vực hoạt động đã thu được kết quả tốt, như: *Hoạt động phối hợp tổ chức tiếp xúc các cử tri:* Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội (trực tiếp với văn

phòng) xây dựng kế hoạch; tổ chức các hội nghị tiếp xúc giữa cử tri với đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri kịp thời chuyển đến cơ quan có liên quan. Trong 2 năm (2012 - 2013), đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đã tổ chức các cuộc tiếp xúc với cử tri theo đúng quy định hướng dẫn (tại 5.421 điểm) kịp thời nắm bắt ý kiến, kiến nghị của mọi tầng lớp nhân dân để có giải đáp kịp thời. Tổ chức tốt nhiều hoạt động tham gia đóng góp ý kiến vào Hiến pháp, các dự án luật theo đề nghị của các đại biểu Quốc hội, Đảng, Nhà nước, Quốc hội. Trong việc tham gia hoạt động giám sát đã thường xuyên phần công các ủy viên thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia vào các cuộc giám sát các đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Trên thực tế, Hội đồng nhân dân các cấp đã tham gia nhiều ý kiến để giúp hoạt động giám sát đạt hiệu quả. Trong những năm qua, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã hướng dẫn chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện tốt việc động viên nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh dân chủ tại các đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn và

tích cực hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, ban Thanh tra nhân dân thực hiện nhiệm vụ giám sát, đấu tố cộng đồng đạt chất lượng. Qua thực tiễn nhận thấy, hoạt động của ban Thanh tra nhân dân là khá hiệu quả; thông qua việc phát hiện và kiến nghị với chính quyền các cấp, cơ quan chức năng để giải quyết, giải tòa nhiều thắc mắc, bức xúc của nhân dân (trong đó có nhiều vụ việc liên quan đến vấn đề khiếu kiện đất đai, kinh tế, trật tự an ninh, văn hóa xã hội và nhiều lĩnh vực khác để tổ chức thu hồi tài sản cho tập thể và cá nhân. Ban Thanh tra nhân dân đã tiến hành tổ chức giám sát cộng đồng được nhiều dự án trên địa bàn cấp xã, mà đối tượng giám sát là cơ quan Cổ thẩm quyền để quyết định đấu tố, các nhà thầu tư vấn, nhà thầu giám sát thi công, nhà thầu xây lắp, nhà thầu cung cấp thiết bị, vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu,... của dự án. Qua công tác giám sát đã kịp thời phát hiện nhiều dự án đã đấu tố chưa đúng quy định và có dự án sai phạm Ở các mức độ khác nhau, từ đó tiến hành tham gia hòa giải, giải quyết các mâu thuẫn tồn tại trong nhân dân. Việc tổng hợp ý kiến của nhân dân và các thành viên của Mặt trận Tổ quốc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện

thường xuyên vào mỗi kỳ họp Quốc hội.

3. Những hạn chế trong hoạt động phối hợp

+ *Hoạt động tiếp xúc với cử tri:* Việc cử đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân các cấp dự các cuộc tiếp xúc với cử tri chưa đầy đủ, dẫn đến tiếp thu, giải trình ý kiến cử tri ngay tại hội nghị đôi khi chưa kịp thời; phương pháp cách thức tiếp xúc cử tri chưa được đổi mới, chủ yếu vẫn chỉ tổ chức vào thời điểm trước và sau mỗi kỳ họp; chưa thực hiện nhiều cuộc tiếp xúc mang tính chuyên đề, theo từng đối tượng cử tri hay từng đại biểu chủ động tiếp xúc; tình trạng “cử tri chuyên nghiệp” vẫn là phổ biến. Vấn đề chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri, theo quy định thì Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chủ trì hội nghị, nhưng trên thực tế thường trực Mặt trận Tổ quốc cấp xã có nơi điều hành yếu, dẫn đến các cuộc tiếp xúc kém hiệu quả; việc ghi chép, tổng hợp ý kiến cử tri là việc khó, thường là rất dài, rất nhiều vấn đề được tổng hợp nếu không phân định được ý kiến cử tri thuộc trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền để chuyển đến cấp đó giải quyết; tình trạng bỏ sót ý kiến cử tri còn khá phổ biến.

+ *Về hoạt động giám sát:* Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa tổ chức được các đoàn

giám sát chuyên đề (do chưa có quy định). Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát hoạt động của đại biểu dân cử là rất khó và không hiệu quả, vì cơ chế giám sát nhiều chỗ còn chưa rõ ràng; việc trách nhiệm của đại biểu hàng năm phải báo cáo kết quả hoạt động của mình trước cử tri hầu như chưa được thực hiện một cách nghiêm túc, nhưng cũng không có cơ chế giám sát.

+ *Tham gia ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Ở địa phương còn nhiều hạn chế:* tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân năm 2004 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 quy định: “Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức có quyền tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân; Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật... cơ quan hữu quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản; căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo, văn bản quy phạm pháp luật,... cơ quan hữu quan phải tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản trong phạm vi, với hình thức thích hợp; cơ quan lấy ý

kiến có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu ý kiến để chỉnh lý dự thảo văn bản”. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 cũng quy định về vấn đề này; quy định là vậy, một bên là được quyền tham gia ý kiến, một bên là phải tổ chức lấy ý kiến, nhưng trên thực tế công tác triển khai, thực hiện còn chưa tốt, thiếu tính đồng bộ, vì thiếu những quy định cụ thể. Thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc các cấp cũng đã tổ chức một số hội nghị để tham gia ý kiến, nhưng mức độ tiếp thu còn rất hạn chế.

4. Một số vấn đề đặt ra

Từ thực tiễn nêu trên, để hoạt động phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với Hội đồng nhân dân trong tham gia đóng góp xây dựng chính quyền cơ sở có chất lượng, đạt hiệu quả, cần giải quyết một số vấn đề sau:

Thứ nhất, xây dựng cơ chế trong quá trình hoạt động phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Hội đồng nhân dân các cấp trong tham gia xây dựng chính quyền cơ sở, cần rõ ràng. Dựa trên Luật quy định về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Hiến pháp năm 2013, để ban hành các hướng dẫn, chỉ thị theo hướng xác định rõ trách nhiệm cụ thể, mỗi cơ quan và điều quan trọng là lãnh đạo, người đứng đầu

mỗi cơ quan Nhà nước phải nghiêm túc thực hiện, nhất là bộ phận cán bộ, nhân viên văn phòng giúp việc phải chủ động đề xuất, nhắc nhở và đôn đốc thực hiện.

Thứ hai, cấp ủy, lãnh đạo mỗi cơ quan nhà nước các cấp nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và tạo điều kiện, phối hợp để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, như vậy mới nâng cao hiệu quả mọi hoạt động phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên nói chung và Hội đồng nhân dân nói riêng trong tham gia xây dựng chính quyền cơ sở đạt mục đích xác định.

Thứ ba, Bộ Chính trị ban hành Quyết định Số 217-QĐ/TW, ngày 12-12-2013 về ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TVV, ngày 12-12-2013 về ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, rất cần cấp ủy, chính quyền các cấp phải có Sự phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện tốt các văn bản trên.

Thứ tư, từng bước tiến hành xây dựng pháp lệnh, luật về giám sát và phản biện xã hội

của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Luật tiếp thu ý kiến của nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội, tạo hành lang pháp lý đầy đủ để thực hiện quyền và trách nhiệm của các tổ chức thành viên, phát huy sức mạnh, trí tuệ của nhân dân trong tham gia ý kiến đóng góp đối với mọi hoạt động, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Xây dựng hệ thống chính quyền cơ sở là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó có vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Vì vậy, thực hiện có chất lượng hoạt động phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Hội đồng nhân dân trong tham gia xây dựng chính quyền cơ sở, là nhân tố quan trọng quyết định đến hiệu quả hoạt động của hệ thống chính quyền cơ sở, giúp cho bộ máy hành chính Nhà nước hoạt động theo đúng quy định luật pháp. Trong tình hình hiện nay, thực hiện tốt vấn đề trên là đã thực hiện tốt tham gia kiểm soát chặt chẽ quyền lực của nhân dân, góp phần nâng cao dân chủ, tạo đồng thuận xã hội để phục vụ cho Sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế - quốc tế.a

1. Điều 3 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.

Sắc lệnh số 102/SL/004, ngày 20-5-1957 được Chủ tịch HỒ Chí Minh ký ban hành Luật Quy định về quyền lập hội và luật này vẫn còn hiệu lực cho đến ngày nay. Ngày 30-7-2003, Chính phủ ban hành Nghị định Số 88/2003/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội ghi nhận quyền lập hội của công dân. Điều 25 Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định quyền lập hội là một quyền của công dân: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”.

Tính đến tháng 12-2014, cả nước có khoảng 52.565 hội (483 hội hoạt động trên phạm vi cả nước và 52.082 hội hoạt động phạm vi địa phương); trong đó, 8.792 hội có tính chất đặc thù. Điều đó phản ánh nhu cầu hoạt động hội, đoàn của người dân là rất lớn cũng như điều kiện hoạt động của hội, đoàn ở Việt Nam. Về cơ bản, mô hình tổ chức và hoạt động của các hội là phù hợp với quy mô, tính chất, vai trò của từng hội. Nhiều hội đã phát huy tốt vai trò tập hợp, đoàn kết hội viên, có đóng góp tích cực vào việc bảo vệ, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên. Tuy nhiên, so với quy định của Hiến pháp cũng như quá trình hội nhập quốc tế, luật pháp về hội, công tác quản lý nhà nước về

DỰ ÁN LUẬT VỀ HỘI:

Êi i i i Ê t Ê m i i t c i i P Ê

PHAN ĐĂNG TRƯỜNG

LTS: Dự án Luật về Hội đã được Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 sau một thời gian nghiên cứu, chuẩn bị. Dự luật được soạn thảo theo tinh thần Hiến pháp 2013 về tôn trọng và phát huy quyền con người, quyền công dân, thể chế' hóa quan điểm của Đảng, Nhà nước về bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập Hội theo quy định của pháp luật; giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật về hội, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với Hội...

hội và tình hình tổ chức, hoạt động của hội còn có những bất cập. Do đó, việc xây dựng Luật về Hội để thể chế hóa kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp, bảo đảm thực hiện quyền lập hội của công dân và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với hội là cần thiết.

Thực tế Dự án Luật về Hội từng được chuẩn bị cách đây 10 năm, sau đó do một số lý do khách quan, dự luật được lùi lại cho đến nay mới lại được đưa vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội (khóa XIII). Dự thảo Luật về Hội gồm 8 chương, 38 điều do Bộ Nội vụ chủ trì soạn thảo đã trình Quốc hội cho ý kiến, song song với quá trình đó, bản dự thảo cũng được công bố trên internet để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá

nhân. Phát biểu tại phiên họp thứ 41, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Nghiêm Vũ Khải, Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam cho rằng, quyền lập hội phải được tôn trọng và bảo vệ song các hội lớn nhỏ đều phải quản lý để có thể xử lý mặt tiêu cực. Theo ông, hội ở Việt Nam khả năng hành chính hóa rất cao, chưa phát huy dân chủ và dễ bị lợi dụng gây hại tới an ninh. Do đó, phải nghiên cứu phát huy dân chủ song phải quản lý để tránh tiêu cực, tránh bị lợi dụng và giảm xu thế hành chính hóa trong hoạt động của hội.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập hội

Theo dự luật, hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc: Tự

nguyên, tự quản; tự trang trải về kinh phí; dân chủ, bình đẳng, minh bạch; không vì mục đích lợi nhuận; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội. Như vậy, dự thảo luật thể hiện quan điểm Nhà nước bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền lập hội, đồng thời hoàn thiện hệ thống pháp luật về hội, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với hội. Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách nhằm phát huy vai trò của hội trong Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện cấp, khoán và hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước tuồng ứng với nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao cho Hội.

Khoản 2 Điều 1 của dự thảo Luật về Hội quy định: “Luật này không áp dụng với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam”. Nhiều ý kiến tán thành điều này và cho rằng đây là các tổ chức chính trị - xã hội có vị trí, vai trò đặc biệt, được giao thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng và được Đảng bố trí các cán bộ chủ chốt trong ban lãnh đạo, được Nhà nước bảo đảm ngân sách hoạt động, cơ sở vật chất, có cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ, công chức. Nếu xác định vị trí, vai trò của các tổ chức này là các hội thuần túy mang tính chất xã hội tự quản và chịu Sự điều chỉnh

của Luật về Hội là chưa phản ánh đúng bản chất và thực tế sự phát triển lịch sử của hệ thống chính trị Ở nước ta. Hơn nữa, một Số tổ chức chính trị - xã hội đã được điều chỉnh bằng luật, pháp lệnh riêng như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn. Pháp lệnh Cựu chiến binh... nên không cần thiết đưa vào luật này.

Cho ý kiến tại phiên họp thứ 42 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhiều đại biểu nhấn mạnh, một mặt phải bảo đảm cho công dân thực hiện quyền lập hội của mình; mặt khác, cần đảm bảo tính phòng ngừa, không để các thế lực thù địch, các tổ chức phản động lợi dụng để hình thành các tổ chức đối lập chống phá Đảng và Nhà nước, xâm hại đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Về đối tượng điều chỉnh, một số ý kiến đề nghị bổ sung đối tượng điều chỉnh của Luật về Hội bao gồm cả cá nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam. Trên thực tế, đã có nhiều hiệp hội được thành lập theo tinh thần Nghị định số 08/1998/NĐ-CP, ngày 22-1-1998 của Chính phủ về quy chế thành lập hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam. Qua thông tin đánh giá của Bộ Nội vụ thì các hiệp hội này hoạt động đúng pháp luật, phát huy tác dụng tốt. Vì vậy, trong báo cáo thẩm tra của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội cho biết, nhiều đại biểu tán thành việc cho phép người nước

ngoài và người không quốc tịch đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam được tham gia hội trong một số trường hợp cụ thể. Báo cáo thẩm tra cũng nhấn mạnh, vấn đề này cần được quy định ngay trong luật, mà không giao Chính phủ quy định. Việc giới hạn lại trong luật đối với cá nhân, tổ chức Việt Nam là phù hợp, đảm bảo một luật có đối tượng, phạm vi điều chỉnh không quá rộng sẽ dẫn đến không đảm bảo chặt chẽ về quy định pháp lý. Hội có yếu tố nước ngoài nên sớm có luật hoặc pháp lệnh quy định riêng nội dung này. Phải làm rõ người nước ngoài tham gia hội của công dân Việt Nam, hay chỉ tham gia hội của người nước ngoài được thành lập tại Việt Nam, hoặc hội được thành lập Ở nước ngoài và được phép hoạt động tại Việt Nam.

Chính phủ cũng xin ý kiến Quốc hội về tư cách pháp nhân của hội. Phương án 1: Dự thảo luật không áp dụng đối với các hội không có tư cách pháp nhân nhưng cần có quy định nguyên tắc để đảm bảo quyền lập hội của công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Phương án 2: Dự thảo luật áp dụng đối với các hội không có tư cách pháp nhân. Chính phủ đề nghị thực hiện theo Phương án 1: tại Khoản 2 Điều 2 của dự thảo quy định hội bao gồm hội có tư cách pháp nhân và hội không có tư cách pháp nhân. Quy định như vậy là phù hợp xu thế hiện nay, phát huy được

quyền lập hội một cách đầy đủ hơn với các tổ chức có tư cách pháp nhân và cả không có tư cách pháp nhân.

Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội Phan Trung Lý, cơ quan thẩm tra dự án Luật về Hội cho biết, đây là những biểu hiện tích cực của quá trình dân chủ hóa xã hội vai trò làm chủ của nhân dân được thể hiện trực tiếp trong tiến trình phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, nhưng pháp luật về lĩnh vực này chưa đầy đủ, thực tế còn nhiều hạn chế, bất cập. Vì vậy, Ủy ban đồng tình với việc cần thiết phải ban hành Luật về Hội. Cần quy định rõ hội nào được công nhận, hội nào cho lập và hội nào lập tự do hoạt động theo tinh thần Hiến pháp. “Còn luật ra chỉ để quản lý hạn chế thì còn đâu để người ta tự do lập hội”, Chủ tịch Quốc hội

Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách nhằm phát huy vai trò, vị trí của hội trong Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao tính tự nguyện, tự chủ, tự quản của hội, tạo điều kiện để hội hoạt động đúng hướng, có hiệu quả, góp phần phát triển đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Lấy lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc là cơ sở cho việc hoạch định chính sách pháp luật, đó là phương châm xuyên suốt đối với việc xây dựng luật pháp, với mọi đạo luật chứ không riêng gì dự án Luật về Hội.

Nguyễn Sinh Hùng chất vấn Ban soạn thảo.

Cần trọng trước những quan điểm lệch lạc

Liên quan việc góp ý dự án hiện trên mạng xã hội và một số diễn đàn đang xuất hiện khuynh hướng cổ súy cho quan điểm tiêu cực. Tất nhiên, một dự luật khi đưa ra lấy ý kiến thì việc có những ý kiến khác nhau là điều bình thường. Ngay cả những điều khoản quy định trong dự luật, từ nội dung đến hình thức, tên gọi cũng có những vấn đề phải làm rõ, phải được xem xét kỹ trước khi quyết định phương án tối Lili. Do đó, người dân, cơ quan, tổ chức có quyền góp ý kiến, nêu quan điểm về phương án theo chủ ý của mình, trình bày những vấn đề theo cách lập luận của mỗi người. Tuy nhiên, việc góp ý, kiến nghị dù theo hình thức, phương án nào cũng phải tuân thủ những quan điểm, nguyên tắc trong xây dựng luật. Thế nhưng, nhìn lại nhiều hình thức “góp ý”, “kiến nghị” về dự luật này cho thấy những động cơ sai lệch vì các mục đích không tích cực. Với khẩu hiệu “tự do lập hội”, những ý kiến đi theo khuynh hướng này cho rằng, việc lập hội là quyền của mọi người, không phải xin phép ai, đăng ký với cơ quan nào và cũng không phải tuân theo quy trình, quy định nào cả. Tức là hội theo kiểu tự do, thích làm gì thì làm, không có luật pháp. Từ việc tuyên truyền khuynh hướng “tự do, phóng túng” như vậy,

một số quan điểm sớm quy chụp kiểu như “dự luật lạc hậu hơn cả 10 năm trước”, “luật bóp hội”, “siết hội”... từ đó cổ súy việc bài trừ dự luật.

Chưa cần phân tích gì nhiều, nếu hiểu theo nghĩa, trên đầu là trời, là vũ trụ để đưa quyền lập hội, hoạt động hội tự do theo kiểu “thích làm gì thì làm” thì đâu riêng gì Việt Nam mà cả thế giới còn đề cập đến Luật về Hội làm gì. Quy phạm nào đưa vào sự điều chỉnh của luật, nghĩa là nó phải tuân theo khuôn khổ nhất định và khuôn khổ đó do Nhà nước sở tại quy định trên cơ sở phù hợp các văn bản pháp lý quốc tế. Trong khi đó, ngay Công ước quốc tế về các quyền dân Sự và chính trị (ICCPR) một mặt khẳng định quyền tự do hội họp hòa bình, quyền tự do lập hội, tham gia hội nhưng một mặt vẫn khẳng định quyền này có thể bị hạn chế do pháp luật quy định và những hạn chế này là cần thiết. Quyền tự do hội họp hòa bình và lập hội cũng đã được đề cập trong các phán quyết của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp Quốc (HRC). Ngày 30-9-2010, Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc cũng ban hành Nghị quyết số 15/21 về hai quyền này. Đọc kỹ những nội dung này thì thấy, quyền tự do hội họp hòa bình và lập hội không phải là các quyền tuyệt đối. Nghị quyết 15/21 tái xác định lại Điều 21 và 22 ICCPR, khẳng định rõ, các quyền này có thể “phải chịu những giới hạn được luật quy định và là cần

(Xem tiếp trang 73)

DỰ ÁN LUẬT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH: CÒ CHUYỂN SANG ĐƯỢC NỀN HÀNH CHÍNH PHỤC VỤ

VŨ HẢI

LTS: Ban hành quyết định hành chính là một trong những phương thức quan trọng trong quản lý hành chính Nhà nước, là hoạt động cơ bản của nền hành chính, biểu hiện của thực thi quyền hành pháp trong Nhà nước pháp quyền, với dự án Luật Ban hành quyết định hành chính đang được Quốc hội Khóa XIII thảo luận, người dân rất kỳ vọng sẽ tạo ra được luồng gió mới về một nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, chuyển từ nền hành chính can thiệp sang nền hành chính phục vụ dân.

Thiếu vắng một văn bản Ở tấm luật về ban hành quyết định hành chính

Trong hệ thống chính trị và quy trình ban hành các văn bản luật của nước ta phải dựa trên nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý. Luật cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và nguồn luật cao nhất là Hiến pháp để quản lý và điều tiết các quan hệ xã hội. Quốc hội là cơ quan ban hành luật; Chính phủ là cơ quan thực thi pháp luật và là cơ quan điều hành. Tuy nhiên, trong suốt thời gian qua, do đa số các văn bản luật được ban hành đều là luật khung, khi hiệu lực của luật đã có mà khó triển khai, nên đi kèm đó phải chờ các văn bản dưới luật là nghị định, quyết định, thông tư hướng dẫn mới cụ thể hóa văn bản luật vào thực tiễn. Điều này đã dẫn đến tình trạng lạm phát các quyết

định hành chính về quản lý Nhà nước. Ở cấp Chính phủ, Thủ tướng ban hành các quyết định để điều hành đã đành; Ở cấp bộ, cấp ngành, tỉnh, thành, sở ngành, quận, huyện, xã, phường đều có quyền ban hành các quy định pháp luật riêng.

Điều đáng nói là trong hệ thống các quy phạm văn bản dưới luật đa số là các văn bản hành chính mang tính quản lý hành chính, mà ít loại văn bản thể hiện nền hành chính phục vụ nhân dân. Hà Nội là một ví dụ: Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ công bố tại Hội thảo về dự án Ban hành quyết định hành chính trong khoảng thời gian 4 năm từ năm 2010 - 2013, mỗi năm trung bình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành khoảng 6.500 quyết định hành chính, riêng năm 2013 ban hành hơn 7.000 quyết định hành chính. Nếu chia con số

này một cách tương đối cho khoảng 240 ngày làm việc trong năm của công chức, mỗi ngày ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành khoảng 27 quyết định, tương đương gần 3,4 quyết định/giờ làm việc. Tương tự, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội ban hành khoảng 14,6 quyết định/ngày, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành khoảng 16,6 quyết định/ngày. Riêng Sở Nội vụ Hà Nội, trong năm 2012 ban hành 15.367 quyết định, tương đương 65 quyết định/ngày, 8 quyết định/giờ làm việc. Theo thống kê từ năm 2003 đến hết tháng 3-2013, trên tổng số các văn bản đã tiếp nhận, các Bộ, ngành và địa phương đã kiểm tra được 2.353.490 văn bản; trong đó, các Bộ, ngành kiểm tra được 43.262 văn bản, các địa phương kiểm tra được 2.310.228 văn bản. Qua công

tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền, đã phát hiện được 63.277 văn bản có dấu hiệu vi phạm các điều kiện về tính hợp pháp của văn bản quy định tại Điều 3 Nghị định Số 40 về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó có 8.220 văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm tính hợp pháp về nội dung của văn bản, còn lại là các văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm về căn cứ pháp lý; thẩm quyền ban hành; trình tự, thủ tục ban hành; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Tờ trình của Chính phủ cho rằng, việc ban hành quyết định hành chính là hoạt động quan trọng và được thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc ban hành các quyết định hành chính ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, không ít những trường hợp quyết định hành chính được ban hành không đáp ứng yêu cầu thực tiễn, chưa hợp pháp, hợp lý, xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước, xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Một số quyết định hành chính kém chất lượng, hiệu quả chưa cao, thiếu tính khả thi, thậm chí bị khiếu nại, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương và trong phạm vi cả nước. Nhận định chung của cơ quan soạn thảo cho rằng, hoạt động ban hành quyết định hành chính ở nước ta chưa được điều chỉnh đầy đủ, thống nhất trong

phạm vi toàn quốc bởi thiếu vắng một văn bản ở tầm luật nên chưa thể đáp ứng đầy đủ, toàn diện yêu cầu của thực tiễn.

Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định về cơ chế “kiểm soát” quyền lực giữa các cơ quan nhà nước (Điều 2 Hiến pháp). Sự đề cao nguyên tắc kiểm soát quyền lực nhà nước đặt ra yêu cầu phải ban hành các đạo luật để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, đồng thời tạo cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao, trong đó có quyền hạn ban hành các văn bản pháp luật, góp phần thúc đẩy hoạt động của bộ máy nhà nước hiệu lực, hiệu quả.

Vi vậy, rất cần thiết phải có Luật Ban hành quyết định hành chính. Dự thảo Luật Ban hành quyết định hành chính gồm 7 chương, 50 điều.

Phải quyết tâm xây dựng nền hành chính phục vụ dân

Hoạt động ban hành quyết định hành chính là một trong những phương thức quan trọng trong quản lý hành chính nhà nước, là hoạt động cơ bản của nền hành chính, biểu hiện của thực thi quyền hành pháp trong nhà nước pháp quyền, do đó, đòi hỏi phải tuân thủ đúng pháp luật, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân và thực tiễn quản lý nhà nước trong từng giai đoạn cụ thể. Theo đó, phải xây dựng được một nền hành chính

dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, chuyển từ hành chính can thiệp sang phục vụ nhân dân.

Oa số các ý kiến góp ý đều cho rằng, trước hết phải mở rộng đối tượng phạm vi điều chỉnh của Luật. Theo quy định tại dự thảo, Luật này không áp dụng đối với việc ban hành quyết định khiếu nại, tố cáo, xử lý vụ việc cạnh tranh và trong hoạt động tố tụng: quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cơ sở; quyết định hành chính ban hành trong trường hợp khẩn cấp; quyết định hành chính áp dụng chính sách, pháp luật đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của nhà nước trực tiếp của cơ quan, tổ chức. Cơ quan thẩm tra cho rằng, những quyết định trên có tác động trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân và phổ biến mà chưa có văn bản nào quy định cụ thể. Việc dự thảo luật không điều chỉnh các quyết định trên là chưa bảo đảm sự thống nhất cũng như nguyên tắc mọi quyết định hành chính đều phải được ban hành đúng trình tự, thủ tục được quy định tại luật này. Như vậy, về phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Luật là quá hẹp.

Ủy thảo luật quy định cơ quan ban hành quyết định hành chính bao gồm: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các đơn vị được

tổ chức theo ngành dọc, Ủy ban nhân dân các cấp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước.

Như vậy, dự thảo Luật không đề cập đến các chủ thể như Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ... để bảo đảm quy trình thông nhất ban hành quyết định hành chính. Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất, ban hành các quyết định hành chính tác động ra bên ngoài, liên quan đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân, thậm chí còn có tầm ảnh hưởng rộng lớn. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung.

Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Nguyễn Văn Hiến nhấn mạnh, phạm vi điều chỉnh và chủ thể ban hành là vấn đề xương cốt của luật này. Vì thế, cần phải đề cập hết tất cả các cơ quan ban hành quyết định hành chính. Trong phiên thảo luận tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi diễn ra Kỳ họp thứ 10 (Quốc hội khóa _XII) Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng nêu rõ: “Phạm vi điều chỉnh và chủ thể trong Luật phải bao quát hết. Chủ tịch nước bổ nhiệm Bộ trưởng, ra pháp lệnh về công bố luật... Thủ tướng ra văn bản

hành chính để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao.

Mục đích dự án Luật Ban hành quyết định hành chính là nhằm thiết lập trật tự ban hành quyết định hành chính thông qua việc quy định các nguyên tắc cơ bản về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý, khả thi của quyết định hành chính; tính minh bạch, công khai, khách quan của quá trình ban hành quyết định hành chính và tính chuyên nghiệp của nền hành chính hiện đại, qua đó bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Vì vậy, vấn đề tham vấn ý kiến của người dân trước khi ban hành quyết định hành chính là cần thiết. Điều 23 dự thảo Luật quy định: “Trong trường hợp ban hành quyết định hành chính bất lợi cho đối tượng thi hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 14 Luật này, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính phải lấy ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản của đối tượng thi hành quyết định hành chính...”; “Trong trường hợp ban hành quyết định hành chính có liên quan đến lợi ích cộng đồng, căn cứ vào nội dung, phạm vi, mức độ ảnh hưởng của quyết định hành chính, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định hành chính tổ chức lấy ý kiến người dân tại cộng đồng, các chuyên gia, nhà khoa học”

Trên thực tế, việc tham vấn nếu chỉ là hình thức và là việc công khai, minh bạch hóa không xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, không xuất phát từ quyền và lợi ích hợp pháp của dân, cụ thể Ở đây là đối tượng tác động của quyết định hành chính thì những quy định về tham vấn là câu chuyện xa rời thực tế, thể hiện tình trạng “chiếu lệ” đang tồn tại trong nhiều quy định pháp lý của nước ta hiện nay. Vì vậy, để bảo đảm tính dân chủ trong hoạt động của cơ quan Nhà nước thì mọi người dân đều có quyền được biết về các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, chính pháp luật của Nhà nước cần phải xuất phát từ thực tiễn và sự tham gia sớm của người dân vào việc ban hành chính sách pháp luật là một yêu cầu được đặt lên hàng đầu.

Thảo luận về trình tự thủ tục ban hành quyết định hành chính, các đại biểu cho rằng quy định về thủ tục ban hành quyết định hành chính còn bất lợi cho đối tượng thi hành hoặc với người thứ 3 còn chưa rõ ràng, phức tạp và khó áp dụng trong thực tiễn. Vì vậy, dự thảo luật cần cân nhắc bởi hiện nay, số lượng ban hành quyết định hành chính theo loại này rất lớn trong khi đó dự thảo luật lại chưa quy định cụ thể về thời gian giải quyết loại quyết định này là bao lâu để đảm bảo tiến độ giải quyết công việc, nhất là trong điều kiện tổ chức bộ máy tại các cơ quan nhà nước còn hạn chế...Q

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC CÁN BỘ MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

TRẦN THẮNG

Thứ nhất, một số vấn đề chung về công tác cán bộ

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ. Trong suốt cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ và coi cán bộ có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng: “Cán bộ là gốc của mọi công việc”, “Gốc có vững thì cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”, “Muôn việc thành công hay thất bại đều là do cán bộ tốt hay kém”, “Vấn đề cán bộ quyết định mọi việc”.

Người chỉ rõ, cán bộ là dây chuyền của bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân, “là những người đem chính sách của Đảng, Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu và thi hành, đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”. Như vậy, cán bộ có vị trí chủ thể của sự nghiệp cách mạng nước ta do Đảng lãnh đạo. Nhà nước, đoàn thể phân công và quyền lực cũng như nhiệm vụ của người cán bộ là do nhân dân giao cho. Về đạo đức cách

LTS: Cán bộ là nhân tố quyết định Sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Chủ tịch HỒ Chí Minh và Đảng ta đã dày công đào tạo, huấn luyện, xây dựng một đội ngũ cán bộ tận tụy, kiên cường, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ qua các giai đoạn cách mạng. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước, nhiệm vụ rất nặng nề, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ bản lĩnh chính trị, trình độ, kinh nghiệm để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, đáp ứng lòng tin của nhân dân.

mạng: người cán bộ phải thật sự “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”, người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, cán bộ, đảng viên phải dẫn thân, sẵn sàng hy sinh vì lợi ích chung của dân tộc, của nhân dân, người cán bộ phải trau dồi cả đức lẫn tài. Bác coi công tác cán bộ là khâu then chốt trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng.

Về mối quan hệ mật thiết giữa các khâu trong công tác cán bộ: Công tác cán bộ là công tác đối với con người nên rất hệ trọng và nhạy cảm. Giữa các khâu trong công tác cán bộ có mối quan hệ mật thiết với nhau, do đó phải được thực hiện đồng bộ trong tất cả các khâu

của công tác cán bộ; giữa các khâu trong công tác cán bộ, mối quan hệ biện chứng ràng buộc lẫn nhau. Phải xây dựng được tiêu chuẩn cho từng loại cán bộ để có cơ sở đánh giá, quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ để xây dựng đội ngũ cán bộ và sử dụng cán bộ phải được phân công và phân cấp quản lý cán bộ; có quan điểm và phương pháp đánh giá, sử dụng cán bộ một cách khách quan, công tâm. Xử lý tốt mối quan hệ giữa đức và tài, quyền hạn và trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi, tiêu chuẩn và Cơ cấu, năng lực thực tế và bằng cấp.

Để nâng cao chất lượng công tác cán bộ đòi hỏi cần phải tiếp tục nghiên cứu đổi mới tất cả các khâu trong công tác cán bộ, ban hành các quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo chủ trì các tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận TỔ quốc và các đoàn thể. Mỗi cán bộ, công chức cần nắm chắc nguyên tắc, quy chế, quy trình, chế độ làm việc thận trọng, với phong cách nhân văn; không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết về chuyên môn, phẩm chất đạo đức, lối sống thực Sự trong sáng, công tâm, khách quan, dũng cảm bảo vệ chân lý, lẽ phải, dám đấu tranh, không bị cám dỗ bởi vật chất, không bị chi phối bởi tình cảm cá nhân.

Thứ hai, một số chủ trương của Đảng về công tác cán bộ của Mặt trận Tổ quốc

Đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Định hướng đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa X) “Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, định hướng về đổi mới tổ chức bộ máy Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”; Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) của Đảng về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị”.

Đối với công tác cán bộ:

Các cấp ủy; tổ chức Đảng các cấp tiếp tục xây dựng các quy định, quy chế để cụ thể hóa nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ của hệ thống chính trị, có phân công, phân cấp hợp lý, xác định rõ và tôn trọng vai trò, trách nhiệm của tổ chức. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện công tác cán bộ, đây là một trong những trọng tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đồng thời, đổi mới công tác đào tạo cán bộ theo hướng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng vận động, thuyết phục, đối thoại với nhân dân của cán bộ; kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ có năng lực, phẩm chất cho các cơ quan tổ chức làm công tác cán bộ Ở các cấp, các ngành, các địa phương.

Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 20-5-2013 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII đã chỉ rõ những nhiệm vụ đối với cấp ủy và tổ chức Đảng. Nhân sự Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ và cơ cấu thành phần theo quy định của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; coi trọng tính tiêu biểu, tính đại diện và tính thiết thực; kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan Mặt trận các cấp

và đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng và cơ cấu phù hợp. Đồng thời, mở rộng và tạo điều kiện để phát huy đội ngũ cán bộ không chuyên trách, chuyên gia tư vấn, cộng tác viên cho các hoạt động đa dạng, sâu sát các tầng lớp nhân dân của Mặt trận. Các cấp ủy đảng cần phân công các vị trong Ban Thường vụ làm Bí thư Đảng đoàn đối với cấp tỉnh; đối với cấp huyện và cơ sở căn giới thiệu Ủy viên thường vụ để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Kết luận số 62, ngày 8-12-2009 của Bộ chính trị “Về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”. Xác định nhiệm vụ nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của Đảng, chính quyền đối với Mặt trận TỔ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới chính sách, chế độ đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động trong thời kỳ mới.

Thứ ba, công tác cán bộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) ghi rõ: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các

đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong Sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước ... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là Cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân”.

Văn kiện Đại hội XI của Đảng nêu rõ: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tiếp tục tăng cường tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động khắc phục tình trạng hành chính hóa, phát huy vai trò nòng cốt tập hợp, đoàn kết nhân dân xây dựng cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội”.

Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức theo cấp hành chính (Điều 6 Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam): Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương (cấp tỉnh); huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện); xã, phường, thị trấn (cấp xã); Ở mỗi cấp có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; dưới cấp xã có Ban Công tác Mặt trận.

Đội ngũ cán bộ Mặt trận thường xuyên được kiện toàn, tổ chức bộ máy ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp được xem là một trong những nhiệm vụ trung tâm. Kể từ sau Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc các cấp nhiệm kỳ 2014 - 2019 mở rộng việc cơ cấu, thành phần, tăng thêm số lượng Ủy viên, tỷ lệ người ngoài Đảng, người tiêu biểu; cán bộ chuyên trách được nâng cao về trình độ học vấn, chính trị, nghiệp vụ, từng bước được chuẩn hóa, có thêm điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm tính đại diện, tính tiêu biểu, tính thiết thực.

Thứ tư, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục nâng cao chất lượng công tác cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xứng đáng là tổ chức liên minh chính trị, đòi hỏi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải không ngừng củng cố về tổ chức, đổi mới nâng cao chất lượng công tác cán bộ.

Một là, tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới chính sách, chế độ đối với cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức hoạt động trong thời kỳ mới (theo tinh thần Kết luận số 62 của Bộ

Chính trị ngày 8-12-2009), Quy định số 282-QĐ/TW, ngày 1-4-2015 của Ban Bí thư Trung ương, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

Sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ hoạt động chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng tinh gọn. Coi trọng việc kết hợp, phát huy có hiệu quả đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách và cộng tác viên. Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực và kỹ năng vận động nhân dân. Chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ cơ sở, địa bàn dân cư.

Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của Đảng, chính quyền đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, giải quyết đúng đắn mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và vai trò làm chủ của dân thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; các cấp ủy đảng tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Đưa nội dung lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh

thành tiêu chí đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng hàng năm.

Hai là, Xây dựng ily ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có thành phần, số lượng và cơ cấu hợp lý, bảo đảm tính đại diện, tính tiêu biểu, tính thiết thực, thực sự là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện rộng lớn, là hình ảnh tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc Ở mỗi cấp.

Ba là, tiếp tục xây dựng, củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách vững mạnh theo hướng tinh gọn, có cơ cấu phù hợp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nhằm làm tốt chức năng, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết, chương trình hành động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình; xây dựng và củng cố bộ máy và cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ bảo đảm thực hiện chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu về công tác cán bộ trong giai đoạn mới.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chuyên nghiệp, chất lượng, coi trọng tiêu chuẩn cán bộ, chế độ chính sách phù hợp để thu hút cán bộ giỏi, tâm huyết công tác mặt trận. Đổi mới phong cách làm việc của cán bộ Mặt trận theo tư tưởng dân vận của Bác Hồ: “Ôc nghĩ, mắt trông, tai nghe,

chân đi, miệng nói, tay làm” tâm huyết phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong mỗi thời kỳ; thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ.

Thực hiện việc luân chuyển, điều động cán bộ, tạo chuyển biến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; nghiên cứu rà soát, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, đồng thời với tiến hành xây dựng tiêu chuẩn từng vị trí công tác để cơ cấu, sắp xếp đội ngũ cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực, số trường cán bộ. Quan tâm thực hiện chính sách đối với cán bộ.

Chú trọng công tác kiện toàn các chức danh chủ chốt của Mặt trận thực sự tiêu biểu, có tư duy sáng tạo, có khả năng vận động, đoàn kết quy tụ lực lượng phục vụ cho công tác Mặt trận. Quy trình thực hiện bảo đảm theo các quy định của Đảng về phân cấp quản lý cán bộ và mối quan hệ giữa Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc với các cấp ủy cùng cấp. Đề cao vai trò chủ động tham mưu về công tác cán bộ của Mặt trận, cập nhật, nắm chắc các văn bản, quy định của Đảng, Nhà nước về cán bộ để tham mưu thực hiện và giám sát việc thực hiện. Từng bước khắc phục những bất hợp lý trong công tác cán bộ.

Năm là, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội

đồng tử vấn các cấp: Tập trung xây dựng các Hội đồng tư vấn, lực lượng cộng tác viên của Mặt trận các cấp là những người tiêu biểu, có uy tín, có năng lực nhằm thu hút, tập hợp trí tuệ trong xã hội để tham mưu, tư vấn cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện nhiệm vụ đổi mới nội dung và phương thức hoạt động một cách hiệu quả.

Sáu là, tích cực phối hợp với các ngành chức năng để kiện toàn và nâng cao chất lượng, điều kiện hoạt động, nhất là Ban Thường trực ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Thường xuyên củng cố Ban Công tác Mặt trận gắn với bảo đảm kinh phí hỗ trợ hoạt động. Bảo đảm về phụ cấp đối với Trưởng Ban Công tác Mặt trận theo Công văn số 245/BNV-CQĐP, ngày 11-7-2011 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện Nghị định 92/2009-NĐ-CP, ngày 22 10-2009.

Bảy là, tiếp tục tổ chức thực hiện Kết luận 62-KL/TW ngày 8-12-2009 của Bộ Chính trị; thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, sơ kết, tổng kết việc thực hiện để không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) của Đảng gắn với học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.a

NÉT ĐẶC THÙ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN QÃI HƯƠNG CỔ TỔNG BÍ THƯ TRAN PHÚ

NGŨ. TS. NGUYỄN THỊ LAN

Xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh là một trong những đơn vị đầu tiên được công nhận nông thôn mới của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung, ngày 20-3-2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã công nhận Tùng Ảnh là một trong 5 xã của Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới để xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Để có được kết quả đó, ngoài những điểm tương đồng với các địa phương trong quá trình xây dựng nông thôn mới, Tùng Ảnh còn có những Sự khác biệt mà sự khác biệt này đã góp phần rất lớn đưa Tùng Ảnh ngày càng phát triển văn minh, hiện đại.

Cũng giống như trường hợp xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; xã Cẩm Bình (Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh) và nhiều xã đã được công nhận hoàn thành 19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, Sự đồng thuận của nhân dân chính là nguyên nhân đầu tiên đưa đến thành công, ông Phan

Tiến Dũng, Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch uỷ ban nhân dân xã Tùng Ảnh đã nói: “Từ thực tiễn xây dựng nông thôn mới, chúng tôi càng thấm thía lời dạy của Bác: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Muốn xây dựng nông thôn mới phải bắt đầu từ mỗi cá nhân. Từ việc hiến đất cho đến đóng góp công của, nếu không có Sự đồng thuận từ dưới thì chính quyền cũng buộc phải bó tay”.

Sự đồng thuận về chủ trương xây dựng nông thôn mới của nhân dân được người dân cảm nhận, họ chính là người được hưởng lợi đầu tiên trong việc thực hiện mục tiêu này. Bất cứ người dân nào cũng muốn sống trong môi trường làng xóm khang trang, sạch đẹp, cũng muốn đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao, muốn quan hệ xóm làng đầm ấm, gần gũi... Vì thế, từ chỗ ít quan tâm, nhận thức chưa đầy đủ về quan điểm, mục tiêu, tầm quan trọng của xây

dựng nông thôn mới, chưa hăng hái tham gia, dần dần nhân dân đã nhận thức đúng đắn hơn, thấy rõ lợi ích thiết thực của xây dựng nông thôn mới, coi việc xây dựng nông thôn mới là quyền lợi, nghĩa vụ, từ đó tích cực thực hiện. Sự đồng thuận về mặt nhận thức đã tạo cơ sở cho sự đồng thuận về hành động. Nhân dân đã tích cực hưởng ứng từ đóng góp sức người, của cải để xây dựng kết cấu hạ tầng, tìm ra những mô hình sản xuất kinh doanh mới. Đã có nhiều mô hình sản xuất tiêu biểu được hình thành ịao sức lan iỏa, nhân rộng, có ý nghĩa định hướng cho nhân dân tiếp cận với hình thức sản xuất mới, làm thay đổi tập quán sản xuất cũ, thúc đẩy người dân mạnh dạn đầu tư, đổi mới tư duy tổ chức sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình.

Đạt được sự đồng thuận của nhân dân như vậy có nhiều nguyên nhân. *Trước hết phải kể đến vai trò của*

người đứng đầu. Cả hệ thống chính trị đã vào cuộc với sự quyết tâm cao, trong đó để cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, gương mẫu làm trước để mọi cá nhân, tập thể cùng thực hiện. Tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị đều được phân công nhiệm vụ rõ ràng, định kỳ kiểm tra kết quả và đốc thúc hoàn thành kịp tiến độ. Các đoàn thể như hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội nông dân... ngoài việc vận động tuyên truyền đều phải phụ trách một Số xóm, một số công việc cụ thể. Hàng ngày, cán bộ đoàn thể phải sát sao với dân, nắm bắt tâm tư nguyện vọng và mọi diễn biến tư tưởng trong dân để kịp thời giải quyết, không để mâu thuẫn xảy ra.

Với người đứng đầu, nếu chỉ có sự gương mẫu, tinh thần trách nhiệm cao thì chưa đủ mà họ phải thể hiện được trí tuệ trong việc biết lựa chọn công việc để thực hiện, tìm giải pháp để tháo gỡ vướng mắc, cản trở. Các cán bộ chủ chốt Ở Tùng Ảnh đã xác định phương pháp, cách làm của địa phương là phải phát huy dân chủ, coi trọng ý kiến nhân dân, dựa vào nhân dân. Lãnh đạo xã đưa ra chủ trương định hướng để nhân dân bàn bạc, quyết

định cách làm. ông Phan Tiến Dũng cho biết: “Cái khó trong xây dựng nông thôn mới là làm sao mọi chủ trương đưa ra phải được nhân dân đồng tình ủng hộ. Để làm được điều này, chúng tôi đã phát huy tối đa quyền của người dân trong bàn bạc các chủ trương, biện pháp, cách làm”.

Ở Tùng Ảnh, người đứng đầu đã xác định được trọng tâm, trọng điểm công việc; từ đó, xác định trọng tâm là tập trung vào việc nâng cao thu nhập cho người dân, tạo việc làm, tập trung thu hút các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng. Chọn đúng việc, cách làm phù hợp nên Tùng Ảnh đã từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, đa dạng hóa sản xuất kinh doanh, vừa hình thành cánh đồng mẫu trên 20 ha, xây dựng các mô hình chăn nuôi lợn, gà và phát triển dịch vụ. Đây là giải pháp nâng cao thu nhập đồng thời là cách giải quyết việc làm có hiệu quả.

Thứ hai, công tác tuyên truyền, vận động luôn được chú trọng, được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Tuyên truyền góp phần quan trọng làm thay đổi nhận thức của cán bộ và nhân dân. Tuyên truyền để làm rõ được quan điểm “Dựa vào nội lực là chính, Nhà nước đóng vai

trò định hướng và hỗ trợ”. Chính vì vậy, đã hạn chế được tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, tăng ý thức tự lực của người dân. Nội dung tuyên truyền đã bám theo từng vấn đề cụ thể, thay đổi theo từng thời kỳ trong suốt quá trình xây dựng nông thôn mới. Chính nhờ làm tốt công tác tuyên truyền mà người dân đã tự nguyện hiến đất, đóng góp tiền của để xây dựng kết cấu hạ tầng với Số lượng rất lớn. Tổng vốn huy động 6 tháng đầu năm 2014 là trên 44 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước cấp 780 triệu đồng (chỉ chiếm tỷ lệ 1,8%), nhân dân đóng góp được trên 32 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 73,2%), vốn tài trợ 11 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 25%). Tổng vốn huy động 4 tháng đầu năm 2015 là 25.937 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước cấp là 1.497 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 24.44 tỷ đồng. Những Số liệu trên cho thấy công tác tuyên truyền vận động đã đưa lại hiệu quả cao.

Trong thời gian tới, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã chủ trương tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền theo từng chủ đề chuyên sâu về cơ chế, chính sách, các mô hình tiêu biểu trong các lĩnh vực,

đặc biệt là các mô hình phát triển sản xuất hàng hóa có liên doanh, liên kết, tiêu chí nhà mẫu, vườn mẫu và khu dân cư mẫu. Về hình thức tuyên truyền, tăng cường tuyên truyền về các nội dung xây dựng nông thôn mới tại các cuộc họp của thôn, tổ dân cư và các chi hội chi đoàn. Qua quá trình thực hiện cho thấy hình thức này mang lại hiệu quả cao.

Hiện nay, Tùng Ảnh bước sang giai đoạn xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, Tùng Ảnh tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu một cách sâu rộng để mọi người dân đều hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng mô hình này, tạo phong trào mạnh mẽ trên toàn xã. Các đoàn thể xác định mỗi cán bộ đoàn viên, hội viên phải đi đầu trong việc xây dựng *Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu* ngay trong chính gia đình mình. Công khai các tiêu chí về nhà mẫu, vườn mẫu ở nhà văn hóa các thôn để nhân dân được biết. Ngoài ra, Tùng Ảnh cũng tăng cường công tác thông tin tuyên truyền các mô hình điển hình, các cơ chế chính sách của địa phương và trung

ương liên quan đến việc xây dựng nông thôn mới.

Thứ ba, phát huy truyền thống quê hương, khơi dậy được sự ủng hộ của con em xa quê. Trong 3 năm 2011 - 2013, xã đã huy động được 234.4 tỷ đồng vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới, trong đó huy động nhân dân đóng góp là 97.200 triệu đồng, huy động con em xa quê đóng góp 54 tỷ đồng, nguồn hỗ trợ mục tiêu của Trung ương, tỉnh, huyện 15.4 tỷ, nguồn vốn lồng ghép các chương trình, dự án 67.800 triệu đồng. Kết quả trên cho thấy, xã đã huy động được Sự ủng hộ rất lớn của con em xa quê. Con em Tùng Ảnh về công tác ở nhiều nơi trong nước và nước ngoài phần lớn đều thành đạt, có kinh tế khá giả nên rất ủng hộ chủ trương xây dựng nông thôn mới và sẵn sàng ủng hộ cả về vật chất và tinh thần cho quê hương.

Là một vùng quê giàu truyền thống học hành và truyền thống cách mạng, người dân Tùng Ảnh vừa hăng hái chăm lo lao động sản xuất, kiên cường chống giặc ngoại xâm, chăm lo học tập. Việc học ở Tùng Ảnh đã trở thành nhu cầu tự thân của các tầng lớp, các thế hệ. Ở Tùng Ảnh, Sự nghiệp giáo dục được coi

như là nhiệm vụ của mỗi gia đình, mỗi dòng họ và mỗi cá nhân. Hiện nay, trên 40 dòng họ ở Tùng Ảnh đều thực hiện dòng họ khuyến học. Ở Tùng Ảnh làng nào cũng có giáo sư, tiến sĩ. Tính đến nay, Tùng Ảnh có trên một ngàn người là giáo sư, tiến sĩ, tốt nghiệp đại học và trên đại học, trong đó tập trung nhiều nhất ở làng Đồng Thái. Nhiều gia đình cả nhà đều là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ. Điển hình như gia đình giáo sư Phan Văn Tài, gia đình giáo sư Mai Trọng Lê, Phan Anh, Phan Mỹ... Bình quân, mỗi năm Tùng Ảnh có trên dưới 100 học sinh đỗ vào đại học, cao đẳng. Thế hệ trẻ Tùng Ảnh hôm nay đang ra sức thi đua học tập, viết tiếp trang sử vẻ vang xứng danh với đất học Tùng Ảnh, quê hương của tiến sĩ Phan Đình Phùng và cô' Tống Bí thư Trần Phú...

Thứ tư, xây dựng được nhiều mô hình kinh doanh giỏi. Một trong những vấn đề quan trọng của xây dựng nông thôn mới là phải tìm mọi giải pháp để nâng cao đời sống nhân dân. Tùng Ảnh xác định phải xây dựng được những mô hình kinh doanh giỏi. Với tư duy đó, xã đã tạo mọi điều kiện để các hộ

gia đình có thể được vay vốn, tiếp cận với kỹ thuật để phát triển kinh doanh.

Từ nguồn hỗ trợ của Nhà nước, cuối năm 2012, ông Dương Thúc Tuấn xóm Dương Tượng đã đầu tư trên 2 tỷ đồng để xây dựng trại chăn nuôi gà tập trung, quy mô 10 ngàn con, được công ty liên kết cung cấp gà giống, thức ăn, hướng dẫn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm. Mỗi lứa gà, gia đình ông Tuấn thu lãi ròng từ 60 đến 70 triệu đồng, ông Tuấn cho biết, trong quá trình làm mặc dù có những khó khăn nhất định nhưng được sự tạo điều kiện của chính quyền địa phương, các đoàn thể cũng thường xuyên đến động viên, Ở huyện có chính sách hỗ trợ kịp thời nên gia đình ông rất yên tâm phát triển kinh tế.

Xã Tùng Ảnh hiện có 15 doanh nghiệp, 4 mô hình sản xuất kinh doanh, mỗi mô hình thu hút từ 10 - 25 lao động; 431 hộ sản xuất kinh doanh các loại hình dịch vụ. Đời sống được cải thiện, người dân Tùng Ảnh tích cực tham gia đóng góp xây dựng cơ sở vật chất phục vụ văn hoá, y tế, giáo dục. Xã có 3 trường học, trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. 12/12 thôn xóm có nhà văn hoá và khu thể thao hoạt động có hiệu quả.

Tùng Ảnh còn xây dựng mới và đưa vào hoạt động Chợ Dồn với tổng diện tích 1,7 héc ta. Trong 4 tháng đầu năm 2015, Tùng Ảnh xây dựng thêm 24 mô hình tiêu biểu trong phát triển kinh tế vườn đối trồng cây ăn quả với diện tích 800 mét vuông, cổ gia đình anh Bùi Đình Tiến Thôn Sơn Lễ; 22 mô hình chăn nuôi từ 10 - 30 con lợn, gà từ 100 - 200 con, phát triển thêm 1 mô hình nuôi gà với quy mô 3 ngàn con/lứa của hộ Chị Võ Thị Hào Ở thôn Châu Tùng.

Thứ năm, giữ gìn bản sắc văn hóa làng quê. Mục đích cuối cùng của xây dựng nông thôn mới chính là nhằm nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần của người dân. Muốn đạt được điều đó, trong xây dựng nông thôn mới, phải coi trọng việc giữ gìn bản sắc văn hóa của làng quê. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới hiện đại nhưng vẫn giữ gìn được nét văn hoá truyền thống tốt đẹp Ở làng quê được người dân Tùng Ảnh rất quan tâm. Chính vì vậy, Tùng Ảnh đã lưu giữ được nhiều bản sắc văn hóa làng quê. Nhiều thôn vẫn giữ được những nếp nhà gỗ Cổ xưa với ao cá, rặng tre, hàng rào dâm bụt, vườn sau, ao trước vừa thoáng mát, vừa hợp với

phong thủy. Cả những cây giới cổ thụ hàng trăm năm tuổi, những hàng chè mạn hào xanh rì thẳng tắp thay cho hàng rào bê tông...

Trong phong trào hiến đất xây dựng nông thôn mới, người dân không băn khoăn vì chuyện hiến đất mà là vấn đề giữ gìn phong cảnh làng quê. Nhờ được sự quan tâm của các cấp cũng như thể theo nguyện vọng của gia đình, thôn xóm nên vẫn giữ được bản sắc làng quê. Người dân Tùng Ảnh iự hào vì tuy xây dựng nông thôn mới nhưng mọi phong tục, tập quán, truyền thống cha ông để lại vẫn được giữ nguyên. Châu Nội là thôn đi đầu trong xây dựng nông thôn mới nhưng vẫn giữ được nét đẹp truyền thống của làng quê nông thôn từ bao đời lưu truyền. Từ Châu Nội, các thôn khác như Châu Trinh, Châu Tùng, Châu Lĩnh...

Tùng Ảnh dự định tất cả các hàng rào trong thôn tới đây sẽ là những thảm hoa đủ màu sắc thay cho màu xám xi măng. Tùng Ảnh với môi trường xanh, sạch, đẹp, con người sẽ được hòa mình vào thiên nhiên, chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao. Điều mà không phải xã đạt chuẩn nông thôn mới nào cũng làm được.a

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI HÀNH CHÍNH

MINH BẠCH ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN GIÁM SÁT CỦA NHÂN DÂN

TS. TRẦN THỊ DIỆU OANH

Khiếu nại, tố cáo - vấn đề xã hội bức xúc

Theo quan niệm của Thanh tra Chính phủ, khiếu nại hành chính là việc cá nhân hay tổ chức đề nghị cơ quan hành chính nhà nước xem xét, sửa chữa một hành vi hay một quyết định hành chính mà họ cho là hành vi và quyết định đó không đúng pháp luật, gây thiệt hại hoặc sẽ gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Như vậy, khiếu nại hành chính là sự tranh chấp giữa các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực hành chính nhà nước, là một quyền của công dân khi tham gia vào giám sát các hoạt động quản lý hành chính nhà nước; khiếu nại nhằm giành lại quyền, lợi ích hợp pháp. Để đảm bảo công dân thực hiện quyền khiếu nại hành chính, Nhà nước phải có trách nhiệm tổ chức các hình thức tiếp nhận, xem xét và giải quyết các yêu cầu của công dân, đồng thời phải khẳng định tính hợp pháp, hợp lý của các quyết định hành chính và hành vi hành chính.

Vấn đề khiếu nại, tố cáo hiện nay đang là vấn đề xã hội bức

LTS: Kể từ khi Luật Khiếu nại, Tố cáo năm 1999 có hiệu lực đến nay, tình hình khiếu nại hành chính diễn biến rất phức tạp, xảy ra ở hầu hết các địa phương trên cả nước; nhiều lúc, nhiều nơi đã vượt ra khỏi tầm kiểm soát của chính quyền địa phương, trở thành “điểm nóng” về trật tự xã hội. Minh bạch trong giải quyết khiếu nại hành chính của công dân chính là để đảm bảo thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, quyền giám sát của công dân; góp phần chống biểu hiện thiếu dân chủ, tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan nhà nước.

xúc. Mỗi năm có hàng trăm nghìn vụ khiếu nại, tố cáo trên cả nước, tập trung ở lĩnh vực hành chính. Theo Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, giai đoạn 2011 - 2013, các cơ quan hành chính đã tiếp nhận 536.789 đơn thư các loại, trong đó đã xử lý 310.720 đơn khiếu nại, tố cáo với 200 nghìn vụ việc khiếu nại, tố cáo. Trong đó, 74,76% Số vụ khiếu nại, tố cáo Nền quan đến đất đai. Về giải quyết khiếu nại, các cơ quan hành chính đã giải quyết 167.654/197.3651 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 84, 83%. Tại Thủ đô Hà Nội, 5 năm qua, các cơ quan hành chính đã tiếp 159.169 lượt

công dân; tiếp nhận và xử lý 91.880 đơn các loại; thụ lý theo thẩm quyền 9.006 vụ khiếu nại. Phân tích từ kết quả giải quyết 107.890 vụ việc khiếu nại trên cả nước cho thấy: có 41.288 vụ đúng và có đúng, có sai (38,3%); 66.602 vụ khiếu nại sai (61,7%).

Tính chất của khiếu nại hành chính ngày càng phức tạp. Thái độ khiếu nại ngày càng gay gắt, bức xúc, xuất hiện nhiều khiếu nại đông người, vượt cấp, có tổ chức, lôi kéo cả người già, trẻ em và các đối tượng chính sách tham gia. Nhiều trường hợp bị lợi dụng, kích động, xúi giục khiếu nại với thái độ cực đoan. Các thế lực thù địch trong, ngoài nước và một Số phần tử

CƠ HỘI CHÍNH TRỊ ĐÃ LỢI DỤNG VẤN ĐỀ KHIẾU NẠI CỦA CÔNG DÂN ĐỂ XÚI GIỤC, KÍCH ĐỘNG THÀNH KHIẾU NẠI ĐÔNG NGƯỜI NHẪM CHỐNG PHÁ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRÊN CÁC MẶT.

Nội dung khiếu nại hành chính chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai, nhà ở, chính sách xã hội, tư pháp. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến khiếu nại hành chính ngày càng gia tăng là do chính quyền các cấp chưa quán triệt, chấp hành nghiêm pháp luật về đất đai; công tác quản lý nhà nước về đất đai bị buông lỏng, quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về khiếu nại còn nhiều bất cập. Chính sách về bảo hiểm xã hội, người có công còn những hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm... Một nguyên nhân khác rất quan trọng liên quan trực tiếp đến quyền giám sát của nhân dân đó là tính minh bạch trong hoạt động giải quyết khiếu nại hành chính còn nhiều bất cập. Sự thiếu minh bạch trong giải quyết khiếu nại hành chính thể hiện ở cơ chế giải quyết khiếu nại hành chính còn mang tính khép kín giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Không công khai tranh luận bình đẳng giữa các bên chủ thể trong hoạt động giải quyết khiếu nại dẫn đến tình trạng khiếu nại kéo dài, đông người gây mất Ổn định trật tự xã hội. Thiếu Sự minh bạch trong chính sách pháp luật, tổ chức thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, các

kết quả thanh tra, kiểm tra trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo còn chưa sâu rộng, chưa thiết thực. Công tác tiếp công dân ở một Số nơi chưa thực sự đi vào nền nếp, chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng áp dụng pháp luật trong giải quyết khiếu nại ở các cấp có lúc, có việc còn hạn chế, còn tình trạng vi phạm về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn. Một Số vụ việc khiếu nại giải quyết còn chậm, để công dân khiếu nại nhiều lần, vượt cấp; nhiều vụ việc còn có hiện tượng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại; nể nang, nương nhẹ trong xử lý người có hành vi

Tình hình khiếu nại, tố cáo

năm 2014 Cố xu hướng giảm so với 2013, cụ thể: **Cả nước phát sinh 81.949 đơn khiếu nại, trong đó có 36.452 vụ VIỆC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước, giảm 7,4% số đơn và giảm 9,8% số vụ việc so với cùng kỳ năm 2013.** Tuy nhiên, Số lượt đơn khiếu nại, tố cáo đăng người trên cả nước tăng 15% so với cùng kỳ năm 2013, Cố đoàn lên tới vài trăm người với thái độ bức xúc, gay gắt. **Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2014, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước đã giải quyết được gần 38.000/44.000 vụ việc, đạt tỷ lệ 84,9%...**

(Nguồn: Thanh tra Chính phủ)

vi phạm bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại. CƠ VỤ VIỆC MỚI CHỈ CHÚ TRỌNG ĐẾN VIỆC GIẢI QUYẾT HẾT THẨM QUYỀN MÀ CHƯA QUAN TÂM ĐẾN GIẢI QUYẾT ĐỨT ĐIỂM VỤ VIỆC.

Hệ lụy của việc không giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại hành chính khiến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân bị ảnh hưởng, phức tạp có thể gây ra tình trạng khiếu kiện kéo dài, đông người gây mất Ổn định trật tự xã hội, đe dọa hòa bình, an ninh chính trị quốc gia.

Minh bạch để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân

Minh bạch là một trong những vấn đề được quan tâm nhiều nhất trong khu vực công. Minh bạch trong lĩnh vực khiếu nại hành chính là việc làm rõ các hoạt động khiếu nại hành chính mà thực chất là quá trình giải quyết khiếu nại. Theo Luật Khiếu nại 2011, quá trình đó bắt đầu từ việc thụ lý, xác minh, kết luận đến ra quyết định giải quyết khiếu nại hành chính. Giải quyết tốt khiếu nại hành chính của công dân nhằm đảm bảo thực hiện quyền cơ bản của công dân, thực hiện quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa; góp phần chống biểu hiện quan liêu, cửa quyền, thiếu dân chủ, tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan nhà nước. Đồng thời, giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời sửa chữa những bất hợp lý, sai sót trong quá

trình quản lý; khi có Sự giám sát của nhân dân cũng sẽ giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của các chủ thể quản lý và tạo niềm tin trong nhân dân.

Giải quyết khiếu nại hành chính là giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Do vậy, công khai, minh bạch trong thủ tục giải quyết các vụ việc khiếu nại có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng. Ở Việt Nam, việc giải quyết khiếu nại hành chính của công dân chỉ thực hiện bằng thủ tục hành chính và thủ tục tư pháp. Thủ tục hành chính giải quyết khiếu nại hành chính của công dân hiện nay được thực hiện theo Luật Khiếu nại 2011. So với trước đây, thủ tục này đã có tiến bộ đáng kể vì cho phép công dân khởi kiện vụ án hành chính ra tòa án trong bất kỳ giai đoạn nào. Tuy nhiên, hạn chế là chưa gắn với thủ tục tiếp công dân và xử lý đơn thư; việc tiếp và chuyển đơn thư khiếu nại còn lòng vòng, khó theo dõi và giải quyết; còn xảy ra tình trạng chống chèo, trùng lặp. Đặc biệt, thời hạn giải quyết khiếu nại chưa phù hợp. Thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính hiện nay gồm 3 bước. *Bước 1*, tiếp nhận và thụ lý đơn khiếu nại. Người khiếu nại phải gửi đơn và các tài liệu liên quan (nếu Có) đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Trong thời hạn

10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết khiếu nại tham mưu ra quyết định thụ lý để giải quyết; trường hợp không thụ lý để giải quyết thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do. *BƯỚC 2*, xác minh, kết luận nội dung khiếu nại. Việc xác minh bảo đảm tính khách quan, chính xác, kịp thời. Để làm rõ các vấn đề trong đơn khiếu nại, quy định việc đối thoại giữa các bên liên quan là yêu cầu bắt buộc trong quy trình giải quyết khiếu nại lần hai. *Bước 3*, ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai. Hiện nay, hầu hết khiếu nại hành chính trên các lĩnh vực đều được giải quyết theo trình tự, thủ tục, thời hạn như nhau. Quy định này không phù hợp với một số lĩnh vực khiếu nại đòi hỏi phải được giải quyết ngay. Quy định việc giải quyết khiếu nại lần đầu là trách nhiệm của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định hành chính, có hành vi hành chính bị khiếu nại. Giải quyết khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền của thủ trưởng của người đã giải quyết khiếu nại lần đầu trong cùng hệ thống cơ quan hành chính nhà nước

thường gây nên tâm lý cho rằng việc giải quyết sẽ không khách quan và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. Chính vì vậy, công tác giải quyết khiếu nại hành chính vẫn tồn tại “điểm mờ”. Năm 2014, mặc dù tình hình khiếu nại có giảm cả về Số vụ và số người nhưng trong đó tỷ lệ số vụ, số lượt người khiếu nại kéo dài, đông người lại có xu hướng tăng (15% so với năm 2013), tính chất vụ việc ngày càng gay gắt. Chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo Ở nhiều nơi còn chậm, còn tình trạng áp dụng pháp luật không đúng dẫn đến người dân lại càng bức xúc; số đơn tố cáo cán bộ, công chức có hành vi tham nhũng chiếm tỉ lệ 5, 2%; 10% số cơ quan được kiểm tra về công tác thực thi pháp luật giải quyết khiếu nại có vi phạm...

Để khắc phục một số vướng mắc trên, một trong những yếu tố để hoàn thiện các phương thức giải quyết khiếu nại hành chính là thủ tục hành chính cần được thiết lập đơn giản hơn và về lâu dài nên bỏ quy định về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Nếu công dân không đồng ý với việc giải quyết của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì có quyền khởi kiện ra tòa án theo thủ tục tư pháp để được bảo vệ. Giải pháp tổng thể giải quyết khiếu nại hành chính với mục tiêu bảo đảm khách quan,

minh bạch và bảo vệ quyền chính đáng cho công dân. Tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng về khiếu nại hành chính, giải quyết khiếu nại hành chính cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của mình. Công khai, minh bạch chính sách pháp luật, công khai các kết quả giải quyết khiếu nại hành chính. Đơn giản hóa thủ tục khiếu nại, giải quyết khiếu nại theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ

chức đối thoại khâu bắt buộc trong quy trình giải quyết, mở rộng vai trò của luật sư tham gia trong quá trình giải quyết khiếu nại. Thông tin cho người khiếu nại biết các chứng cứ, căn cứ để giải quyết khiếu nại hành chính khi họ có yêu cầu. Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại, công khai, minh bạch những thủ tục tiếp theo, xác định rõ người có trách nhiệm giải quyết và thời hạn giải quyết trong quyết định giải quyết khiếu nại để người khiếu nại được thông tin và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo cách tiếp cận của khoa học hành chính công, minh bạch được hiểu Ở nghĩa rộng hơn không chỉ bao gồm việc cung cấp thông tin cho công chúng của chính quyền nhà nước các cấp mà qua đó, nhân dân được tiếp cận những nguồn thông tin của nhà nước, của tổ chức xã hội để thực hiện quyền giám sát của mình. Vì vậy, minh bạch là công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động của các cá nhân, tổ chức công về hiệu quả hoạt động và cung cấp thông tin, là thước đo cho các hoạt động hành chính công, là đích hướng đến của mọi nền hành chính Ở bất kỳ quốc gia nào.a

DỰ ÁN LUẬT VỀ HỘI... (Tiếp theo trang 58)

thiết trong một xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia hoặc an toàn, trật tự công cộng, bảo vệ sức khỏe và đạo đức công cộng, hoặc bảo vệ các quyền tự do của người khác”. Như vậy, văn bản của cơ quan cao nhất về vấn đề nhân quyền quốc tế cũng xác định rõ giới hạn của vấn đề lập hội. Điều này đặt ra những tôn chỉ, mục đích trong lập và hoạt động hội. Nếu hội vì những mục đích giải trí, gặp gỡ thăm hỏi lẫn nhau, như: Hội đồng hương, Hội nuôi chim, Hội cây cảnh... thì hẳn cả người lập, người tham gia và cơ quan Nhà nước cũng không bận tâm về phạm vi điều chỉnh. Những hội thiện nguyện mà tuân thủ các lợi ích chung, lợi ích quốc

gia, cộng đồng hiển nhiên luôn được ủng hộ. Duy chỉ có lập hội dưới các danh nghĩa, tên gọi khác nhau nhưng thể hiện rõ mục đích, động cơ gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, cộng đồng hoặc mục đích đó ẩn dưới các “áo nguy trang” thì không thể nói “tự do” - Đây thực chất là hành vi mượn cơ lập hội để chống phá đất nước thì dù tồn tại ở đâu cũng đều trái với luật pháp nước đó.

Bởi thế, các quốc gia một mặt tôn trọng quyền tự do lập hội và bảo đảm quyền đó trên thực tế, một mặt phải duy trì trật tự, kiểm soát các tổ chức, nhóm hội gây nguy hại cho xã hội. Một số quốc gia có luật về hội khá sớm, như: Vương quốc

Anh (Luật về Sự liên kết 1825, Luật Công đoàn 1871) hay Cộng hòa Pháp (Luật về Hội 1901) cũng quy định rõ vấn đề này. Do đó, quy định rõ quyền lập hội, các điều kiện lập, hoạt động hội cũng như các hành vi bị nghiêm cấm là cần thiết trong việc xây dựng Luật về Hội.a

“Nhà nước tôn trọng và đảm bảo công dân, tổ chức Việt Nam cơ quyền lập hội. Nghiêm cấm cản trở, ép buộc, can thiệp vào việc thành lập tổ chức, hoạt động hội trái quy định của pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, phương hại đến lợi ích, chủ quyền, an ninh quốc gia, an toàn xã hội, khối đại đoàn kết dân tộc, quyền con người, quyền công dân”.

Trích Từ trình dự án Luật về Hội:

MỘT Ồ GIẢI PHÁP VẬN ĐỘNG Ở VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ở các TỈNH MIỀN MÌ Pnin ủa

PHẠM CÔNG MINH

Vùng miền núi các tỉnh phía Bắc gồm các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Hoà Bình, Sơn La, Lai Châu và Điện Biên, có tổng diện tích tự nhiên 95 ngàn km². Nơi đây là quê hương của gần 40 dân tộc anh em cùng sinh sống gần bó lâu đời. Đặc điểm nổi bật của Sự phân bố dân cư các dân tộc thiểu số phía Bắc là không có vùng đất riêng của tộc người rõ rệt, mà sống xen kẽ với nhau. Tuy vậy, mỗi dân tộc đều có những vùng quần tụ đông đảo của mình, quần cư trên nhiều điểm nhỏ xen kẽ với nhiều dân tộc; nhưng mỗi liên hệ về tộc người vẫn khá chặt chẽ, có những mối liên hệ thân thuộc, thường gặp nhau khi có lễ cưới, giỗ chạp, ma chay.... Các dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, thể hiện ở từng dân tộc, từng nơi rất độc đáo, thích hợp với điều kiện sinh sống, với trình độ văn hoá, với tính cách tâm lý riêng của dân tộc mình.

Từ năm 1986 đến nay, đạo Tin Lành phát triển và thu hút nhiều tín đồ là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng miền núi phía Bắc. Điều đáng chú ý là Sự

phát triển của đạo Tin Lành ở vùng dân tộc thiểu số diễn ra một cách đột biến, bất thường, nhất là ở vùng đồng bào Mông sinh sống đã gây mất Ổn định xã hội, tạo ra mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân xuất phát từ Sự phân hoá, đối lập nhau về mặt tôn giáo giữa người theo tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống với người theo đạo Tin Lành. Những người theo tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống coi người theo đạo Tin Lành từ bỏ các quan hệ, nghĩa vụ theo luật tục, đạo lý cổ truyền là Sự xúc phạm đến tình cảm dân tộc và Sự thiêng liêng của tín ngưỡng truyền thống. Ngược lại, nhiều người theo đạo Tin Lành cũng chê bai, miệt thị, xúc phạm những người theo tập quán cũ. Nhiều nơi các đối tượng truyền giáo Tin Lành đã dùng áp lực của số đông để cô lập, ép và đe dọa những người khác để ép buộc họ theo đạo. Nhiều đối tượng lợi dụng đạo Tin Lành để trục lợi, chiếm đoạt tiền của, sức lao động của nhân dân dưới hình thức thu tiền để được theo đạo, chi phí cho các đối tượng đi học đạo, mua kính sách... đã tác động tiêu cực đến an ninh, trật tự tại địa phương.

Trước tình hình trên, chính quyền các địa phương nơi có đông đồng bào theo đạo Tin Lành đã tích cực vận động đồng bào thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước nhằm chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào, vận động đồng bào tích cực phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hoá của từng dân tộc, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương. Đồng thời, hệ thống chính trị ở các địa phương đã tích cực vận động đồng bào nêu cao ý thức tự lực, tự cường, tự vươn lên, giúp đỡ đồng bào sản xuất, kinh doanh, bố trí lại cơ cấu cây trồng vật nuôi theo những kinh nghiệm và mô hình đã có hiệu quả ở các địa phương; phối hợp vận động, tạo điều kiện để giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; củng cố và tăng cường Sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, đoàn kết dân tộc chống âm mưu *diễn biến hoà bình* và những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Xét về nguồn gốc, bản chất của hiện tượng một *số* đồng bào thiểu số theo đạo Tin Lành là nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo thuần túy. Họ luôn mong muốn có một điều gì đó làm thay đổi tốt hơn trong cuộc sống, chứ hoàn toàn không phải ai cũng mang động cơ về chính trị ngay từ buổi đầu theo tôn giáo. Từ nhận thức trên, chúng ta phải coi đây là hiện tượng tôn giáo bình thường, theo đúng pháp luật và đối xử với các tín đồ theo đạo Tin Lành theo chính sách tôn giáo mà Hiến pháp quy định. Việc không thừa nhận về mặt tôn giáo và nhu cầu tôn giáo thuần túy của một bộ phận quần chúng, ngăn chặn Sự phát triển đạo bằng các biện pháp hành chính là trái với chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước, trái với xu hướng phát triển tôn giáo hiện nay trên thế giới. Chúng ta cần phải xác định thái độ đúng mức với đạo Tin Lành, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, không khuyến khích phát triển nhưng cũng không ngăn cấm mà phải thu phục quần chúng tự do lựa chọn cho mình một niềm tin trong cuộc sống. Do vậy, để chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước thực sự đem lại nhu cầu tinh thần chính đáng cho nhân dân, các cơ quan chức năng phải thực sự thông suốt nhận thức, tôn trọng nhu cầu tín ngưỡng của tín đồ, giáo dục và hướng dẫn họ hoạt động tôn giáo theo

đúng pháp luật. Mặt khác, chúng ta cũng nhận thấy, sinh hoạt tôn giáo cũng là một nhu cầu sinh hoạt văn hoá trong đời sống xã hội loài người. Tránh quan niệm cực đoan, cho rằng theo đạo là tiếp tay cho hoạt động chính trị, chống lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Mục đích của chúng ta là làm cho quần chúng dù đi theo tôn giáo, tín ngưỡng nào cũng phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước, bền chặt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tạo điều kiện cho đồng bào theo đạo Tin Lành thực hiện *Sống tốt đời, đẹp đạo - phụng Sự Tổ quốc - Sống phúc âm giữa lòng dân tộc*. Điều đó cũng thể hiện việc thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh: không nói nhiều về Sự khác biệt tín ngưỡng, tôn giáo mà ngược lại luôn nhân mạnh tính thống nhất về lợi ích chung của dân tộc, về Sự tương đồng giữa các tôn giáo, Ở mục đích *mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội* lấy đó để khơi dậy tình đoàn kết phấn đấu vì sự nghiệp chung. Nhìn nhận, ứng xử với người theo đạo, trước hết phải coi họ là một con người xã hội, trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đồng thời phải quan tâm giải quyết thoả đáng nhu cầu đặc thù của con người tôn giáo.

Vận dụng bài học “Lấy dân làm gốc”, tôn trọng qui luật khách quan, thực hiện tốt chủ

trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và đấu tranh chống dịch lợi dụng tôn giáo nói chung và lợi dụng đạo Tin Lành nói riêng là nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Cả hệ thống chính trị cần phải xác định hiện tượng phục hồi, phát triển đạo Ở vùng dân tộc thiểu số trong thời gian qua vừa là hiện tượng tôn giáo bình thường, vừa là đối tượng điều chỉnh chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, việc giải quyết hiện tượng phục hồi, phát triển đạo ở vùng dân tộc thiểu số phải thực hiện theo chính sách, pháp luật về tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn về âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo nói chung, đạo Tin Lành nói riêng để chống phá đất nước. Vì vậy, chúng ta phải đặt việc giải quyết vấn đề phát triển đạo Ở vùng dân tộc thiểu số trong phạm vi yêu cầu của cuộc đấu tranh chống âm mưu dịch lợi dụng tôn giáo và dân tộc để chống phá cách mạng. Tuy nhiên, chúng ta cần khắc phục hai khuynh hướng trong việc giải quyết vấn đề phát triển đạo Ở vùng dân tộc thiểu số:

Một là, khắc phục khuynh hướng hữu khuynh, mất cảnh giác, buông lỏng công tác quản lý nhà nước với việc phát triển đạo để các thế lực thù địch lừa bịp, lôi kéo quần chúng.

Hai là, khắc phục khuynh hướng tả khuynh, nặng về các biện pháp cấm đoán quần chúng theo đạo bằng các biện pháp cưỡng chế hoặc phân biệt đối xử với người theo đạo, dẫn đến gây căng thẳng giữa quần chúng theo đạo với chính quyền cơ sở. Cách làm sai lầm này xuất phát từ những nhận thức định kiến với tôn giáo, cường điệu vai trò của tôn giáo và khả năng của những kẻ lợi dụng vấn đề tôn giáo.

Trong tình hình hiện nay, tôn giáo là vấn đề hết sức nhạy cảm luôn tiềm ẩn khả năng gây mất ổn định an ninh trật tự của đất nước. Từ khi chính quyền về tay nhân dân, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và coi đây là vấn đề đặc biệt quan trọng trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Để có một giải pháp cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến các lĩnh vực về kinh tế, văn hoá, xã hội, tư tưởng; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, bằng các biện pháp đồng bộ, thống nhất, kết hợp chặt chẽ chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo của Đảng mới mang lại hiệu quả thiết thực.

Trước hết, các địa phương có đông tín đồ theo đạo Tin Lành cần tập trung phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt chủ trương xóa đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm từng bước nâng cao đời sống vật

chất, tinh thần của tín đồ theo đạo Tin Lành, tạo nền tảng ổn định về kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số. Đây là yếu tố quan trọng để giải quyết căn bản một trong những nguyên nhân làm nảy sinh những vấn đề đồng bào theo đạo Tin Lành trong thời gian qua. Đây cũng là biện pháp hạn chế tình trạng di dịch cư, nạn phá rừng, trồng cây thuốc phiện... Từng bước ổn định lâu dài đời sống nhân dân ở vùng các dân tộc thiểu số còn gặp khó khăn, đảm bảo tối thiểu các nhu cầu về nhà ở, chữa bệnh, học hành, tăng cường các chương trình phát thanh riêng cho đồng bào dân tộc để kết hợp tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, nâng cao trình độ hiểu biết chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ở những vùng có tín đồ theo đạo Tin Lành. Đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về mọi mặt, ngăn chặn có hiệu quả âm mưu kích động, lôi kéo quần chúng của đối tượng lợi dụng đạo Tin Lành gây hoang mang, chia rẽ quần chúng. Công tác giáo dục nâng cao trình độ dân trí, tuyên truyền pháp luật triiớc hết nhằm vào đội ngũ những người có uy tín và đội ngũ chức sắc, chức việc trong tôn giáo, vì họ có ảnh hưởng trong quần chúng tín

đồ nên luôn là mục tiêu mà các phần tử xấu chú trọng lôi kéo. Cùng với việc giáo dục nâng cao trình độ, hiểu biết pháp luật của những người có uy tín và đội ngũ chức sắc, chức việc, cần hết sức chú ý vận động, bồi dưỡng tầng lớp thanh, thiếu niên vùng giáo, tổ chức đưa họ tham gia vào các công tác xã hội, tham gia các phong trào quần chúng, vì đây là lực lượng sẽ nắm các vị trí chủ chốt của các tổ chức xã hội cũng như tôn giáo trong tương lai. Giúp họ hiểu biết một cách đầy đủ về chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước là việc làm có ý nghĩa quan trọng, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị.

Thứ ba, tăng cường củng cố tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở và các tổ chức quần chúng đủ mạnh để nâng cao hiệu lực của hệ thống chính trị, đảm bảo tốt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, an ninh trật tự ở vùng có đồng bào theo đạo Tin lành. Trong việc phát huy vai trò quản lý nhà nước về an ninh trật tự ở vùng đồng bào tôn giáo, phải xác định được vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, tuyệt đối của tổ chức Đảng các cấp, đặc biệt là chi bộ vùng có đông đồng bào theo đạo Tin Lành. Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảm bảo tính thống nhất của các tổ chức Đảng để lãnh đạo tập hợp quần chúng. Xây dựng chính

quyền và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở gắn với nâng cao trình độ chính trị cho cán bộ chính quyền cơ sở, tuyên truyền giáo dục cho cán bộ đảng viên và đồng bào các dân tộc theo đạo Tin Lành về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng sơ hở thiếu sót trong việc thực hiện chính sách tôn giáo kích động lừa bịp một bộ phận quần chúng chống lại Đảng và Nhà nước. Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng bằng tiếng dân tộc để giác ngộ quần chúng không tham gia các hoạt động phát triển đạo Tin Lành trái phép.

Thứ tư, tăng cường công tác vận động đồng bào theo đạo Tin Lành là một công tác mang tính chiến lược. Để làm tốt công tác vận động quần chúng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng với lực lượng công an, bộ đội biên phòng phải làm nòng cốt, có kế hoạch vận động quần chúng cho thích hợp nhất là quần chúng tín đồ Tin Lành ở vùng sâu, vùng xa. Phải nghiên cứu kỹ phong tục tập quán của tín đồ Tin Lành ở từng vùng, từng dân tộc khác nhau để đưa ra những phương pháp vận động phù hợp. Nội dung của công tác vận động phải thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của tín đồ theo đạo Tin Lành ở từng địa bàn cụ thể. Với những người

bị ép buộc, dụ dỗ, không tự giác theo đạo thì giải thích để quần chúng hiểu rõ âm mưu của kẻ xấu, giúp họ thôi sinh hoạt đạo, trở về cuộc sống cộng đồng. Đối với số người đã theo đạo Tin Lành, cần hướng dẫn việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo theo đúng qui định của pháp luật; xử lý nghiêm minh những đối tượng tuyên truyền, phát tán tài liệu phản động và các hoạt động truyền đạo trái phép, không để lây lan sang các vùng chưa có đạo. Công tác vận

động tín đồ Tin Lành phải được tổ chức thường xuyên, liên tục và kết hợp với các cuộc vận động thực hiện phong trào của địa phương. Kết hợp giữa việc xây dựng cái mới và chống cái lạc hậu, trái với thuần phong mỹ tục, trái với bản sắc văn hoá dân tộc. Đưa quần chúng tín đồ tham gia các hoạt động xã hội, để phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng phát triển, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn vùng có đạo Tin Lành.a

KINH TẾ NHẬT BẢN...

(Tiếp theo trang 87)

cứu Dai-ichi Life, nói: “Tôi không cho rằng BOJ sẽ ngay lập tức nới lỏng chính sách kinh tế chỉ vì Số liệu GDP lần này, bởi BOJ vốn đã tính đến số liệu không khả quan này. Nhưng nếu nền kinh tế trong quý III năm 2015 vẫn tiếp tục yếu kém, thì có khả năng BOJ sẽ áp dụng các biện pháp nới lỏng”.

Theo Bộ trưởng Phục hồi Kinh tế Akira Amari, các vấn đề tạm thời hiện nay như Sự giảm tốc của các nền kinh tế láng giềng và xuất khẩu trì trệ, đang gây tác động tiêu cực đối với kinh tế Nhật Bản. Phát biểu trong cuộc họp báo sau khi số liệu được công bố hôm 17-8, ông Amari nói: “Số liệu u ám này chịu ảnh hưởng mạnh bởi các nhân tố tạm thời, như xuất khẩu sang Trung Quốc và Mỹ sụt giảm, cũng như tác động của thời tiết xấu”. Đặc biệt, số liệu cũng cho thấy xuất khẩu đã sụt giảm 4,4%, sau khi có Sự tăng trưởng 1,6% trong quý I năm 2015 và đây là lần đầu tiên xuất khẩu suy giảm trong 6 quý vừa qua. Mặc dù sự sụt giảm trong xuất khẩu các điện thoại thông minh sản xuất tại Nhật Bản sang Trung Quốc là nguyên nhân chủ yếu, song chính phủ cũng nói rằng, việc xuất khẩu các chất bán dẫn và thiết bị sản xuất cũng không còn ở mức cao như trước, cộng thêm việc xuất khẩu các sản phẩm thép sang Mỹ cũng giảm sút mạnh.a

NHÌN LẠI KẾT QUẢ CÔNG TÁC MẶT TRẬN CỦA CÁC TỈNH TRUNG DU, MIỀN NÚI PHÍA BẮC SAU MỘT NĂM THỰC HIỆN

NGUYỄN MINH HƯƠNG

Các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc có diện tích rộng khoảng 34 nghìn km², với dân Số 6.650 ngàn người sinh sống, cư trú ở 67 đơn vị hành chính cấp huyện, 1.338 đơn vị hành chính cấp xã¹. Đây là vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số với khoảng hơn 30 dân tộc anh em cùng đoàn kết gắn bó trong Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc². Năm 2015 là năm có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác tập hợp, đoàn kết các dân tộc trong vùng. Đây là năm đầu tiên triển khai thực hiện các nội dung Chương trình hành động của Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII và các Chương trình hành động của Mặt trận các cấp trong cụm thi đua các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc. Để tạo tiền đề cho việc triển khai thực hiện 5 nội dung Chương trình hành động, Mặt trận các cấp trong cụm thi đua đã phối hợp với các tổ chức thành viên triển khai nhiều cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước có ý nghĩa thiết thực.

1. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân, cùng cố' và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Mặt trận các cấp trong vùng đã thường xuyên thực hiện nhiệm vụ "Mặt trận lắng nghe nhân dân nói", tập hợp ý kiến, nguyện vọng, hiến kế của nhân dân, cung cấp đầy đủ thông tin cho nhân dân về tình hình đất nước và quốc tế, về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền thông qua việc phối hợp với các thành viên, các cơ quan của Đảng, Nhà nước và truyền thông đại chúng. Trong năm, Mặt trận các cấp tỉnh Phú Thọ đã tổ chức được 2.798 hội nghị chuyên đề với khoảng 280 ngàn người tham dự nhằm tổ chức lấy ý kiến của nhân dân tham gia vào Dự thảo Bộ Luật Dân Sự (sửa đổi), Bộ Luật hình sự (sửa đổi), Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII. Mặt trận tỉnh Thái Nguyên đã phát hành 13 ngàn cuốn Bản tin công tác Mặt trận đến các khu dân cư trên toàn tỉnh, nhằm tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc và các chương trình công tác năm 2015 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp; phối hợp tổ chức 9 buổi tuyên truyền phòng chống tội phạm ma túy,

HIV/AIDS với trên 2 ngàn người tham dự. Mặt trận tỉnh Tuyên Quang đã phối hợp với Oai Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện 10 chuyên mục Đại đoàn kết trên sóng của Đài... Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng - an ninh, đối ngoại, về đại đoàn kết toàn dân tộc, vai trò, nhiệm vụ của Mặt trận được kịp thời truyền tải đến các tầng lớp nhân dân thông qua các cơ quan truyền thông. Các hoạt động tuyên truyền đã góp phần cung cấp thông tin mọi mặt đời sống xã hội đến với các tầng lớp nhân dân, nâng cao ý thức chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo Sự đồng thuận trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của đất nước.

2. Phát huy tinh thần sáng tạo và tự quản của nhân dân, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước

Với sự hướng dẫn và tổ chức của Mặt trận và các tổ chức thành viên, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong cụm đã hăng hái hưởng ứng, đoàn kết tham gia các phong trào thi đua

yêu nước và các cuộc vận động với hình thức ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, tăng cường sự sẻ chia và cộng đồng trách nhiệm, gắn kết các tầng lớp nhân dân ở từng địa bàn dân cư. Hưởng ứng phong trào *“Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”* do Thủ tướng Chính phủ phát động, Mặt trận các cấp trong cụm đã kịp thời triển khai các nội dung của cuộc vận động với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới bảo đảm Sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong triển khai thực hiện ở cơ sở. Trên cơ sở những bài học, kinh nghiệm đạt được trong 20 năm thực hiện cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*, Mặt trận các cấp đang triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh với tinh thần phát huy khả năng tự quản của nhân dân. Cụ thể như: Mặt trận các cấp tỉnh Yên Bái đã vận động hàng nghìn hộ dân hiến đất, ngày công lao động và đóng góp bằng tiền sửa chữa, làm mới đường bê tông liên thôn, bản, đã có 106 xã đạt trên 5 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới. Mặt trận các cấp tỉnh Phú Thọ đã vận động được 50,6% khu dân cư nông thôn thu gom xử lý rác thải tập trung, 92% khu dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Toàn tỉnh có 17/247 xã được công nhận đạt

nông thôn mới, 30 xã đạt 15-18 tiêu chí, 107 xã đạt 10-14 tiêu chí, 93 xã đạt 5-9 tiêu chí. Mặt trận các cấp trong vùng tiếp tục chủ trì phát động tháng cao điểm vì người nghèo hằng năm. Cụ thể như: Mặt trận tỉnh Yên Bái đã tặng quà cho đối tượng nghèo, hộ gia đình chính sách tổng số 26.709 suất quà, trị giá 11.621,6 triệu đồng. Mặt trận tỉnh Hòa Bình đã vận động ủng hộ quỹ *“Vì người nghèo”* toàn tỉnh đạt trên 5,1 tỷ đồng, trong đó quỹ cấp tỉnh là 1.148.050.985 đồng. Mặt trận tỉnh Bắc Cạn đã vận động *“Quỹ vì người nghèo”* các cấp hỗ trợ xây dựng 32 nhà đại đoàn kết với tổng trị giá 632.400.000 đồng. Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên đã phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan chính quyền cùng cấp triển khai lồng ghép các chương trình phối hợp thực hiện mục tiêu quốc gia về bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng dân số, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, góp phần phát huy tính tự quản, bảo đảm Sự phát triển bền vững ngay từ mỗi địa bàn dân cư. Việc triển khai các cuộc vận động gắn với thực hiện các mục tiêu về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đã tạo ra những mô hình mới, cách làm hiệu quả nhằm phát huy tinh thần sáng tạo, tự quản của nhân dân ở cơ SỞ, địa

phương. Đặc biệt, để tăng cường củng cố, đoàn kết gắn bó trong từng cộng đồng dân cư, nâng cao chất lượng và hiệu quả tổ chức Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư vào dịp kỷ niệm ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hằng năm, Mặt trận các cấp đã phối hợp với chính quyền tổ chức nền nếp, gắn với các hoạt động biểu dương các gia đình văn hóa tiêu biểu, trao tặng nhà đại đoàn kết, tổ chức bữa cơm đại đoàn kết, vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trong dịp diễn ra Ngày hội đã động viên nhân dân phát huy truyền thống của quê hương, dòng họ, gắn bó tình làng, nghĩa xóm. Mặt trận các cấp tỉnh Yên Bái đã có 1.918/1.944 khu dân cư tổ chức ngày hội, đạt 98,7%; có 1.504/1.944 khu dân cư tổ chức tốt cả 2 nội dung phần Lễ và phần Hội đạt 77,4%; 1.886/1.944 khu dân cư tổ chức phần lễ đạt 97%; có 17.262 hộ được khen thưởng nhân dịp tổ chức ngày hội. Toàn tỉnh Hòa Bình có 1.714/2.066 khu dân cư đăng ký khu dân cư văn hoá; 169.839/203.464 hộ gia đình đăng ký gia đình văn hoá; 100% khu dân cư đăng ký tổ chức *“Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc”*. Kết quả bình xét danh hiệu *“Khu dân cư văn hoá”*, *“Gia đình văn hoá”* năm 2015 đã có 1.354/2.066 khu dân cư đạt khu dân cư văn hoá; 143.946/201.457 gia đình đạt gia đình văn hoá. Phú Thọ có

100% khu dân cư tổ chức tốt Ngày hội Oai đoàn kết toàn dân tộc với 399.022 lượt người tham dự, trong đó có 2.600/2.890 khu dân cư tổ chức cả phần hội và phần lễ đạt 90,5%; có trên 87% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”, trên 86% khu dân cư đạt tiêu chuẩn “Khu dân cư văn hóa”.

3. Phát huy dân chủ, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền vững mạnh

Mặt trận các cấp trong cụm đã chủ động phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên trong công tác giám sát và phản biện xã hội. Tổ chức góp ý và tập hợp ý kiến của các tầng lớp nhân dân tham gia vào các Dự thảo văn kiện và đề xuất sáng kiến xây dựng Đảng, xây dựng đất nước trong Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng các cấp. Tổ chức các diễn đàn và các phương thức phù hợp để phát huy sáng kiến của nhân dân, nhất là đội ngũ trí thức Ở trong và ngoài nước hiến kế xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Cạn đã tổng hợp được 748 lượt ý kiến, phản biện các dự án Luật, Bộ Luật Hình Sự sửa đổi, Pháp lệnh có liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức tiếp xúc cử tri trước, sau kỳ họp thứ 9 và

trước kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII tại 34 điểm với trên 4 ngàn lượt cử tri tham dự, với 1.170 ý kiến, kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và các cơ quan chức năng Ở địa phương; tổ chức tiếp xúc cử tri Hội đồng nhân dân tỉnh trước, sau kỳ họp thứ 10 và trước kỳ họp thứ 11 tại 42 điểm thuộc các xã, phường, thị trấn với trên 2 ngàn lượt cử tri tham dự, có trên 200 ý kiến, kiến nghị. Mặt trận các cấp tỉnh Phú Thọ đã tổ chức 327 hội nghị tham gia vào Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ các cấp với 19.618 người tham dự với trên 4.800 ý kiến phát biểu. Mặt trận các cấp trong cụm đã tích cực phối hợp và đề nghị chính quyền cùng cấp thực hiện trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch những vấn đề nhân dân yêu cầu. Hình thành cơ chế đánh giá Sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của chính quyền cơ sở. Tham gia giám sát thực hiện Quy chế dân chủ Ở cơ sở, nâng cao chất lượng hoạt động tiếp công dân, tham gia giải quyết và giám sát các cơ quan chính quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Mặt trận các cấp tỉnh Yên Bái đã tổ chức tiếp 21 lượt công dân, tiếp nhận 12 đơn khiếu nại, tố cáo, đã nghiên cứu, chuyển 8 đơn cho các ngành có liên quan giải quyết, trả lời, đã có 4 đơn được các cấp, các ngành giải quyết dứt điểm. Mặt trận tỉnh Hòa Bình đã tiếp 17 lượt công dân

và nhận 34 đơn thư của công dân, đã chuyển 17 đơn thư và nhận 5 đơn phúc đáp của các cơ quan chức năng. Đồng thời định kỳ vào ngày 15 hàng tháng Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân ban, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tiếp dân tại trụ sở tiếp dân của tỉnh...

4. Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động đối ngoại nhân dân

Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam các tỉnh trong cụm đã phối hợp xây dựng chương trình, phân công trách nhiệm, đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân theo phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả”, góp phần tăng cường tình hữu nghị và đoàn kết, hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới, mở rộng các hoạt động giao lưu, trao đổi với các tổ chức nhân dân các nước. Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hòa Bình đã phối hợp với Quỹ Oxytraylia vì Nhân dân châu Á và Thái Bình Dương (AFAP) Việt Nam và Ban quản lý dự án AFAP huyện Đà Bắc tổ chức hội thảo về giám sát và phản biện xã hội theo Quyết định 217 - 218 của Bộ Chính trị cho gần 80 cán bộ Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh và các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc các huyện, thành phố; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm